

ULYSSES

Ở TIỆM NHỮNG TÂM

BẢN ĐỒ BỊ LÃNG QUÊN

MOORE



Il presente volume è stato tradotto grazie ad un contributo alla traduzione concesso dal Ministero degli Affari Esteri della Repubblica Italiana.

*Cuốn sách này được chuyển ngữ với sự tài trợ của
Bộ Ngoại giao Italia – Cộng hòa Italia.*

ULYSSES MOORE

Ở tiệm Những tấm bản đồ bị lãng quên

Đôi lời cùng độc giả

Cộng tác viên của chúng tôi cuối cùng cũng dịch xong cuốn thứ hai của Ulysses Moore, sau khi giải được những mật mã đã khiến tác phẩm trở nên khó đọc. Nhưng lớp màn bí ẩn về Kilmore Cove và những cư dân của nó vẫn còn dày đặc... Do đó, anh ấy đã quyết định lưu lại ở Cornovaglia thêm một chút để điều tra. Nếu các bạn tò mò muốn biết điều gì đã xảy ra tới thời điểm hiện tại, trước khi đắm mình vào chuyến phiêu lưu mới này, hãy lướt qua phần cuối của cuốn sách...

Ban biên tập bật mí

BẢN DỊCH BẢN THẢO THỨ HAI

Từ: Pierdomenico Baccalario
Tiêu đề: Bản dịch bản thảo thứ hai
Ngày: 01/03/2005 11:23:55
Tới: Ban biên tập

Các bạn thân mến,

Tôi viết cho các bạn từ một điểm truy cập Internet tại St.Ives, một thị trấn ngập tràn tiếng cười ở Cornovaglia. Ở đây rất tuyệt vời. Nếu các bạn không thấy bất tiện, tôi sẽ ở lại đây thêm vài tuần nữa. Tôi cũng đã dịch xong cuốn thứ hai và tôi phải nói rằng không phải là không có bất ngờ. Mà ngược lại, có vô số điều đã được khám phá. Nhưng tôi sẽ không tiết lộ trước cho các bạn bất kỳ điều gì đâu...

Tôi đã làm việc ngày đêm, và giờ thì mệt mỏi rã rời. Thú thực là, khi tôi bước ra khỏi phòng, ánh sáng mặt trời thậm chí đã làm tôi lóa mắt. Nói như thế để các bạn hiểu cho là tôi đã không còn quen với ánh sáng mặt trời như thế nào.

Chính các chủ quán trọ đã bắt tôi ra ngoài hít thở chút không khí. Nếu không tôi vẫn còn nhốt mình trong phòng, với giấy bút, và đương đầu với chữ viết khó hiểu của Ulysses Moore. Họ là những con người tuyệt vời: tôi đã kể cho họ việc tôi đang làm... và giờ họ đối với tôi thân thiết như người trong nhà vậy.

Tôi ăn sáng cùng họ. (Các bạn đã bao giờ nếm thử món *scones*¹ chưa? Thật tuyệt vời khi nhúng bánh trong cà phê sữa!). Sau đó tôi ngồi vào chiếc bàn nhỏ, mở cuốn sổ ghi chép mới ra và tìm trong rương những hình vẽ và bức ảnh có thể giúp ích cho tôi. Điều thú vị là, vào cuối ngày, họ bảo tôi đọc to một đoạn vừa dịch, và chúng tôi cùng bình luận.

Các bạn biết điều gì kỳ lạ không? Bà chủ quán trọ đã nghe nói về Kilmore Cove, nhưng cả bà ấy và ông chồng đều không biết chính xác phải đến đó bằng cách nào. Dù sao đi nữa thì tôi cũng không có nhiều thời gian để đi thăm thú!

Trước khi tôi dùng bút, có vài điều mà các bạn cần biết: trong khi tiến hành vài nghiên cứu, tôi đã tìm thấy dấu vết của cô "Oblivia Newton" - một nữ doanh nhân thành đạt, làm việc trong lĩnh vực bất động sản, chuyên mua bán và cho thuê các căn hộ và nhà nghỉ dưỡng. Liệu đó có đúng là người đã được nhắc tới trong những cuốn nhật ký hải trình của Ulysses Moore không?

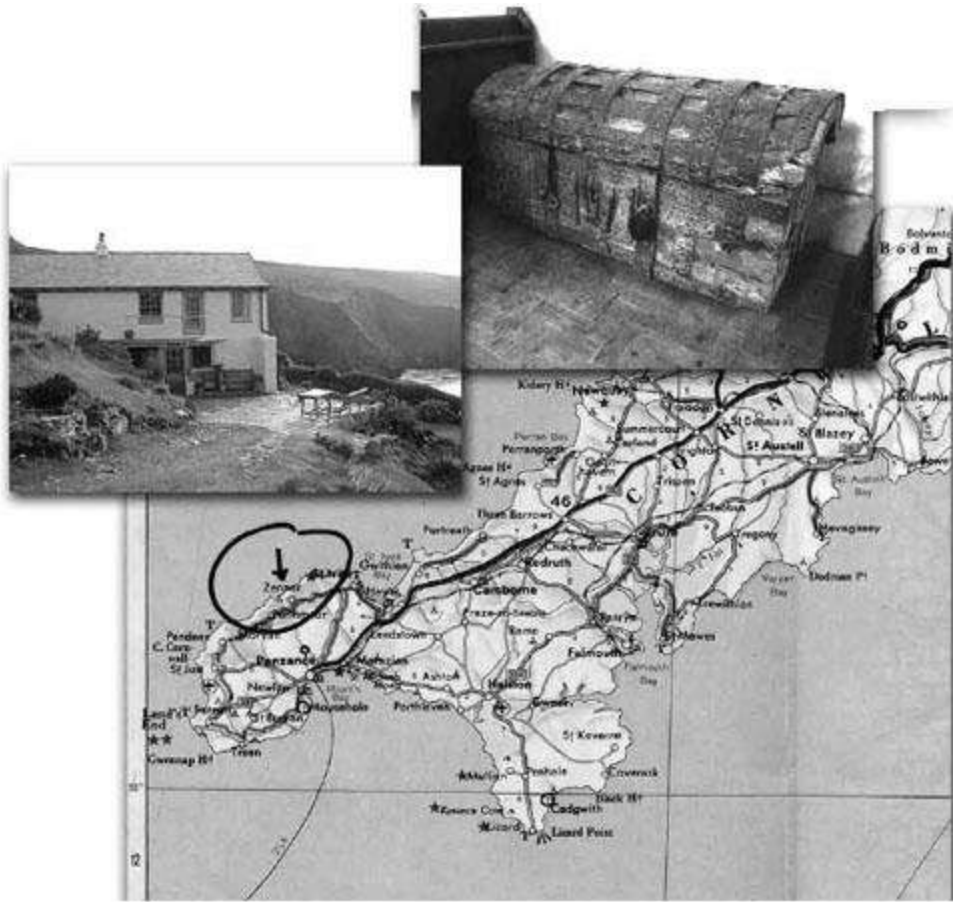
Cũng có nhiều người mang họ Covenant trong danh bạ điện thoại của London, đến mức tôi muốn gọi cho tất cả bọn họ.

Nhưng, Kilmore Cove không nằm trong bất cứ danh bạ nào. Điều tối thiểu mà tôi có thể nói, chi tiết ấy quả thực khiến tôi vô cùng tò mò muốn đến Tòa thị chính St.Ives để hỏi thêm thông tin. Hoặc tìm một bản đồ chỉ đường, hay một bản đồ du lịch chi tiết để đến được ngôi làng bé nhỏ kỳ lạ này...

Vì thời gian có hạn, tôi phải đi đây.

Hẹn sớm gặp lại,

Pierdomenico.



1. Bánh mì dẹt mềm làm bằng bột mì hoặc lúa mạch nướng qua.

Chương 1. Tối thứ bảy tại Kilmore Cove

Trời đang mưa, bầu trời tối sầm như một sắp sụp xuống. Từ căn tháp nhỏ của Biệt thự Argo nằm vắt vẻo trên đỉnh vách đá, đèn đóm chao

đào và có nguy cơ rớt xuống bất kỳ lúc nào nếu những cơn gió mạnh cứ liên tục quất vào. Cây cối trong hoa viên rũ xuống như những cọng cỏ. Những con sóng, biến thành những núi bọt, đập mạnh lên vách đá.

Ông lão làm vườn Nestor đã kiểm tra không biết bao nhiêu lần xem tất cả các cửa sổ đã đóng hay chưa. Ông tập tễnh đi khắp các phòng, dò dẫm trong bóng tối giữa những đồ nội thất kỳ quặc. Dựa vào trí nhớ, ông tránh được những ngăn kéo nhô ra, những chiếc bàn nhỏ, những bức tượng Ấn Độ và châu Phi, và hơi cúi xuống trong khi đi dưới chiếc đèn chùm cổ của Venezia trong phòng khách. Sau bao năm trung thành phục vụ các chủ nhân, ông đã nắm rõ từng góc ngách của ngôi biệt thự trong lòng bàn tay.

Bước qua cầu thang, đi ra bao-lơn, Nestor dừng lại ngắm nhìn hoa viên trong cơn mưa qua những ô cửa sổ sát đất: ngập dưới cơn mưa, cả hoa viên mang một sắc xám xịt. Ông đứng dựa vào bệ bức tượng người phụ nữ đang mài mê vá lưới đánh cá. Được tôn lên bên những ô kính lóa sáng theo từng ánh chớp chói loà, bức tượng trông thật sống động.

Nestor xoa mạnh hai bàn tay vào nhau, bước lên cầu thang, đi dọc theo những bức chân dung các chủ nhân cũ của Biệt thự rồi đi vào phòng tháp nhỏ. Ông liếc mắt nhìn thoáng qua những tập nhật ký hải trình và bộ sưu tập mô hình tàu thuyền, sau đó tập tễnh trở xuống tầng trệt, đi qua mái vòm dẫn đến căn phòng khách nhỏ với những bức tường bằng đá cũ kỹ và bật đèn.

Giấy và bút chì vương vãi khắp nơi trên sàn, nơi bọn trẻ đã dành cả buổi chiều để giải mã bí ẩn về bốn ổ khóa.

Mèo rùng, ác là, rắn và ốc sên.

Vậy là rốt cuộc, chúng đã mở được Cánh cửa Thời gian!

Nestor nhìn cánh cửa tối màu. Bề mặt gỗ cũ kỹ lộ chỗ những vết cháy và trầy xước. Giờ thì cánh cửa đã bị khóa từ phía bên kia. Bị sập lại vì một luồng gió.

“Miễn là chúng vẫn ổn!” Ông lão làm vườn vừa lẩm bẩm vừa áp sát vào mặt gỗ lạnh lẽo của Cánh cửa Thời gian. Ông xem giờ trên chiếc đồng hồ cơ, món quà từ người bạn cũ làm thợ sửa đồng hồ: những chiếc kim dài và mảnh di chuyển một cách chậm chạp.

“Giờ này có lẽ bọn trẻ đến nơi rồi...” Ông nghiêng răng lẩm bẫm, vẻ lo lắng.

Chương 2. Phía bên kia cánh cửa

Gạt những sợi tóc ướt đẫm khỏi vương vào mắt, Jason nói:

“Có một hành lang kìa!”

“Và cả ánh sáng nữa!” chị gái cậu thêm vào.

Rick đi sát gót sau hai chị em sinh đôi, nhét lại vào túi những mẫu nến mà cậu mang theo.

“Tớ thấy hình như nóng hơn ấy...”

Đám trẻ tiến thêm được vài mét trong hành lang, cố sửa sang những bộ quần áo chúng tìm thấy trong chiếc rương của con tàu cho chỉnh tề: quần và áo sơ-mi quá khổ, cùng với những đôi guốc gỗ quai chéo.

Rick nói đúng: ở đây nóng hơn rất nhiều so với trong hang Salton Cliff, nơi có con tàu Metis.

Jason cúi xuống xem xét sàn nhà.

“Cát đấy,” cậu bé nói. “Dưới sàn toàn là cát thôi.”

Cô chị chăm chú ngắm nhìn những khối đá trên tường. Chúng có màu sẫm, khác loại so với vách đá ở hang Salton Cliff.

“Có thể chúng ta đang đi vào bên trong một núi lửa!” Cô bé phì cười.

Rick quay lại quan sát cánh cửa cả bọn vừa đi qua: nó hoàn toàn lẫn với vách đá của hành lang, và nếu không biết trước về sự tồn tại của nó, có lẽ cậu không thể nhận ra là có một cánh cửa ở đó.

Cậu chỉnh lại cuộn dây cứ chực tuột về phía sau sao cho thẳng bằng trên vai và tiếp tục đi.

Jason căng thẳng huýt sáo.

“Nhìn cho kỹ rồi hãy đặt chân xuống bất cứ chỗ nào!” Cô chị cảnh báo. “Cẩn thận không là thò chân vào bẫy đấy!”

Sau khi rẽ ở một ngách vuông góc với hành lang đang đi, bọn trẻ thấy phía trước là một hành lang mới và một cầu thang hẹp dẫn lên cao. Có ánh sáng hắt xuống từ tấm lưới sắt lấp trên cao. Jason thản nhiên ra đứng dưới ánh nắng chan hòa rọi xuống từ trên cao và reo lên:

“Cuối cùng cũng có một chút nắng!”

Rick bối rối lắc đầu.

“Không thể nào! Làm gì có chuyện chúng ta đã ở trong cái hang này suốt cả đêm qua!”

Đúng lúc Julia chợt nhận ra đồng hồ đeo tay của mình đã ngừng chạy.

“Có thể bây giờ mới là sáng sớm thôi.” Cô bé đánh bạo đưa ra nhận xét.

Rick bước tới đứng cạnh Jason dưới luồng ánh sáng.

“Nhìn từ đây thì tớ đoán là mặt trời đã lên cao rồi. Phải vậy thì ánh nắng mới rọi xuống được tận sâu dưới đất thế này chứ! Thật không thể tin nổi... Thời gian không thể trôi nhanh thế được!”

“Ít nhất thì điều này cũng giải thích vì sao tớ mệt mỏi đến thế...” Jason vừa nói, vừa xoa xoa vết thương trên ngực.

“Mọi người nghĩ chúng ta đang ở đâu?” Julia chen ngang khi bắt kịp hai cậu nhóc.

“Theo tớ... chúng ta vẫn đang ở dưới hang Salton Cliff... sau biệt thự Argo một chút.” Rick diễn giải, cậu đã trở lại là con người có óc thực tế.

“Tớ muốn chúng ta biết chắc chắn điều này cơ.” Jason vừa nói vừa đưa chân bước lên những bậc thang đầu tiên.

Đang leo giữa chừng, cả bọn đột nhiên dừng lại khi nghe thấy qua tấm lưới sắt những tiếng trò chuyện lôm bôm của hai người nào đó:

“... một lô nhựa cây chất lượng tốt nhất.”

“Mày cho chuyển đến khu chợ gần mastaba rồi chứ?”

“Tất nhiên, mày nghĩ gì chứ! Nhưng hôm nay kiểm soát chặt lắm, không đi lại gì được.”

“Hãy tạ ơn Pharaon¹ vì chuyến viếng thăm của ngài!”

“Mày nghĩ tao sẽ thấy phiên sao? Rồi xem, tao sẽ cảm ơn ngài cả nghìn lần nếu lần tới ngài cứ nghỉ yên trong cung điện của mình...”

Những giọng nói cứ xa dần cho đến khi không còn nghe thấy gì nữa. Bọn trẻ nhìn nhau bối rối.

“Các cậu cũng nghe thấy phải không?” Julia hỏi.

“Em nghĩ là có. Họ nói to và rõ ràng mà.” Jason vừa đáp vừa tiếp tục leo lên.

“Vấn đề là ở từ *Pharaon*, hay là mình mơ nhi?”

“Hoặc có thể chúng ta hiểu nhầm. Nói đến bọn gà sao² thì sao.”

“Còn cậu, Rick. Cậu nghĩ sao?”

Cậu bé tóc đỏ mở cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên* và bắt đầu giở qua giở lại.

“Chờ một chút, Julia! Tớ đang tìm xem ‘mastaba’ nghĩa là cái gì.

Đến đầu cầu thang, Jason dừng lại trước một bức tường gạch chắn lối đi.

“Jason, em có biết ‘mastaba’ là gì không?” Cô chị hỏi khi bắt kịp cậu.

Rồi khi phát hiện ra chướng ngại vật, cô nhóc nói:

“Đừng nói với chị rằng chúng ta bị mắc kẹt rồi nhé!”

Jason vừa gõ tay lên những viên gạch vừa trả lời:

“Em e là thế đấy! Nhưng... em không nghĩ là bức tường này sẽ giữ chân chúng ta lâu được. Chỉ tạm thời thôi.”

“Mastaba - Rick nói, giọng mất dần vẻ tự tin theo từng con chữ - là công trình linh thiêng của người Ai Cập có hình kim tự tháp cụt. Bên trong được trang trí bằng những bức tranh hoặc hình vẽ trên tường. Lối vào hầm mộ được giấu đi để tránh bọn trộm mộ xâm nhập.”

Julia tròn tròn mắt:

“Công trình linh thiêng của người Ai Cập? Hầm mộ? Bọn trộm mộ?”

Cô bé giận dữ quay sang phía em trai và khiến cậu sững người bằng một tiếng hét:

“Jason!”

Rick gập cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên* lại.

“Hãy nói với tớ rằng tớ đang mơ đi.”

“Jason!” Julia lặp lại. “Em đang giấu bọn chị điều gì đúng không?”

Sự thật là Jason cũng đang kinh ngạc y như bọn họ vậy. Mặc dù đúng như những gì chị cậu linh cảm, nỗi kinh ngạc này của cậu hòa lẫn với niềm vui sướng.

“Vậy là... thực sự nó hoạt động như vậy..., cậu vừa lăm bằm với vẻ phấn khích, vừa tựa người vào bức tường gạch.”

Cậu nhớ lại những mơ mộng hảo huyền của mình trên boong tàu Metis, khi con tàu dường như không muốn di chuyển. Cậu nhớ lại lúc rất cuộc cũng xoay sở làm nó nhổ neo như thế nào, với mong muốn bằng mọi giá có thể đến được... Ai Cập!

Rick nhìn cậu bạn, nhìn Julia, và cuối cùng nhìn hành lang kỳ lạ bao quanh chúng. Cậu gật đầu.

“Rõ rồi. Chúng ta không còn ở Kilmore Cove nữa. Rõ ràng là như thế...”

Chính vì thế mà Julia trở nên căng thẳng:

“Làm sao mà thế được, chúng ta không còn ở Kilmore Cove nữa ư?”

Rick chỉ tấm lưới sắt phía trên đầu:

“Cậu nghe thấy những người đó nói chuyện rồi, đúng không? Nhựa cây, mastaba, Pharaon...”

Jason cắn môi để nén cười.

Julia xoay gót và chỉ tay về phía cậu:

“Jason, bây giờ em...”

Nhưng cô không kịp nói hết câu. Có ai đó đang vỗ từng hồi lên bức tường gạch từ phía bên kia.



Đã gần nửa đêm. Cơn đông càng lúc càng dữ dội. Ngọn hải đăng ở Kilmore Cove bật sáng lên, từ đó tỏa một luồng ánh sáng màu cam. Sau hai lần nhấp nháy, một chùm ánh sáng trắng bắt đầu thăm dò màn đêm, chậm chậm quay tròn. Ánh đèn chiếu rọi mặt biển, mắt hút vào nơi xa xăm, rồi lướt qua những mái nhà, như một con mắt lớn màu trắng đáng tin cậy.

Cả thị trấn ngủ trong yên bình, dưới sự trông chừng của người lính gác đặc biệt này.

Vào cái giờ khuya khoắt ấy, vẫn có độc một chiếc ô tô lòng vòng trên những con đường vắng vẻ. Đó là một chiếc xe kiểu găng-tơ, đen sì và hầm hố, huênh hoang phô bày công nghệ xa xỉ đắt tiền. Những chiếc cần gạt nước đời mới nhất quẹt trên tấm kính chắn gió như những vận động viên chạy nước rút trên băng. Chiếc xe băng qua ngọn đồi và tấm kính nhuộm màu chống bức xạ không thể nào ngăn được luồng ánh sáng chói loà từ ngọn hải đăng. Chiếc xe bị soi tỏ như ban ngày. Bị bất ngờ và lóa mắt, lái xe phanh gấp.

Từ ghế sau vang lên tiếng một phụ nữ. Sau khi kết thúc một lô một lốc những lời rửa xả, cô ta cảnh cáo bằng một câu dứt khoát:

“Đừng để chuyện này tái diễn lần nữa!”

Gã lái xe lầm bầm vài câu đáp trả, và tiếp tục điều khiển xe lao dốc, hướng vào làng.

Chiếc xe đi dọc theo con đê chắn sóng, quay lưng lại với ngọn hải đăng, rồi tiến vào con phố thứ hai chật hẹp và ngoắt ngoéo dẫn tới trung tâm làng.

“Đường này ngược chiều mà.” Người phụ nữ ngồi sau quở trách.

“Nhưng đi lối này nhanh hơn.” Gã lái xe vừa ngó chừng người phụ nữ qua gương chiếu hậu vừa đáp.

Những chiếc móng tay dài màu tím của người phụ nữ loé sáng.

Chiếc xe đâm ra một quảng trường hình tròn, nơi đặt chễm chệ một bức tượng người cười ngửa rất oai vệ. Dưới bụng con ngựa bằng đồng, một bầy

mòng biển đang trú mưa.

“Nghệ thuật hữu dụng với những việc như thế này đây!” Gã lái xe cười khẩy, nghĩ thầm.

Sau một cú ngoặt gấp, chiếc xe rẽ vào một hẻm nhỏ chỉ vừa đủ rộng để lách qua, hai bên là những ngôi nhà cũ kỹ với những mái nhà chìa sát vào nhau duyên dáng. Những tấm rèm nước xối xả chảy xuống như thác từ các ống máng.

“Chúng ta đến nơi rồi!” Gã lái xe nói khi ra khỏi con hẻm.

Theo nhịp gạt đều đặn của đôi cần gạt nước, chiếc xe tiến lại phía một ngôi nhà nhỏ hai tầng, nổi bật với ban công đầy hoa, khung cửa sổ tầng gác mái tuyệt đẹp và mái nhà nghiêng nghiêng.

“Tuyệt vời!” Người phụ nữ trong xe thốt lên. Cô ta xúc nước hoa nồng nặc rồi tự mình mở cửa xe.

“Chúng ta đi thôi, nhanh lên!”

“Tôi cũng phải đi sao?”

“Người đã quên mình phải làm gì rồi sao, Manfred?” Oblivia Newton vừa rít lên giận dữ vừa thẳng tiến về phía ngôi nhà cũ kỹ, không thèm đóng cửa xe lại.

Chương 3. Bức tường

Từ phía bên kia bức tường, những tiếng vỗ lặp đi lặp lại. Một tiếng. Hai tiếng. Một tiếng. Hai tiếng.

“Chúng ta quay lại thôi...”

Julia thì thầm, nhưng Jason ra dấu bảo cô im lặng.

Một tiếng. Hai tiếng.

Những tiếng vỗ nhẹ lặp lại, như thể ai đó muốn chắc chắn rằng bức tường thực sự tồn tại.

“Tại sao họ lại vỗ như vậy nhỉ?” Julia hỏi nhỏ.

“Hẳn là ai đó đã nghe thấy chúng ta nói chuyện.” Rick đáp liêu. “Và người đó đang kiểm tra độ dày của bức tường, như em cậu đã làm trước đó vậy.”

Jason áp sát tai vào tường.

“Em nghe thấy gì không?” Cô chị hỏi.

“Em chỉ nghe thấy tiếng chị, nếu chị không im lặng đi một chút!”

Sau đó cậu vỗ hai lần lên bức tường.

Julia nhăn mặt khó chịu.

“Em đang làm gì thế hả?”

“Em trả lời họ.”

Rick, ở phía sau, lắc đầu.

“Có thể đó không phải là một ý kiến hay đâu. Tớ không chắc có nên cho họ biết là chúng ta ở đây không...”

Từ bức tường lại vang lên hai tiếng vỗ. Sau đó một tiếng vỗ mạnh hơn, và Jason cũng vỗ lại trả lời với sức mạnh tương tự.

“Jason...” Cô chị thì thầm. “Em có nghe thấy Rick nói gì không?”

“Suyt! Họ đang làm gì đó...”

Lũ trẻ nghe thấy vài tiếng động khó hiểu, tiếp theo là một khoảng lặng kéo dài, và cuối cùng, là một tiếng rít sắc lẹm.

“Em có nghe thấy gì không?” Julia hỏi.

“Có.”

“Tiếng gì thế?”

“Hình như là tiếng kim loại. Nghe như có người đang cọ một viên đá vào thứ gì đó bằng sắt.”

Chúng vẫn đang nghe ngóng. Tiếng động bí ẩn phía bên kia tường dường như đã ngừng lại. Sau đó, bất thành linh, dưới chân tường bùng lên một làn bụi.

Jason ngay lập tức có linh cảm xấu. Cậu bé lùi khỏi bức tường và hét lên:

“Hai người tránh ra đi! Chạy thôi!”

Rồi ngay sau đó, một tiếng nổ lớn cùng đám khói như mây trắng bốc lên.

Julia nhảy xuống dưới cầu thang. Cô nhanh nhẹn tránh được Rick và bắt đầu chạy, cuốn trong màn bụi. Không ngoảnh lại, cô nghe thấy tiếng Jason gào to sau lưng:

“Chạy đi! Chạy đi!”

Và cô nhận thấy Rick cũng bắt đầu chạy.

Julia tăng tốc, rẽ vào chỗ ngoặt. Phía sau cô, những viên gạch đổ sụp xuống. Rick ho sù sụ và cậu nhắc đi nhắc lại:

“Nhanh! Nhanh!”

Chẳng nghĩ ngợi gì, trong cơn hoảng loạn, Julia chạy đến cánh cửa đã dẫn chúng tới đây, mở cánh cửa bằng cách kéo nó về phía mình và chạy như bay sang phía bên kia.

Chìm trong bóng tối mịt mù, Julia vấp vào thứ gì đó và mất thăng bằng. Cô ngã xuống đất, trên một tấm thảm.

Một tấm thảm?

Khi quay lại, cô nhìn thấy Cánh cửa Thời gian tự đóng lại sau lưng với tiếng động kinh hoàng cùng một đám mây bụi. Những tiếng ồn, tiếng la hét của Rick và em trai cô bị hút vào xa xăm, như chưa từng tồn tại.

Julia đứng bật dậy như lò xo. Cô nhận ra mặt gỗ của cánh cửa đen sì và bị cào xước.

Cánh cửa Thời gian? Nhưng mình đang ở đâu đây?

Một tấm thảm, một cái bàn nhỏ, một tủ quần áo được chuyển vào góc, một chiếc đi-văng màu xanh da trời và vài chiếc ghế bành nhỏ... Cơn mưa vẫn đang đập vào những cánh chớp cửa sổ.

“Biệt thự Argo?” Cô sững sốt thốt lên.

Bỗng cô nhìn thấy bóng một người đàn ông, và cô rú lên.

Nestor cũng hét lên, hất tung những tờ giấy đang đọc.

Khi cả hai đã bình tĩnh lại, ông lão làm vờ cất tiếng hỏi:

“Julia? Cháu ổn chứ?”

Cô há hốc mồm nhưng không biết phải đáp lại thế nào. Cô bé nhìn chăm chăm vào Cánh cửa Thời gian và làn bụi bị cuốn vào căn phòng cùng mình, không thể hiểu nổi chuyện gì đang diễn ra.

Ông Nestor hỏi tiếp:

“Hai thằng nhóc kia đâu rồi?”

Julia lắc đầu. Sau lưng cô, Cánh cửa Thời gian đã đóng chặt. Bề mặt nó được bao phủ bởi những vết cháy và trầy xước. Bốn ổ khóa xếp thành hình thoi nhìn như một khuôn mặt cười nhạo báng.

Không có Rick. Không có Jason. Chỉ có mình cô.

Julia lại một lần nữa lắc đầu.

“Cháu không biết!” Cô bé trả lời. “Cháu không biết.”

Bà Cleopatra Biggles, 75 năm cuộc đời chỉ sống ở Kilmore Cove, bị đánh thức bởi những tiếng đập cửa. Dò dẫm tìm dây công tắc đèn ngủ, bà kéo nó để bật đèn lên.

“Xảy ra chuyện gì vậy, Antonio?” Bà hỏi một trong hai con mèo mập ú đang nằm dưới chân giường. “Mày cũng nghe thấy chứ?”

Antonio nhảy phóc lên bậu cửa sổ và nhìn ra ngoài, lưng cứng ngắc và đuôi dựng đứng lên. Con mèo thứ hai, trái lại, vẫn cứ ngủ như chẳng hề có chuyện gì xảy ra.

“Rất tiếc vì phải đánh thức mày, Cesare, nhưng tao nghĩ là có ai đó ngoài cửa.”

Bà Cleopatra dụi mắt, tóm lấy cái đồng hồ báo thức được đặt chễm chệ trên chiếc tủ đầu giường, trước tấm ảnh gia đình. Nheo mắt lại, bà nhận thấy mới chỉ quá nửa đêm một chút.

“Ai lại đến vào giờ này nhỉ?”

Bà chưa kịp có thời gian ngẫm nghĩ xem người đó có thể là ai thì tiếng đập cửa lại vang lên và còn mạnh hơn lúc trước.

“Tôi ra đây! Tôi ra đây!” Bà Biggles càu nhàu, mò mẫm đôi dép len đi trong nhà dưới gầm giường. Trong lúc tìm dép, bà giẫm phải đuôi của con mèo thứ ba, khiến nó nhảy dựng lên đầu giường.

“Tao xin lỗi, Marco Aurelio!”

Dùng bàn tay gầy guộc, cào cào lại mái tóc rối, không kịp bật đèn, bà lão ngoài bảy mươi tấp tểnh trên những bậc cầu thang gỗ để xuống tầng trệt, vừa đi vừa tránh những con mèo khác.

“Tránh ra bọn bây! Để tao qua nào!” Bà Biggles vừa nói vừa đánh thức cùng lúc tất cả hai mươi con mèo của mình. “Tao phải ra mở cửa!”

Mưa tuôn xối xả lên cửa sổ, lên những chậu hoa ngoài hiên và lên cửa sổ tầng áp mái. Ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn đường lọt qua ô kính cửa ra vào, phản chiếu một bóng người.

Bà Biggles lập tức nhớ lại rất nhiều bộ phim truyền hình mà bà đã từng xem, hình dung lại những cảnh kinh hoàng trong đó, và trước khi mở cửa, bà móc dây xích an toàn vào cái chốt trên cửa.

“Cô Newton, là cô sao?” Bà thốt lên bất ngờ ngay khi nhận ra cái bóng đó là ai. “Nhưng có chuyện gì với cô vậy?”

“Bà mở cửa cho chúng tôi chứ, bà Biggles?” Oblivia Newton mỉm cười lạnh lùng, thu mình trong bộ áo khoác lông thú đen. “Trời sắp sập xuống rồi đây này.”

Cleopatra Biggles tháo dây xích an toàn và mở cửa cho vị khách của mình vào nhà. Oblivia Newton nện gót giày cao và nhọn trên sàn gỗ cũ kỹ kêu cộp cộp. Vừa nhìn thấy cô ta, những con mèo lo lắng lui nhanh vào khoảng tối của căn phòng. Chỉ còn Antonio và Marco Aurelio vẫn trung thành ở bên bà chủ.

“Cô Newton, tôi rất lấy làm xấu hổ khi đón tiếp cô trong bộ dạng này, nhưng tôi không biết là cô sẽ đến! Nhà cửa thì lộn xộn và...”

Cleopatra chuẩn bị đóng cửa thì một bàn tay to khỏe ngăn lại và đẩy cửa ra.

Một tia chớp rọi sáng khuôn mặt xấu xí của Manfred, gã đứng bất động và ướm sững trên ngưỡng cửa.

Cleopatra Biggles đưa tay che miệng, hoảng sợ trước sự xuất hiện của người đàn ông, đằng sau bà, Antonio và Marco Aurelico cũng giương móng vuốt lên.

“Cô Newton! Người đàn ông này đi cùng với cô sao? Có chuyện... chuyện gì vậy?”

Oblivia không thèm trả lời. Cô ta điềm nhiên bước vào hành lang nối phòng khách với nhà bếp, dừng lại trước cánh cửa hầm và bắt đầu sẫm soi bức tường.

“Nhà này không có đèn sao?” Cô ta lớn tiếng hỏi, trước khi nhận thấy những gì đang diễn ra ở cửa ra vào. “Ồ đúng rồi, bà Biggles, bà vui lòng cho cả lái xe của tôi vào nhà chứ?”

Cảm thấy yên tâm, Cleopatra Biggles lùi lại một bước.

“Mời ông vào!” Bà nói với Manfred.

Manfred tỏ vẻ kính tởm khi nhìn thấy hai con mèo đứng gác đằng sau bà Biggles rồi bước vào nhà. Sau đó gã dừng lại ở giữa căn phòng để giữ nước trên người và nói :

“Tôi ghét mèo.”

Trước cửa hầm, Oblivia Newton cởi bỏ bộ áo choàng bằng lông thú, thả rơi xuống đất. Bên trong cô ta ăn vận như một người dẫn chương trình với dáng vẻ chần chu thông thường: xăng-đan cao gót quấn vào bắp chân, váy bút chì bằng vải lanh trắng, được giữ ở eo bằng một dây lưng, áo sơ-mi mỏng với măng-séc bằng da báo và khăn choàng lông thú. Chiếc cổ dài của cô ta được tôn lên bởi một chuỗi vòng tuyệt đẹp hình tròn bằng vàng dát mỏng. Ở đầu kia hành lang, Cleopatra Biggles bôi rối chỉnh trang lại đầu tóc và chiếc áo ngủ in hoa xanh.

“Cô Newton, trông cô thật tuyệt...”

“Đèn!” Oblivia Newton ra lệnh cộc lốc. “Bà bật đèn lên cho tôi!”

Cleopatra Biggles bật đèn trần lên, từ đó tỏa ra khắp tầng trệt một thứ ánh sáng mờ đã bị yếu đi vì cơn đông.

“Không quá sớm rồi!” Oblivia nói, kiểm tra gì đó trên cánh cửa hầm rượu. “Cuối cùng chúng ta cũng ở đây!”

Bà Biggles cố gắng trấn an Antonio và Marco Aurelio, vẫn đang bị kích động bởi cuộc viếng thăm bất ngờ. Bà đột nhiên lên tiếng hỏi với vẻ thật thà:

“Xin lỗi, cô nói gì cơ?”

Oblivia mân mê ổ khóa trên cánh cửa cũ kỹ, sau đó nhặt từ dưới đất lên vài hạt cát.

“Không gì cả, bà thân mến...” Cô ta nói, với một giọng điệu chiếu cố một cách giả tạo. “Sao bà không về giường ngủ tiếp đi?”

Sau câu nói đó, Manfred đưa tay lên, bịt miệng bà Biggles bằng một chiếc khăn tay tẩm thuốc mê.

Đôi mắt của người phụ nữ lớn tuổi mở to vì bất ngờ, nhưng chỉ trong thoáng chốc. Sau đó, bà ngã vào vòng tay Manfred trong cảnh hỗn loạn của đám mèo đang lảng xảng quanh bà đầy lo lắng.

“Chúng ta sẽ gặp lại nhau sau, Manfred, Obliva Newton nói khẽ. Người biết mình phải làm gì rồi đấy...”

Lấy ra trong túi một chiếc chìa khóa gi sét có chuôi hình đầu mèo, cô ta tra chìa vào ổ khóa trên cửa hầm nhà bà Biggles và xoay.

CẠCH! Ổ khóa bật mở.

Chương 4. Những vị khách

Khi lớp bụi tan dần, thứ đầu tiên Jason nhìn thấy là vẻ dọ nạt của một con chó đá nhô lên giữa đồng gạch.

Jason không mất nhiều thời gian để nhận ra đó là gương mặt của Anubis, vị thần mình người đầu chó rừng thời Ai Cập cổ. Nói chính xác hơn, là vị thần của người chết.

Bức tượng đã phá vỡ tường và nhô cả sang phía bên kia.

“Julia?” cậu đứng dậy, cất tiếng gọi.

Cậu lùi xa khỏi bức tượng và cố định hướng, nhưng trong không khí vẫn còn lơ lửng một lớp bụi mỏng.

“Rick?”

Bạn cậu đang vẫy tay ở dưới chân cầu thang, cách cậu một khoảng không xa.

“Cậu ổn chứ?”

“Tớ ổn. Cậu thì sao?”

“Không bị gãy chỗ nào cả. Julia đâu?”

“Tớ không biết,” Rick trả lời, húng hắng ho. “Cô ấy chạy trước tớ. Tớ tin là Julia đã chạy được đến chỗ cánh cửa và trở lại hang rồi. Tớ sẽ đi xem thế nào...”

“Đợi đã!” Jason dỏng tai nghe ngóng. Hình như cậu nghe thấy một giọng nói nhỏ phát ra từ bên kia của bức tường.

“Có người!”

Hai cậu nhóc tiến lại gần bức tượng vị thần của người chết và ghé mắt nhìn hé qua những viên gạch.

Ở phía bên kia, nằm dưới đồng vò hai quai bị vỡ là một cô bé trạc tuổi chúng.

“C... cứu tôi với!” Cô bé lạ mặt rên rỉ.

“Sang giúp cậu ấy đi, Rick! Tớ nghĩ là cậu ấy cần giúp đỡ.” Jason kêu lên và nhảy qua bức tường gạch.

Hai cậu nhóc kéo cô bé ra khỏi đồng vò vỡ: cô bé mặc một chiếc váy dài đến đầu gối hẳn là có màu trắng trước khi xảy ra vụ tai nạn, đầu cạo trọc lốc, chỉ chừa lại một bím tóc đuôi sam đen rủ xuống tận ngực.

Sau khi được Rick và Jason giúp đỡ, cô bé ngay lập tức đứng dậy, phủi quần áo, đồng thời kiểm tra xem có bị thương ở đâu không.

“Tớ nghĩ là mình đã gây rắc rối rồi!” Cô bé nói giữa những cơn ho, trong khi đó, lớp bụi cũng dần tan.

Jason và Rick vẫn còn quá mải mê quan sát khung cảnh xung quanh nơi chúng đang đứng, mà quên mất việc đáp lời cô bé.

Đó là một căn phòng nhỏ đầy bụi bặm, chất lộn xộn những món đồ gỗ có hình thù kỳ lạ: một bàn chân khổng lồ bằng đá, vài cái rương hình cá sấu, vài chiếc bàn có chân hình chân chim và một đồng mảnh vỡ vò hai quai vương vãi trên đất.

Cô bé đứng thẳng, tay chống nạnh và nheo mắt nhìn lỗ thủng trên tường.

“Cô ấy bị cận thị.” Rick nghĩ bụng.

“Các cậu đến từ đâu thế?” Cô bé cất tiếng hỏi.

Trên người cô bé tỏa ra mùi hương hoa nồng đậm, và trên da còn vương những mảnh vụn vò hai quai màu đỏ.

“Từ đằng kia.” Jason trả lời.

“Ở đó có gì thế?”

Jason và Rick ra hiệu với nhau bằng ánh mắt.

“Ồ, chẳng có gì! Chẳng có gì đặc biệt. Cũng giống như ở đây thôi! Một ổ bụi đích thực!”

“Thật là thảm họa!” Cô bé rên rỉ. “Bố tớ mà phát hiện ra thì tớ tiêu đời mất.”

“Cả tớ cũng không muốn nghĩ tới điều này!” Jason thở hắt ra.

Rick bặm môi, không nói gì cả.

Cô bé tiến lại chỗ bức tượng Anubis và hỏi:

“Sao các cậu lại cứ gõ lên tường thế?”

“Ồ, gõ chơi ấy mà...” Jason trả lời. “Chúng tớ đang nói chuyện này chuyện kia, và... cốc, cốc... chúng tớ gõ lên tường để xem tường có chắc không thôi.”

“Tớ đã nghe thấy tiếng các cậu! Bức tường này mỏng như ‘seba’ vậy.”

“Hắn rồi: mỏng như ‘seba’,” Jason máy móc nhắc lại, thần người ra trước câu nói khó hiểu.

Ở phía sau, Rick lật nhanh cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*, rồi thì thầm vào một bên tai cậu:

“Seba là cái lọng nhỏ dùng che nắng.”

Rồi bổ sung với giọng lo lắng:

“Một từ trong tiếng Ai Cập cổ.”

Trong lúc đó, cô bạn đồng hành kể cho chúng những gì đã xảy ra:

“Tớ đang tìm một vài ‘ostrakon’ hài hước, thì nghe thấy giọng của các cậu.”

“Ostrakon là các mảnh đất nung dùng thay cho giấy papyrus để ghi chép các khẩu hiệu hay lời nguyện.” Rick thì thầm vào tai Jason.

Sau đó để thêm, giọng điệu thêm phần lo lắng:

“Một từ trong tiếng Hy Lạp cổ.”

“Thế là tớ tiến lại gần để gõ thử...” Cô bé nói tiếp. “Tớ cứ tưởng là mình nhầm rồi thì các cậu đáp trả những tín hiệu của tớ. Tớ bèn đi tìm cái gì đó nặng nặng trong kho đồ dùng chất đống dưới đây và tìm thấy bức tượng Anubis cũ đó... Tớ chỉ muốn dùng cái bệ của nó để nện vào tường, nhưng... Các cậu thấy đấy, cả bức tường đổ sập xuống... Khi thật!”

Jason mỉm cười thích thú.

“Tớ không có ý gây ra đống lộn xộn này, cô bé tiếp tục, nhưng tớ tò mò quá. Tớ cứ nghĩ là đã khám phá ra một lối đi bí mật... hoặc cái gì đó tương tự cơ...”

“Và thế vào đó, cậu lại thấy hai chúng tớ.” Rick kết luận.

Cô bé cười khúc khích.

“Thực vậy. Và chẳng có lối đi bí mật nào cả.”

Trong khi cô bé nói, Jason chăm chú quan sát và quyết định sẽ đánh liều tin tưởng cô bé này, bất chấp mọi nguy cơ.

“Này cậu, tớ biết là có vẻ kỳ nếu tớ hỏi cậu điều này, nhưng... chính xác là chúng ta đang ở đâu vậy?”

“Chúng ta đang ở trong kho của Nhà Khách.”

“Vậy thì...” Rick nói, chỉ vào hành lang phía bên kia lỗ hổng. “Chẳng có lối đi bí mật nào đâu: phía bên kia cũng là kho của... Nhà Khách...”

“Đ... đúng thế.” Jason xác nhận, phụ họa theo.

“Thế các cậu đang làm gì dưới đó đấy?”

“À... Ừm... Thì... chúng tớ là... khách, hiển nhiên rồi!”

Khuôn mặt cô bé bừng sáng.

“Thật sao? Tức là các cậu đã đến đây cùng con tàu mới nhất hả?”

Jason ra dấu lắc đầu, rồi lại gật đầu.

Rick lựa chọn phương án thứ hai và trả lời:

“Chính thế! Cùng với con tàu mới nhất!”

“Tuyệt quá! Tớ không biết là có cả những vị khách cùng độ tuổi. Tớ đã nghĩ chỉ có những vị quan triều đình già nua mốc meo cập bến như mọi khi thôi. Nhưng rõ ràng các cậu là người nước ngoài...” Cô bé mỉm cười tinh quái. “Tớ biết ngay mà: các cậu ăn mặc thật kỳ cục và có kiểu phát âm buồn cười nhất mà tớ từng được nghe.”

Rick chen ngang trước khi câu chuyện trở nên nguy hiểm.

“Các cậu nghĩ sao nếu chúng ta sửa sang lại bức tường như cũ?” Cậu đề nghị.

Ba đứa trẻ bắt tay vào việc: chúng kéo lê một tấm ván dài có tựa đầu hình trăng lưỡi liềm giữa những mảnh vỡ của chiếc vò hai quai, thứ mà theo cô bé là một cái giường cũ không sử dụng được nữa, rồi đưa nó lại gần bức tường.

Thật may là không có ai đi xuống đây quấy rầy bọn trẻ, nghĩa là vụ rắc rối đã không bị ai phát hiện.

Jason vẫn lo lắng về sự vắng mặt của Julia nhưng cậu bé không nói với Rick về việc này, ít nhất là khi cô bé Ai Cập vẫn ở đây cùng bọn chúng.

“Tuyệt vời!” Cô bé thốt lên sau khi công việc hoàn tất. “Cứ như mới vậy. Trừ khi có ai đó bỗng dưng nảy ra ý định dịch chuyển mọi thứ, nếu không thì chẳng thể nhận ra lỗ hổng. Nếu chúng ta khẩn trương thoát khỏi đây, chẳng ai có thể rầy la chúng ta được. Các cậu đi với tớ chứ?”

Jason nghiêng chặt răng, quyết định kéo dài thêm chút thời gian.

“Chắc chắn rồi. Cậu đi trước đi. Chúng tớ...chúng tớ sẽ lấy đồ và theo cậu sau...”

Ngay khi cô bé ra khỏi phòng, Rick gom ít đồ dùng của bọn chúng vào trong một cái bọc: cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*, quyển nhật ký hành trình của Ulysses Moore, vài mẫu nến và sợi dây mà cậu bé khăng khăng mang theo mình.

“Rick, theo cậu thì vì sao Julia không quay trở lại?” Jason thăm thì bên tai cậu bạn, cẩn thận không để ai nghe thấy.

“Tớ không biết. Nhưng chúng ta vừa mới nhốt cậu ấy ở phía bên kia bức tường, và hiện giờ, việc chúng ta thoát khỏi chỗ này bằng lối nào... hay bất cứ chỗ nào đi nữa... cũng sẽ vô cùng mạo hiểm.”

“Ừm... Cậu nói là đã nhìn thấy Julia mở lại cánh cửa... Không, tớ không nghĩ là chị tớ đang gặp nguy hiểm.” Jason tuyên bố. “Đơn giản là tớ nghĩ chị ấy không thể trở lại đây...”

“Sao cậu biết điều đó?”

“Tớ là em chị ấy mà. Tớ cảm nhận được điều đó. Chúng ta hãy để lại cho chị ấy một dấu hiệu.” Cậu em song sinh đề xuất và chỉ vào những mảnh vỡ của chiếc vò hai quai. “Chúng ta hãy viết một lời nhắn lên tường cho chị ấy.”

“Thật tình cờ là chúng ta vừa đóng nó lại xong.”

Cô bé người Ai Cập bất thành linh thò đầu vào trong phòng:

“Thế nào? Các cậu có đi hay không?”

“Ồ, có, chắc chắn rồi” Jason vừa đáp vừa tiến lại chỗ cô bé.

Cậu liếc mắt ra dấu cho Rick.

Cậu bé tóc đỏ nhặt tay cầm của cái vò lên và nhấc miếng gỗ che lỗ thủng trên tường ra.

Jason và cô bé kia vừa ra khỏi phòng, cậu liền viết những chữ cái thật lớn:

ĐỪNG ĐI ĐÂU CẢ!
CHÚNG TỚ SẼ TRỞ LẠI NGAY.

Sau đó cậu viết thêm:

T.B: tớ tin chắc là chúng tớ đang ở Ai Cập.



Tại Biệt thự Argo, Nestor đã thuyết phục được Julia ngồi xuống đi-văng trong căn phòng đá. Cô bé có vẻ vẫn bị sốc sau những gì đã xảy ra. Mọi việc diễn ra quá nhanh đến nỗi cô không nhận ra mình là người duy nhất đã đi qua Cánh cửa Thời gian.

Vì sao cô lại bỏ chạy? Tại nơi cả bọn đến đã xảy ra một...

“Một vụ nổ?” Nestor kiên nhẫn hỏi.

Julia giơ hai tay lên ôm đầu.

“Vâng... có một cầu thang bị một bức tường chặn ngang. Một bức tường tạm, Jason nói thế. Dường như có ai đó đằng sau bức tường... ai đó gõ vào vách. Jason đã gõ đáp trả và sau đó... có một tiếng nổ lớn... rồi bụi bay mịt mù. Jason hét lên bảo cháu chạy đi và cháu bỏ chạy. Cháu chạy đến cánh cửa, mở nó ra và... cháu ở đây. Ở phía bên kia của cánh cửa.”

Julia nhận ra trong túi vẫn còn bốn chiếc chìa khóa mà cả bọn đã dùng để mở Cánh cửa Thời gian. Cô đặt chúng lên chiếc bàn phía trước mặt, tay run run.

“Kỳ lạ thật...” Ông lão làm vờn lăm bẫm, đi đi lại lại quanh phòng lo lắng.

“Khoan đã...” Julia xen ngang, rời mắt khỏi bốn chiếc chìa khóa. “Cái gì... kỳ lạ ạ?”

Nestor phác một cử chỉ mơ hồ.

“Những gì đã xảy ra với cháu.”

Julia đứng bật dậy, cô bé bất giác có một linh cảm.

“Ông biết điều đó! Ông biết có gì đằng sau cánh cửa cháy sém đó!”

Nestor nhướn một bên lông mày và thử thay đổi chủ đề cuộc nói chuyện.

“Cháu muốn một tách trà không?”

“Không! Ông trả lời cháu đi: Điều gì kỳ lạ cơ? Ông biết cánh cửa hoạt động như thế nào phải không? Có phải chúng cháu đã thực sự ở Ai Cập như

Jason nghĩ không? Tại sao cháu quay lại đây được?”

“Ta sẽ đi pha cho cháu một tách trà. Ta chắc nó sẽ giúp cháu khá hơn.” Nestor nói rồi bước đi nhanh chóng.

“Ông đi đâu vậy? Ông Nestor, ông Nestor! Cháu không uống trà! Cháu muốn được nghe giải thích! Julia đến chỗ Cánh cửa Thời gian và cố gắng mở nó ra trong vô vọng.”

“Vô ích thôi” Nestor nói với cô bé từ ngưỡng cửa phòng bếp. “Nó sẽ không mở ra đâu.”

Julia cảm thấy một cơn giận dữ không thể kiểm soát nổi đang trào dâng trong lòng. Cô bé quay trở lại bàn, dùng dùng túm lấy bốn chiếc chìa khóa rồi tra lần lượt vào ổ khóa theo đúng thứ tự.

MORA... Trước tiên là chìa Mèo rừng, rồi đến Ốc sên, tiếp theo là Rắn và cuối cùng là Ác là.

“Vô ích thôi!” Giọng nói của Nestor lại vọng ra từ trong bếp. “Nó sẽ không mở ra đâu, ta bảo cháu rồi mà!”

“Rồi ông sẽ thấy...” Julia lẩm bẩm, nghiến chặt răng.

Cô bé xoay chìa khóa, kéo cửa và đẩy nó, nhưng không thể làm cánh cửa di chuyển nổi một li.

Cô bé thử đi thử lại, nhưng cánh cửa vẫn trơ trơ không chịu mở ra.

Khi tới chỗ Nestor ở trong bếp, Julia thấy ông đang tựa vào bồn rửa bằng đá cẩm thạch, chăm chú nhìn hoa viên biệt thự qua cửa sổ. Chiếc nồi đồng nhỏ đang sôi trên bếp.

“Trà của cháu gần được rồi...” Ông thăm thì, cố gắng tránh ánh nhìn của cô bé.

“Tại sao cánh cửa lại không mở ra ạ? Ông biết gì về cánh cửa đó? Bây giờ Jason và Rick đang ở đâu? Chỉ vài phút trước khi vụ nổ xảy ra, bọn cháu đã ở đâu?”

Nestor nhún vai.

“Nhiều câu hỏi quá. Một câu trả lời cho tất cả những câu hỏi kia nhé, chịu không? Rồi cháu sẽ phát bực cho mà xem! Cháu cứ tự hình dung là ta

đã trả lời mọi câu hỏi rồi đi! À mà không, cháu nhớ nhé, không phải cái gì ta cũng biết đâu, cháu gái yêu quý!”

Julia tiến đến gần chiếc ghế đầu được phủ chăn trần bông kẻ ca-rô màu đỏ và trắng. Cô bé khều chân kéo nó lại và thu mình trên đó:

“Tại sao ông lại trả lời cháu với giọng đó? Cháu đã làm gì ông chứ?”

Nestor tắt lửa dưới chiếc nồi nhỏ, lấy một nắm lá trà trong hộp Wedgwood³ bằng sứ trắng và xanh da trời, rồi thả vào nước sôi.

“Cháu không làm gì ta cả. Trái lại, cháu khiến ta hài lòng vì đã ở đây, bình an vô sự.”

“Bình an vô sự khỏi cái gì ạ?”

Nestor thở hắt ra. Nước trà trong nồi bắt đầu chuyển sang màu đồng.

“Khỏi nơi mà các cháu đã quyết định đến...” Sau một lúc, Nestor trả lời.

Chương 5. Lời thú nhận lúc nửa đêm

Khi bọn trẻ đến cầu thang lớn dẫn ra ngoài, cô bé Ai Cập nói:

“À nhân tiện, tên tớ là Maruk.”

“Rất hân hạnh... Tớ là Jason và cậu ấy...”

Rick bắt kịp hai bạn, sau khi đã dùng một mẩu đất nung để lại dấu hiệu trên bức tường đưa chúng tới đây. Một sự cẩn trọng để chúng có thể tìm lại đường về.

“Cậu ấy là Rick!”

“Tên các cậu lạ thật. Các cậu là người Nubia⁴ à?” Maruk bắt đầu bước lên những bậc thang đá.

“Không,” hai đứa trẻ đồng thanh trả lời.

“Vậy thì tốt rồi...” Maruk mỉm cười. “Bố tớ bảo tất cả người Nubia đều là quân trộm cướp. Cứ xem cái cách chúng ta đã quen biết nhau...”

“Thế thì cậu cũng có thể là một người Nubia đấy,” Jason đùa.

Maruk chấp nhận câu đùa, nhưng vẫn một mực hỏi:

“Nhưng chính xác thì các cậu đến từ đâu? Da các cậu trắng quá, không thể là người Nubia được: các cậu là người Phoenicia⁵, người Minos⁶, người Semite⁷? Hay người Libi?”

“Thực sự thì...” Rick bắt đầu. “Hơi khó để giải thích. Có thể nói chúng tớ đến từ một nơi xa, rất xa.”

“Tớ là người Anh, còn cậu ấy là người Ailen,” Jason giải thích ngắn gọn.

“Aulen?”

“Ai... Ailen. Chữ ‘I’ ấy. Ailen là một hòn đảo. Tớ cũng đến từ một hòn đảo, nhưng lớn hơn nhiều... Nước Anh.”

Maruk lắc đầu, cảm thấy hứng thú.

“Tớ chưa bao giờ nghe đến vùng đất đó.”

“Liên Hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen thì sao?” Rick đánh bạo hỏi.

“Nếu ý cậu là Thượng và Hạ Ai Cập thì tớ biết. Nhưng điều này chỉ chúng ta biết thôi nhé, tớ dốt môn địa lý kinh khủng.”

“Đừng bảo tớ là cậu cũng chưa bao giờ nghe nói đến đội bóng Manchester United nhé?” Jason chen ngang, đầy hoảng hốt.

Khi Maruk xác nhận, cậu nhìn Rick như muốn nói: “Sao có thể tồn tại trên Trái đất một người chưa từng xem đội Manchester United thi đấu cơ chứ?”

Nhưng cơn bất bình của cậu lập tức tắt ngấm ngay khi bọn trẻ đặt chân lên bậc thang cuối cùng và bước ra ngoài.

Ba đứa trẻ lọt vào một khu vườn rộng lớn, bao quanh bởi những bức tường thành khổng lồ. Những bức tường cao như núi, có màu đỏ tươi của một loại đá dulong như rục cháy dưới những tia nắng mặt trời. Trên tường điểm xuyết những khe hở và lỗ hồng lớn, xung quanh đám chim mòng biển đang bay lượn, mà nếu so với những lỗ hồng đó, lũ chim chỉ nhỏ tí xíu, cứ như một đám ruồi màu trắng vậy.

“Còn hơn cả Manchester United...” Rick hỗn hển lẩm bẩm.

Maruk, hoàn toàn thờ ơ với quang cảnh, bắt đầu đi về giữa vườn: một khoảng đất rộng đầy những cây cỏ, cây gỗ to, lau sậy xào xạc và những bể nước, ở đó nổi bật lên những tòa nhà với dãy cột nguy nga. Sau đó cô bé đi vào một con đường đất nện, hai bên là những bức tượng nhân sư nhỏ, mỗi bức tượng đỡ một tán lọng phủ bóng mát cho con đường.

Jason và Rick ngật ngưỡng theo sau cô bé, há hốc miệng nhìn cảnh tượng xung quanh.

“Jason, chúng ta đang ở đâu đây?” Rick thì thầm, khi con đường dẫn đến một bãi cỏ phủ những luống hoa đang nở rục rở, bên trên là những chú diệc và cò quăm mỏ nhọn đang nhón nhờ dạo chơi.

“Tớ không biết,” Jason trả lời, có vẻ mất phương hướng. “Nhưng chúng ta nên đi theo người duy nhất có thể giải thích điều này...”

“Nếu các cậu không phiền, tớ phải ghé qua chỗ thầy dạy của tớ một chút...” Maruk nói. “Sau đó tớ sẽ giới thiệu các cậu với bố tớ, Bậc thầy Thư lại⁸ vĩ đại ”

“Được thôi...” Jason lẩm bẩm, liếc ánh mắt lo lắng sang Rick. “Chúng ta sẽ đi gặp bố cậu!”

Maruk dừng lại trước một bức tượng lớn gấp ba kích cỡ người thường, tạc một người đàn ông với cái đầu khi đầu chó, tay cầm một chiếc bút trầm.

“Đây là thần Thoth,” cô bé vừa nói vừa cúi chào người-dàn-ông-khi-đầu-chó này. Sau đó, cô bé đi tiếp về phía một tòa nhà vuông vắn phía sau bức tượng.

Rick hăng giọng và đọc một đoạn trong quyển từ điển:

“*Thoth là vị thần Ai Cập cổ đại, người dạy cho con người biết viết và làm toán.*”

“Khoan đã! Đừng có nói với tớ là chúng ta đã đi qua hàng nghìn năm rồi cuộc cũng chỉ để tới trường học thôi nhé!” Jason thốt lên.

Rick nhún vai, tiếp tục đọc:

“May mắn là có vẻ như ông ấy dạy cả âm nhạc và các trò chơi nữa.”

“Tớ thích thế hơn đấy...” Jason bình tâm lại.

Bọn trẻ đi theo Maruk đến trước tòa nhà vuông và ngừng lên chiêm ngưỡng một chuỗi chữ viết tượng hình màu sắc lấp lánh, trang trí mặt tiền của tòa nhà.

““Ngôi nhà của các Thư lại...” Rick đọc, như thể đó là điều bình thường nhất trên thế giới. “Nhưng... Jason...! Cậu có thấy không?”

“Đừng hỏi tớ sao lại có thể như vậy,” cậu bạn vừa trả lời vừa đi theo Maruk vào trong *Ngôi nhà của các Thư lại*. “Cả tớ cũng thế, tớ cũng đọc được những chữ viết đó.”

Bên trong Ngôi nhà của các Thư lại khá tối nhưng mát mẻ.

Khi bọn trẻ bước vào, tất cả đều cúi đầu chào.

Rick và Jason không thốt nên lời, và sau một lúc chúng bắt đầu đáp lại những cái cúi chào đấy. Rick đánh bạo hỏi:

“Bố cậu là Bậc thầy Thư lại có nghĩa là... ông ấy là một người rất quan trọng ở đây phải không?”

Maruk mỉm cười, hất bím tóc đuôi sam ra sau vai.

“Nếu không tính Pharaon và Thầy tế vĩ đại, có thể nói bố tớ là người quan trọng nhất vương quốc này.”

Rick nuốt khan, trong khi Jason mỉm cười đầy hứng thú.

Ba đứa trẻ đi qua một hành lang hẹp phủ đầy những chữ viết tượng hình vô cùng đậm nét để đến một không gian rộng với trần nhà trần mái, những thác nước mưa đổ xuống qua lỗ hổng đó, được trữ lại trong một cái bồn ở chính giữa được lát bằng đá màu xanh da trời.

“Đây là phòng chứa nước của chúng tớ...” Maruk giải thích. “Ở phía kia có những phòng lớn luyện thư pháp (viết chữ). Còn chỗ đó là những bồn hoa. Phía trên cầu thang kia có một sân thượng. Các cậu đợi tớ ở đó nhé, tớ sẽ đến đó ngay khi xong việc.”



Nestor đưa cho Julia một tách trà đang bốc khói, rồi đứng yên nhìn cô bé, trong khi cô bé giữ chặt tách trà giữa những ngón tay và nhắm mắt ngửi mùi thơm bốc lên.

“Cháu tin đó là Ai Cập... hoặc nơi nào đó tương tự,” Julia cất tiếng sau một lúc.

“Ai Cập... hẳn rồi...” Ông lão làm vườn lẩm bẩm. Các cháu đến đó bằng cách nào?

Mất một lúc để Julia bắt đầu kể lại đầu đuôi những gì đã xảy ra sau khi ba đưa đi qua cánh cửa giấu sau tủ quần áo. Nhưng một khi đã quyết định kể, cô bé không bỏ sót bất kỳ chi tiết nào: căn phòng hình tròn, bờ vực, cú nhảy trong bóng tối, đường trượt, cái hang rục rạc sáng bởi đom đóm, con tàu Metis.

“Jason là người đã cầm bánh lái và... làm con tàu chuyển động.”

Nghe đến đoạn đó, Nestor mỉm cười, cẩn thận giấu nụ cười sau tách trà.

“Jason, hiển nhiên rồi. Thế chuyện gì xảy ra khi các cháu mở cửa hang, cánh cửa với ba con rùa ở trên ấy...?”

“Có một hành lang, đầy cát dưới đất... Chúng cháu tìm thấy một cầu thang, bị chặn bởi một bức tường và sau đó... Sau đó, bức tường đổ sập xuống và đến đó thì chúng cháu bị chia cắt.”

“Ừm...” Nestor trầm ngâm.

Julia ngẩng mặt khỏi tách trà.

“Sao ông lại có thể bình thản thế ạ?”

Nestor nhún vai.

“Ta không biết. Có thể là từ cách giáo dục cứng rắn kiểu Anh mà ta được hưởng chăng?”

“Chuyện này quá đà rồi!” Cô bé thốt lên, bất ngờ đặt tách trà lên bàn và đứng dậy khỏi chiếc ghế dẫu.

“Cháu muốn làm gì?”

“Ông hãy để cháu yên!”

Julia chạy vào phòng khách và bật đèn lên.

Bên ngoài Biệt thự Argo, cơn dông vẫn đang hoành hành. Những cánh cửa chớp gỗ bị gió len lỏi chui vào khắp các khe hở dù nhỏ nhất, rung lên bần bật trên các bản lề. Mưa quất dữ dội lên các bức tường.

Julia băng qua phòng khách và đi đến chiếc bàn tròn, bên trên đặt một chiếc điện thoại. Cô bé căng thẳng đến nỗi làm rớt ống nghe đến hai lần, trước khi có thể nắm chặt được trong tay.

“Mình phải làm gì đây? Ở đây không ai giúp mình cả!” Cô nức nở, tìm cách quay số nhà cũ ở Luân Đôn, nơi bố mẹ ngủ lại đêm nay.

Cô bé bấm sai số và gác máy.

Julia nghe thấy tiếng ông lão làm vườn tắt đèn phòng bếp và đi sang phòng khách.

“Cháu đang gọi cho bố mẹ!” Cô bé hét lên. “Ông hiểu chứ? Ít nhất là họ sẽ cho cháu một vài lời khuyên có ích!”

Số điện thoại ở Luân Đôn... Số điện thoại...

Những giọt nước mắt căng thẳng bắt đầu rơi trên ống nghe điện thoại.

Cuối cùng cô nghe được tín hiệu chuông chờ.

Julia hít một hơi thật dài và trấn tĩnh lại, sau đó cô thả mình xuống chiếc ghế bành lớn cạnh đó. Trong khi đợi nghe giọng của bố mẹ, cô nhìn chăm chăm vào khung cửa vòm ngăn cách phòng để điện thoại và phòng khách.

Điện thoại vẫn vang lên tín hiệu chờ và âm thanh đều đều chậm rãi đã giúp Julia bình tĩnh.

Nestor xuất hiện dưới cửa vòm, cầm trên tay hai đồ vật lấy trên bàn trong phòng khách. Ông mỉm cười, nụ cười buồn một cách bất thường.

Ông lão làm vườn giơ cao đồ vật đầu tiên.

“Đây là đầu của người Ma-rốc. Nguồn gốc từ một phiên chợ của Xứ Punt, thuộc Ai Cập cổ đại. Khoảng 3.500 năm tuổi. Ngài Moore đã mang nó về từ cuộc du ngoạn lần thứ ba của ông ấy đến Ai Cập, trên con tàu Metis.”

Julia há hốc miệng và đặt tay che ống nghe lại.

Nestor giơ cao đồ vật thứ hai lên.

“Chiếc hộp nhỏ này có chứa Sách của Người chết, một loại giấy tan. Đây là một tài liệu về tôn giáo mà giờ có lẽ không thể tìm thấy. Nó có tuổi là 5.000 năm niên đại rồi. Bà Moore đã mua được nó sau các cuộc thương lượng kéo dài trong chuyến đi lần thứ sáu của bà ấy đến Xứ Punt, trên con tàu Metis.”

Từ từ hạ hai đồ vật trên tay xuống, ông hỏi Julia:

“Bây giờ cháu hiểu vì sao ông lại bình tĩnh như vậy chứ?”

Điện thoại vang lên tín hiệu chờ một lần nữa.

Julia chun mũi.

Và đập máy.

Chương 6. Trên sân thượng

Nghे theo chỉ dẫn của Maruk, Jason và Rick leo lên cầu thang rồi đi ra sân thượng. Trước mặt hai đứa là một khu vườn, và lần đầu tiên bọn trẻ có cái nhìn toàn cảnh về nơi chúng vừa tới. Phía ngoài bức tường mở ra một thành phố lộn xộn với những ngôi nhà thấp và vuông trải dài đến một vùng nước rộng lớn.

“Đó hẳn là sông Nil...” Bọn trẻ lẩm bẩm khi nhìn mặt gương khổng lồ đó.

Đó là một dải xanh cùng màu trời, nhưng sáng lấp lánh với những con sóng và những thuyền buồm hình tam giác rẽ nước.

Hai đứa trẻ đưa tầm mắt ra khắp mọi hướng. Mặt trời đang rọi nắng gay gắt từ trên cao.

“Chúng ta làm gì ở đây?” Rick hỏi.

Jason gãi đầu trả lời:

“Chúng ta đã thực hiện một chuyến hành trình tới Ai Cập cổ đại. Và khám phá ra rằng chúng ta có thể đọc được chữ tượng hình.”

“Tớ đang nói chung chung cơ” Rick đáp lại. “Tại sao chúng ta lại ở đây?”

Để trả lời, cậu bạn lấy từ trong bọc ra cuốn nhật ký hành trình của Ulysses Moore và bắt đầu lật những trang giấy. “Bởi vì chủ nhân cũ của cuốn nhật ký này muốn vậy.”

Cậu bé mở đến trang miêu tả mặt nạ tang lễ của Tutankhamon với lời đề: *Kho báu của Pharaon*. Cậu chìa cho Rick xem.

“Cậu nhìn này! Hình vẽ này đã khiến tớ quyết định cầm lái con thuyền Metis lúc ở trong hang đấy.”

“Vị Pharaon nhỏ tuổi,” Rick lẩm bẫm.

“Tớ không biết cậu ấy có liên quan gì đến chỗ này không... Và tớ không biết người chủ cũ của cuốn nhật ký này có liên quan gì đến Pharaon không.” Jason nói. “Nhưng tớ muốn khám phá ra điều này trước khi quay về.”

Rick lật trang nhật ký. Nét chữ nhỏ và góc cạnh của Ulysses Moore đã ghi chú một vài thông tin về một nơi có tên “Xứ Punt”. Một hình vẽ bằng bút chì miêu tả một cách chân thực con đường tượng nhân sư với lọng che mà trước đó bọn trẻ đã đi qua để đến Ngôi nhà của các Thư lại.

“Ông ấy đã đến đây rồi...” Rick lẩm bẫm. “Cậu đã biết trước điều này, đúng không?”

“Tớ đã nghi ngờ từ lúc chúng ta đặt chân vào trong hang. Đúng thế... Ulysses Moore và vợ của ông ấy đã đến đây, trên con tàu Metis, y như chúng ta vậy.”

Rick gật đầu và đọc những dòng ghi chú trên cuốn sổ tay.

“Ông Moore viết rằng thành phố này là nơi các Pharaon rất ưa thích. Bị thu hút bởi vẻ đẹp của nó, các Pharaon đã thực hiện nhiều cuộc hành trình đến thăm thành phố này. Ừm... À, cậu nghe nhé: *Punt là một thành phố của châu Phi đã bị mất dấu... chưa một nhà khảo cổ nào khám phá ra nó cả.*”

“Ông ấy không nói gì về những bức tường khổng lồ này à?”

Rick lật vài trang nhật ký.

“Ồ, có đây này... Ở đây viết rằng những bức tường bảo vệ số của cái lớn nhất của Punt bên trong nó. *Đó là một mê cung của những cầu thang và hành lang, của những chiếc giếng và tháp, với hệ thống đường hầm và lối đi tỏa ra mọi hướng... kể cả dưới lòng đất.*”

Jason mở to mắt nhìn những bức tường.

“Làm sao mà lại có cả một mê cung trong đó được nhỉ?”

Rick lắc đầu.

“Để tớ đọc tiếp. Hừm... đây rồi... Ở đâu đó trong khu vườn này có một lối vào mê cung. *Đó là một ngôi đền mang tên ‘Ngôi nhà Sự sống’ dùng để thờ thần Thoth. Trong mê cung đó người ta bảo vệ ‘Bộ sưu tập’, tập hợp tất cả những hiểu biết của thế giới cổ xưa...*”

Rick xoay cuốn nhật ký để đọc một ghi chú của Ulysses viết lách về một bên.

“*Một nghìn năm trước khi Thư viện Alexandria vĩ đại được xây dựng.*”

Jason huýt gió đầy kinh ngạc.

Rick tiếp tục đọc nhanh:

“*Xứ Punt là điểm đến được tất cả các nhà lữ hành thời Cổ đại tìm kiếm và khao khát. Tại xứ Punt, người ta có thể tìm thấy mọi thứ. Tại các chợ, bến cảng hoặc điểm đến trên chặng đường lữ hành, hàng ngày người ta trao đổi hàng hóa đủ thể loại: giấy cói, hồ phách, nhựa cây, vàng, ngà voi, thạch anh, người lùn Pygmy⁹...*”

Rick đột nhiên cắt ngang.

“Người lùn Pygmy, nghĩa là sao?”

“Tớ nghĩ... họ là những người nhỏ bé sống trong rừng rậm.” Jason trả lời, bắt chước động tác của một con khỉ.

Rick cười khúc khích, quay trở về với cuốn sổ tay.

“Và cuối cùng có một bản đồ sơ lược của thành phố... hoặc ít nhất là trông có vẻ như vậy.”

“Cho tớ xem nào.”

Cậu bé tóc đỏ chỉ vào một hình vẽ bằng bút chì với các con đường và quảng trường giao nhau, có một vài khu được khoanh tròn.

Trong trang tiếp theo, có một chỉ dẫn bí ẩn, được viết láu:

ĐỂ TÌM ĐƯỢC ĐƯỜNG SẼ CẦN TỚI MAY MẮN VÀ MỘT NGÔI SAO TỐT
HÃY ĐI TÌM BẢN ĐỒ TRONG TOÀ THÁP BỐN CHIẾC GẬY

Lúc đó bỗng vang lên tiếng gọi của Maruk.

Rick giấu cuốn nhật ký vào trong bọc và thì thầm:

“Chúng ta làm gì đây?”

“Hiện giờ tốt nhất là chúng ta nên đi theo cậu ấy,” Jason trả lời. “Sau đó rồi tính tiếp...”

Ba đứa trẻ đi ra khỏi Ngôi nhà của các Thư lại để đến gặp bố của Maruk - Bậc thầy Thư lại, hiện đang ngụ trong Ngôi nhà Sự sống ở bên trong bức tường thành.

Suốt chuyến đi trong khu vườn, Jason và Rick cố tranh thủ hỏi cô bạn đồng hành về Ngôi nhà Sự sống, về Bộ sưu tập và thần Thoth, nhưng cô nhóc trả lời rất mơ hồ, như thể phát ngán khi phải nói về những điều mà ai cũng biết.

Maruk dẫn hai cậu nhóc đến Khải hoàn môn của Ngôi nhà Sự sống: hai bức tượng lớn đỡ các xà ngang và mỗi bậc thang dẫn vào bên trong được tráng men màu sắc khác nhau.

Đi qua ngưỡng cửa, bọn trẻ bị lẫn vào dòng người qua lại không ngớt và Jason không thể ngăn được ý nghĩ như vừa đi vào ga tàu điện ngầm Luân Đôn giờ cao điểm.

Lặng đi vì ngạc nhiên, bọn trẻ băng qua một gian phòng rộng mênh mông có các mặt hướng ra các hành lang, đường đi và lối vào của vô số

tầng nhà. Có khoảng mười cầu thang hướng về căn phòng rộng mênh mông đó, rẽ, leo lên, leo xuống từ Khải hoàn môn đến những hành lang cao nhất. Tại trung tâm gian phòng, có một chiếc giếng thẳng đứng, rộng như bể bơi Olympic chìm xuống dưới đất, để lộ ra hàng trăm hành lang, cầu thang và lối đi khác. Dọc những bức tường giếng, những thiết bị nâng hàng hóa bằng gỗ đang lên xuống kéo kẹt, vận chuyển người và những cuộn giấy cói.

Trong bầu không khí nóng bức và bụi bặm, có thể ngửi thấy một sự pha trộn khó tin các loại mùi: mùi da, mùi giấy cói ngâm nước, mùi quế và mùi hạt nhục đậu khấu.

“Chào mừng các cậu đến với Bộ sưu tập của chúng tớ...” Maruk long trọng tuyên bố.

“Các cậu... sưu tập... cái gì... trong này vậy?”

Jason hỏi, đồng thời cố gắng tránh một thiết bị nâng hàng hóa lớn chở đầy những cuộn giấy cói đang từ giếng đi lên.

“Các văn bản, giấy cói, bảng gỗ... Cả đồ vật, đồ gỗ, dụng cụ lao động, tiền xu... Tất cả những gì chúng tớ nhận trông nom. Và bảo vệ.”

Nhìn những người đàn ông đang bận bịu leo lên cầu thang cho đến khi trở nên bé xíu như những con bọ, hoặc đi xuống tầng đất sâu và biến mất trong bóng tối, Jason không thể không nghĩ đến hình ảnh một tổ kiến.

“Bố cậu quản lý tất cả chỗ này à?” Rick hỏi, vừa bối rối vừa cảm thấy bị mê hoặc.

“Đúng thế,” Maruk hãnh diện trả lời, “các cậu đến đây đi!”

Cô bé dẫn những người bạn mới của mình tiến tới trước hai người đàn ông mặc áo dài màu đỏ tím, đội khăn trùm đầu màu xanh da trời có gắn một chiếc lông vũ trắng. Họ đang mài mê nhấp trà Hibicus trong góc tối giữa những bức tượng. Ngay khi thấy bọn trẻ đến, họ tìm cách giấu đồ uống đằng sau lưng và cúi chào nghiêm túc.

“Các ngài Bảo vệ đáng kính,” Maruk cất lời chào, không màng đến việc đáp lại lời chào của hai người đàn ông. “Tôi và bạn tôi phải gặp Bậc thầy Thư lại trong phòng của ông ấy.”

Người đàn ông cao hơn, gầy như cây sậy, hăng giọng và dè dặt nhíu mày:

“Tôi rất tiếc, thưa quý cô, nhưng Quy tắc 32 cấm tôi và người bạn mới vào nghề đây đáp ứng yêu cầu của quý cô.”

Người đàn ông kia, lùn và mập mạp hơn, lắc đầu chán nản.

Maruk ra vẻ cau có:

“Quy tắc 32 là quy tắc gì vậy?”

“Phốt lờ trẻ em.”

Maruk đưa tay lên chống nạnh:

“Nhưng tôi là con gái của Bậc thầy Thư lại!”

Viên Bảo vệ cao hơn nheo mắt nhìn kỹ cô bé, sau đó vờ giật nẩy mình kinh ngạc.

“Nếu vậy thì xin quý cô thứ lỗi! Tuy nhiên, điều đó vẫn không cho phép tôi để quý cô đi qua.”

“Tại sao vậy?”

“Quy tắc 4: An ninh. Chúng tôi đang chờ đón Pharaon, Ngài có thể ghé thăm bất cứ lúc nào. Các vị không thấy sự sôi động hôm nay tại Ngôi nhà Sự sống hay sao? Cảnh Bảo vệ chúng tôi đang làm việc vất vả để mọi thứ đúng trật tự. Người dân thì phản đối vì họ muốn đi vào đây, nhưng chúng tôi đã nhận được nhiều mệnh lệnh cụ thể. Quy tắc 12: không người lạ nào được vào Ngôi nhà Sự sống cho đến khi có lệnh mới.”

Gã Bảo vệ béo mập gật đầu chán nản.

“Thực tế là tôi thấy các ngài đang không thực sự tận tụy vì công việc đâu...” Maruk đáp trả, ám chỉ món trà Hibicus.

Người đàn ông mập hơn nhoẻn cười, nhưng nụ cười tắt ngấm ngay khi bị ánh mắt của đồng nghiệp cảnh cáo.

“Dù thế nào thì tôi và những người bạn này cũng phải đến gặp bố tôi,” Maruk ngoan cố nói.

“À, tất nhiên rồi! Khu thư phòng của Bậc thầy Thư lại. Quý cô thân mến, thực tế là theo Quy tắc...”

“Tôi không quan tâm quy tắc của các ông nói cái gì!” Maruk kêu lên.
“Tôi muốn vào thư phòng của bố tôi!”

Gã Bảo vệ cao hơn xoa xoa tay, ngạo mạn nói.

“Điều đó thì hiển nhiên rồi. Vấn đề là rất tiếc, các bạn của cô không thể đi vào Bộ sưu tập được.”

“Vì sao?”

“Vì Quy tắc 12, quý cô không nghe thấy sao? Không người lạ nào được đi vào cho đến khi có lệnh mới.”

“Nhưng tôi ra lệnh cho các ông!”

“Trong trường hợp này...” Gã Bảo vệ càu nhàu. “Pepi, cậu nói cho họ nghe đi.”

“Quy tắc 8,” gã mập lên tiếng, “khách phải luôn mang bên mình giấy thông hành. Đúng không, Micerino?”

“Nói hay lắm,” gã đồng nghiệp trả lời, tỏ vẻ hài lòng.

Maruk thở hắt ra, quay sang Rick và Jason trong khi hai cậu bé vẫn đang há hốc miệng.

“Họ luôn tiểu tiết như vậy đấy... Dù sao,” cô bé quay trở lại nhiệm vụ, “các ông cũng nói đúng: những người bạn của tôi không có giấy thông hành. Nhưng nếu họ có giấy thông hành... hai ông sẽ để họ đi cùng tôi đến chỗ bố tôi chứ?”

Hai gã Bảo vệ bắt đầu lăm bắm với nhau những quy tắc và quy định, cuối cùng đưa ra câu trả lời.

“Được. Nếu vậy họ có thể đi vào, Micerino tuyên bố.”

“Không có quy tắc nào cấm điều này cả, Pepi thêm vào.”

“Tuyệt!” Maruk kêu lên. “Điều cuối cùng: chúng tôi có thể lấy hai giấy thông hành ở đâu?”

“Quy tắc 41: Chỉ cần hỏi một Bảo vệ là đủ,” Pepi trả lời ngay lập tức.

Micerino đưa mắt cảnh cáo người đồng nghiệp.

“Tuyệt! Vậy thì, các ông vui lòng cấp cho các bạn tôi hai giấy thông hành và cho phép chúng tôi vào gặp bố tôi tại thư phòng của ông ấy chứ?”



“Cháu xem đi, phần lớn đồ đạc mà cháu nhìn thấy trong ngôi nhà này,” Nestor nói với Julia “có nguồn gốc từ những chuyến đi của ngài Ulysses Moore và vợ trên con tàu Metis.”

Hai người đã quay trở lại căn phòng đá, cầm trong tay tách trà và đang ngắm cánh cửa màu đen gắn trên tường.

“Ông không bao giờ đi cùng với họ ạ?”

Nestor mỉm cười, trầm ngâm. Ông căn môi liên tục trước khi quyết định trả lời:

“Không... ta thích ở lại đây hơn, trong ngôi nhà này, quán xuyến mọi việc còn lại.”

“Nhưng họ không bao giờ đề nghị ông đi cùng sao?”

Nestor cười khoái trá.

“Chắc chắn là họ có hỏi ta chứ. Đặc biệt là Penelope, bà Moore, lần nào bà ấy cũng rủ ta lên tàu Metis cùng với họ. Giá mà cháu biết bà ấy nhắc đi nhắc lại chuyện đó nhiều như thế nào để thuyết phục ta. Nhưng ta... không đi. Ta thích ở yên đây, tại Kilmore Cove. Ta thích những thứ đứng yên, như cỏ cây và sỏi đá. Và nói thật là ngài Moore cũng thích thế. Câu cửa miệng của ông ấy là: ‘Chỉ khi bạn đứng yên, bạn mới nhận ra bao nhiêu người cứ đi qua đi lại mà chẳng để làm gì.’”

Julia nhấp một ngụm trà rồi nói:

“Nhưng ông ấy lại không đứng yên...”

“Ông ấy là một nhà du hành,” ông lão làm vườn ngắt lời cô bé. “Những nhà du hành không di chuyển. Họ du hành. Để có thể du hành, cháu phải có một điểm cố định, nơi mà từ đó cháu xuất phát. Và cháu luôn luôn trở lại đó, để chuẩn bị cho chuyến đi tiếp theo. Không có vòng tròn nào không có tâm. Và cũng không có một chuyến đi nào không có nơi trở về. Ít nhất... đó là những gì ông ấy từng nói. Ông ấy cũng nói vậy về chuyến đi bắt buộc của tất cả mọi người.”

“Ý ông là cái chết ư?” Julia nói.

“Đúng thế.”

“Ông chủ cũ của ngôi nhà này là người như thế nào ạ?”

Nestor nhăn trán suy tư.

“Ông ấy là một người tài ba, thông minh kiệt xuất. Ông ấy yêu ngôi nhà này hơn tất cả mọi thứ trên thế giới. Ngôi nhà này, và người vợ của ông.”

“Còn bà Penelope thì thế nào ạ?”

“Vô cùng ngọt ngào. Luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác. Tốt bụng. Mơ mộng.”

Julia gật đầu.

“Còn ông thì sao ạ? Ông đã ở đây bao lâu rồi?”

Nestor nhún vai.

“Ai mà nhớ được chứ. Ta có cảm giác là ta vẫn luôn ở đây. Hoặc đúng hơn... ở ngoài kia... trong ngôi nhà nhỏ của ta. Mặc dù thực tế thì ta dành nhiều thời gian trong ngôi nhà này hơn trong nhà mình: mỗi khi ông bà Moore đi qua Cánh cửa Thời gian và bắt đầu chuyến du hành... Cháu biết không, họ vắng nhà cả 10, 15 ngày. Đôi khi là nhiều tháng trời. Ta chăm sóc khu vườn, và cả ngôi nhà nữa. Rồi đồ gỗ, những bức tượng, tất cả những đồ vật một thời họ sở hữu, và bây giờ thuộc về bố mẹ cháu... Ta trông nom phòng khách, thư viện, phòng ngủ, tầng gác mái. Một số đồ đạc nội thất là do ta sắp đặt, trong khi số còn lại... Ồ, tất cả những đồ đạc còn lại do Penny, tức là... bà Moore sắp xếp.”

“Thế nghĩa là sao ạ?”

“Bà ấy là người lựa chọn vị trí đặt đồ vật mới nhất mà họ mang về từ chuyến du hành. ‘Đây rồi, đặt trên đây là hoàn hảo!’, bà ấy thường nói vậy. Lúc đó ngài Moore sẽ nhìn ta như thể muốn nói: ‘Nó sẽ không bao giờ rời khỏi vị trí đó.’ Dĩ nhiên là trừ khi bà Moore quyết định sắp xếp lại toàn bộ căn nhà. Lúc đấy thì, ta đảm bảo với cháu là Biệt thự Argo đã có nhiều giờ vô cùng náo nhiệt.”

“Họ hẳn là một đôi vợ chồng độc đáo.”

“Hiển nhiên rồi.”

“Sẽ thật tuyệt nếu cháu biết họ. Ở đây không có một bức ảnh hay chân dung nào của họ ạ? À, cháu tin là ông biết rằng ở đầu cầu thang thiếu đúng bức chân dung của ngài Ulysses Moore. Ông có biết nó ở đâu không?”

Nestor chậm chậm xoa tay.

“Ta nghĩ nó ở đâu đó trên tầng gác mái. Ngài Ulysses Moore không thích bức chân dung đó. Ông ấy nói rằng mỗi khi nhìn thấy nó, ông ấy lại cảm thấy mình như chết rồi vậy. Trái lại, sau đó, vợ ông qua đời...”

“Bà ấy đã qua đời như thế nào ạ?” Julia hỏi.

“Bà ấy bị ngã trượt từ vách đá xuống,” một lúc lâu sau, Nestor mới cất tiếng trả lời.

Chương 7. Bộ sưu tập

Pepi và Mecerino, hai Bảo vệ tại Ngôi nhà Sự sống, đưa cho Rick và Jason hai con bọ hung¹⁰ bằng đá đen, coi như giấy thông hành để chúng có thể tự do đi lại bên trong Bộ sưu tập.

Sau đó họ cùng bọn trẻ men theo một cầu thang chật hẹp và cũ nát, chạy lên dọc bức tường bên trong phòng khách lớn và nối với một hành lang có trần thấp và mặt sàn nghiêng.

“Tôi và Pepi biết những lối đi tắt mà nhiều người thậm chí không thể tưởng tượng được.” Micerino hãnh diện nói, trong lúc chiếc lông cầm trên mũ cứ ve vẩy suốt chặng đường đi. “Mời đi lối này, các vị khách đáng quý. Chúng tôi sẽ đi cùng các vị một đoạn ngắn trước khi trở về với nhiệm vụ vô cùng quan trọng của mình.”

Cả hành lang tràn ngập ánh sáng dịu dịu, được phản chiếu bởi hệ thống gương bằng đồng bài trí khéo léo. Những bức tường được sơn màu vàng đất, thỉnh thoảng được xen kẽ bằng những hốc tường có kích thước khác nhau, tại đây đặt những cuộn giấy cói, những mảnh gỗ nhỏ và những đồ vật thờ cúng phủ bụi.

Rick nhận thấy mỗi hốc tường đều được đánh dấu bởi một biểu tượng, một con số hoặc bởi cả hai, và cậu hình dung việc này giúp ích cho những người làm việc tại Bộ sưu tập trong việc lưu trữ khối tài liệu khổng lồ ở đây.

Chỉ một lúc sau, bọn trẻ đã đi vào một không gian mở hình tròn, trên cao, bầu trời xanh ngắt tỏa ánh sáng rạng ngời, như thể bọn chúng đang ở dưới đáy một ống khói vậy.

Tiến vào một hành lang khác, cũng là hành lang duy nhất đi ra từ khu giếng trời này, cả ba tiếp tục đi trong yên lặng. Họ bắt gặp hai lối đi theo hướng ngược nhau, và Micerino cẩn thận lựa chọn lối đi phía bên phải, dốc hơn.

“Chính xác thì nhiệm vụ của các ông là gì?” Rick bất ngờ hỏi, cậu đi cạnh Pepi. “Các ông phụ trách an ninh à?”

“Quy tắc 17: Các Bảo vệ phải luôn đảm bảo an ninh,” Micerino trả lời thay Pepi, không hề quay đầu lại. “Chúng tôi phụ trách việc ghi nhớ Bộ sưu tập đang lưu giữ cái gì.”

Ông ta hơi hợt chỉ những hốc tường ở cả hai bên hành lang.

“Mỗi hốc tường này đều giữ một vật gì đó: chỉ chúng tôi mới biết nó là gì và làm cách nào để tìm ra nó. Chúng tôi truyền đạt lại những gì mình biết cho những người học việc.”

“Bằng lời nói ạ?” Rick hỏi.

“Đương nhiên...” Micerino trả lời. “Ghi chép chỉ khiến cho trí nhớ kém đi.”

Rick gãi đầu, kinh ngạc.

“Nhưng hẳn phải có hàng trăm nghìn hốc tường ở đây! Ý ông là từng người trong số các ông đều biết và ghi nhớ tất cả... từng hốc một?”

“Ồ không, đương nhiên là không. Điều đó là không thể,” Micerino trả lời. “Mỗi Bảo vệ được phân công một tòa nhà cùng số lượng phòng nhất định, và người đó sẽ chỉ quản lý những hốc tường thuộc phạm vi của mình thôi.”

“Tại sao lại thế ạ? Vậy... vậy chỗ này rộng bao nhiêu?”

“Quy tắc 2: Bộ sưu tập được chia thành 22 tòa nhà. Mỗi tòa nhà có 22 phòng. Mỗi gian phòng có 22 hành lang. Và mỗi hành lang có ...”

“22 hốc tường?” Rick đánh bạo nói.

“Tại sao phải là 22 hốc tường?” Micerino đáp lại với một tràng cười mỉa mai. “Mỗi hành lang có 52 hốc tường. Hoặc 104. Hoặc 156.”

“Người ta không thể nghĩ đến cái gì đó đơn giản hơn sao, kiểu như 10 nhân 10 nhân 10 chẳng hạn?” Jason lẩm bẩm với bạn.

“Quy tắc 2, dĩ nhiên người ta chỉ nói đến khu Thượng của Bộ sưu tập...” Micerino bổ sung. “Ngoài ra cần tính đến tất cả hành lang ngầm dưới đất nữa. Chúng có nhiều, nhiều lắm... Dù sao thì cũng chỉ dừng lại tại đây thôi, bởi vì chúng tôi phải quay trở lại công việc nặng nhọc của mình rồi.” Viên Bảo vệ kết luận. “Gần đến nơi rồi, thưa các vị khách đáng kính. Để đến những gian phòng của Bậc thầy Thư lại, chỉ cần đi vào hành lang kia, cứ đi dọc theo nó, không rẽ vào đâu cả. Các vị sẽ đến kim tự tháp trong nháy mắt thôi.”

Rick, Jason và Maruk thẳng tiến về phía hành lang.

Phía sau, hai viên Bảo vệ chào tạm biệt chúng kèm một lời cảnh báo.

“Các vị hãy nhớ Quy tắc 9: Không chạm vào bất cứ thứ gì trong các hốc tường khi không có sự hỗ trợ của một Bảo vệ.”

“Chúng tôi hiểu rồi,” Maruk mỉm cười trả lời.

“Và... Quy tắc 19: Nếu nghe thấy tiếng kèn trompet của lính gác, hãy chạy ra khỏi Ngôi nhà Sự sống.”

“Với ngần này lối đi và ngần kia hốc tường, chẳng có gì khó hiểu nếu bị lạc ở đây.” Jason nhận xét trong khi cả bọn đi về phía thư phòng của Bậc thầy Thư lại.

“Thực vậy,” Maruk xác nhận. “Đó chính là lý do cần có những người Bảo vệ: để khỏi lạc đường.”

“Đã có ai khám phá mọi ngõ ngách của Bộ sưu tập chưa nhỉ?”

“Có thể là bố tớ,” cô bé vừa đáp vừa ve vuốt bức tường. “Nhưng không hẳn là tất cả. Có những hành lang đã nhiều năm rồi không ai đặt chân đến, Những Hành Lang Bị Bỏ Quên...”

Maruk vẽ một dấu hiệu trong không khí, như một loại bùa chú.

“Chắc ý cậu là những hành lang ngầm?” Rick đánh bạo hỏi. “Chỗ mà chúng ta thấy trong hang...”

“Ồ không. Đó là khu Hạ của Bộ sưu tập. Những Hành Lang Bị Bỏ Quên nằm ở phía trên...”

Maruk dừng lại nhìn những người bạn của mình. Đôi mắt long lanh của cô bé ánh lên vẻ căng thẳng kỳ lạ, rồi bắt đầu kể:

“Cách đây không lâu... một vụ hỏa hoạn đã xảy ra tại những hành lang đó, cướp đi sinh mạng của nhiều người. Có hai Bảo vệ, họ là vợ chồng, đã bị ngọn lửa thiêu mất xác, cùng với tất cả những gì được giữ trong khu vực đấy.”

“Chuyện của cậu chẳng vui gì cả,” Jason thì thầm, bối rối.

Maruk lại đi tiếp:

“Cậu nói đúng. Khúc tình ca về hai linh hồn bất tử yêu nhau kể cũng chẳng vui chút nào...”

“Nghĩa là sao?”

“Khúc tình ca kể rằng đã hàng trăm năm rồi, hai linh hồn bất tử yêu nhau đi lang thang trong những hành lang đó để tìm kiếm nhau, nhưng không bao giờ tìm thấy.”

“Trong khi đó chúng ta...” Jason lo lắng. Chúng ta biết chắc chắn mình đang đi đâu, phải không?

“Có thể...” Maruk mỉm cười. “Tớ chưa bao giờ đi qua đây cả.”

Thật may là những chỉ dẫn của Micerino đều chính xác. Sau khi đi chưa đến một trăm bước, hành lang dẫn đến một không gian rộng hơn và những

đưa trẻ thấy mình ở bên trong một kim tự tháp hoàn hảo ngay từ phần đế vuông.

“Chúng ta đến nơi rồi!” Maruk thở phào nhẹ nhõm ngay khi nhận ra kim tự tháp. “Thư phòng của bố tớ đây rồi!”

Căn phòng đơn giản mà vẫn tráng lệ. Những màn trướng bằng vải lanh rủ xuống từ trần nhà, căng phồng trong gió như những cánh thuyền buồm, và trên hai bức tường đối diện nhau là hai cửa lớn.

Chính giữa căn phòng là bốn chiếc bàn, trên mặt đồ bày la liệt, và cạnh đó là bốn đi-văng nhỏ. Trên bức tường phía cuối là những hốc tường giống như ở các hành lang, mỗi hốc tường được đánh dấu một biểu tượng khác nhau. Rồi những giấy thường và giấy cói, giống như những cuộn sợi khổng lồ, được xếp thẳng hàng dựa vào những bức tường còn lại.

“Bố ơi?” Maruk gọi, tiến vài bước vào căn phòng.

Không có ai trả lời. Cô bé đi vòng quanh bốn cái bàn và cất tiếng gọi lần nữa. Không có ai.

Jason và Rick đứng chờ ở ngưỡng cửa, sững sốt trước không gian uy nghiêm này.

“Có lẽ chúng ta nên chuẩn trước khi bố cô ấy phát hiện ra...” Jason thì thầm với cậu bạn.

Đúng lúc đó, từ phía bên kia căn phòng có một người phụ nữ đi vào.

“Maruk!” Người phụ nữ thốt lên. “Cháu làm gì ở đây vậy?”

Cô bé quay lại phía hai người bạn ra hiệu đi đến chỗ mình. Rick và Jason bước đi cẩn trọng trên sàn nhà lát đá thiên thanh, rồi dừng lại trước một cái bàn.

“Bố cháu không có ở đây... Ông ấy đi đón Pharaon rồi,” người phụ nữ vừa tới nói với Maruk.

Jason và Rick nhìn người phụ nữ và mỉm cười ngượng nghịu. Người phụ nữ mặc một bộ váy dài màu trắng, và trông dáng điệu cô ta vừa kỳ lạ vừa thanh lịch: cánh tay trái được giữ cố định bằng một chiếc khăn vải màu trắng buộc vòng lên sau gáy, trong khi cánh tay phải duyên dáng minh họa theo từng lời nói.

“Cô phụ tá của bố tớ không còn dùng được tay trái từ sau vụ cháy mà lúc trước tớ có nói với các cậu ấy. Nhiều người còn cho là cô ấy cũng đã mất đi một phần trí nhớ do một cú va chạm vào đầu... Vì thế, nếu có nghe thấy cô ấy nói những điều kỳ cục thì đừng để tâm nhé...” Maruk thì thầm giải thích với hai người bạn mới.

Rồi cô bé hỏi to:

“Khi nào bố cháu quay lại ạ?”

“Chuyện đó bố cháu không quyết định được, bởi còn phụ thuộc vào Pharaon. Nếu muốn, cháu có thể đợi bố ở đây. Như thế, cháu có thể làm quen với Tutankhamon...” Người phụ nữ trả lời.

“Tutankhamon?” Jason cắt lời người phụ nữ, tiến một bước lại gần cô.

Sau đó cậu quay ngoắt về phía Rick.

“Tớ đã nói gì với cậu nào? Tớ đã chắc chắn là có một sự liên kết giữa cậu ta và chỗ này mà!”

Người phụ nữ mỉm cười.

“Maruk, những người bạn của cháu... là ai vậy?”

“Họ là khách của Ngôi nhà. Họ đến đây ngày hôm qua bằng tàu thủy.”

“Trên đội tàu hoàng gia ư?”

“Vâng... vâng,” Jason lắp bắp. “Phải không, Rick?”

Rick đứng dịch sang một bên để tránh ánh nắng phản chiếu. Từ vị trí đó cậu có thể nhìn kỹ hơn người đang nói chuyện với Maruk. Đó là một người phụ nữ trung niên, có khuôn mặt cân đối và thanh thoát. Từ cô toát ra một vẻ dịu dàng rõ rệt.

“Phải không, Rick?” Jason hỏi lại.

“Ồ, đúng vậy, đúng vậy... Chúng cháu đã đến cùng với đội tàu...”

“Tuyệt vời!” Người phụ nữ vui mừng. “Chính xác là trên con tàu nào vậy?”

Người phụ nữ giơ tay chỉ cho Rick chiếc bàn mà cậu đang đứng cạnh. Chỉ đến lúc đó cậu mới nhận ra những đồ vật bày trên bàn là rất nhiều mô hình thuyền buồm và thuyền con.

Nhận thấy sự ngạc nhiên của cậu, Maruk tiến đến gần.

“Cậu có thích không, Rick? Bố tớ làm ra chúng đấy. Chúng là niềm đam mê của ông ấy!”

Nhưng cậu bé tóc đỏ cứ thần người ra câm lặng. Cậu đưa mắt nhìn vô số mô hình trên bàn và không thể không so sánh chúng với những mô hình mà cậu đã nhìn thấy trong căn tháp nhỏ ở Biệt thự Argo vài giờ trước.

Một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng khiến cậu thì thào:

“Chúng cháu đến với cái này...” Cậu bé chỉ vào một chiếc tàu đường như là phiên bản hoàn hảo của con tàu *Con mắt của Nefertiti* ở Biệt thự Argo.

Jason cũng sửng sờ y như cậu.

“Ồ, vậy thì chắc hẳn đó là một chuyến đi tuyệt vời...!” Người phụ nữ vừa nói vừa tiến lại gần. Chiếc váy lanh dài lướt trên sàn nhà lát đá thiên thanh.

“Vâng, một chuyến đi tuyệt vời,” Rick nói, bỗng nhiên cảm thấy hụt hơi.

Người phụ nữ nhắc mô hình con tàu “Con mắt của Nefertiti” lên đưa nó cho Jason. Cậu bé kinh ngạc, miệng lẩm bẩm:

“Không thể nào... Không thể nào...”

Người phụ nữ cười.

“Bác thầy Thư lại sẽ rất hài lòng khi biết các cháu thích nó nhiều như thế.”

“Ngài ấy dành thời gian làm những mô hình này lâu chưa?” Rick cất tiếng hỏi.

“Từ lâu lắm rồi! Maruk trả lời. Mỗi khi có thể, bố tớ lại ngồi vào chiếc bàn dưới kia rồi miệt mài với các dụng cụ. Bố tớ nói rằng ông thường ngắm nghĩ những việc hệ trọng trong khi làm những đồ vật nhỏ xíu này. Phải không ạ?” Cô bé nói thêm, quay sang người phụ nữ.

Người phụ nữ mỉm cười.

“Bố cháu cũng bảo ông ấy muốn có thêm thời gian để có thể hoàn thành cả đội tàu. Đã mấy tháng trời, thậm chí... gần hết một năm rồi ông ấy vẫn

chưa hoàn thành xong một mô hình. Các cháu có muốn xem mô hình ông ấy đang làm không?”

Rick gật đầu, và người phụ nữ quay người, tiến về chiếc bàn làm việc của bố Maruk.

Ở chính giữa bàn có một mô hình được phủ một tấm vải. Người phụ tá của Bậc thầy Thư lại dùng tay phải cẩn trọng nhấc tấm vải lên.

Khi nhìn thấy con tàu, Rick thành tình cảm thấy đôi chân trở nên nặng trĩu, như thể ai đó đã đóng đinh chúng xuống sàn nhà vậy.

“Không phải nó rất tuyệt sao?” Người phụ nữ hỏi.

Trên bàn của Bậc thầy Thư lại chính là mô hình con tàu Metis.



“Ông nói cho cháu nghe về cánh cửa đi!”

Julia nói với người làm vườn, khi cả hai đang ở trong căn phòng đá ở Biệt thự Argo.

Nestor đặt tách trà lên bàn.

“Thực sự là, ta chỉ biết những gì ông bà Moore kể lại. Bức tường mà trên đó có cánh cửa cháu thắc mắc thuộc gian phòng cổ nhất của ngôi nhà. Nó được xây dựng trước cả khi người La Mã đổ bộ vào nước Anh. Thậm chí trước cả người Celt¹¹. Và có thể trước cả khi những cột đá ở Stonehenge¹² được dựng lên nữa.”

Julia khoanh tay lại, vẻ ngờ vực.

“Ai đã xây dựng nó ạ?”

“Ta không biết,” Nestor nói rõ từng tiếng. “Ông bà Moore cũng vậy. Thậm chí, ta tin là họ đi du hành trên con tàu Metis chính là để khám phá điều đó.”

“Ý ông là cánh cửa vẫn luôn luôn ở đây?”

“Có thể như vậy...”

“Ông hãy nói cho cháu sự thật đi!”

“Ta không biết sự thật,” người làm vườn nhắc lại. “Nhưng ta biết vợ chồng ngài Moore không phải là người đầu tiên sống tại Biệt thự Argo. Vẫn luôn có một công trình trên mũi đất này: một tòa lâu đài, một ngọn tháp, hay một thứ gì đó đại loại thế. Nếu cháu muốn biết thì trong thư viện có cây phả hệ của gia đình đấy. Nó sẽ khiến cháu thấy thích thú...”

“Nó có từ khi nào ạ?”

“Ta chỉ nhìn thấy nó vài lần, khi Penelope mang ra để phủi bụi. Tuy nhiên nó rất cũ và được phân nhánh nhiều đến mức có một thời họ của chồng bà ấy chỉ đơn giản là ‘More’, chỉ với một chữ ‘o’.”

“Có nghĩa là ‘nhiều hơn’ trong tiếng Anh.”

Nestor lắc đầu.

“Không, gốc gác thì không phải tiếng Anh... Đó là một từ la-tinh mang nghĩa ‘tập quán’, ‘truyền thống’, ‘tục lệ xưa cũ’. Cháu có thể kiểm tra lại bằng từ điển nếu muốn.”

“Cháu báo cho ông biết là Rick đã mang theo quyển từ điển đó.” Julia trả lời kiên quyết. “Và bây giờ cháu muốn đi lấy lại nó!”

Nghe xong, Nestor bất ngờ đứng dậy.

“Muộn rồi. Ta nghĩ đã đến lúc cháu lên trên gác đi ngủ rồi đấy.”

Julia mở to mắt.

“Sao ạ? Em cháu và Rick vẫn đang ở Ai Cập, ở đâu đó tại... tại...”

“Xứ Punt.” Nestor nói rõ, tỏ vẻ không bận tâm trong khi mở cửa sổ để xem trời còn mưa không.

“Chính xác! Và trong khi họ đang ở Xứ Punt, thì cháu phải đi ngủ sao?! Cháu phải quay lại giúp họ mới đúng! Họ có thể đang gặp nguy hiểm.”

“Thật là một mục đích cao cả,” Nestor gật đầu. “Nhưng cháu không thể làm điều đó được đâu.”

“Tại sao ạ?”

“Cho đến khi hai đứa vẫn ở đó, cánh cửa sẽ đóng chặt từ phía bên này.”

“Cháu không tin!”

Nestor chỉ cho cô bé những vết cháy và vết xước trên bề mặt gỗ của cánh cửa.

“Không thể mở nó ra được, cho đến khi những người du hành trở về hoặc... cho đến khi họ không thể trở về nữa. Nếu có ba người rời khỏi đây từ cánh cửa này thì cả ba bắt buộc phải bước qua ngưỡng cửa từ hướng ngược lại thì cánh cửa mới lại mở ra. Ông rất tiếc, nhưng đó là cách nó vận hành. Chúng ta không thể làm gì khác ngoài việc chờ đợi.”

Julia sửng sốt.

“Ý ông là cánh cửa chỉ có thể được mở...”

“Từ phía bên kia. Đúng thế!” Nestor nói, quay trở lại gian phòng có điện thoại.

Chương 8. Người thợ trạm khắc thuyền

Rick và Jason nhìn chăm chăm vào mô hình con tàu, trong đầu ngổn ngang những suy nghĩ. Nhưng chúng không hề nhầm: trên chiếc bàn Ai Cập cổ đó là mô hình không lẫn đi đâu được của con thuyền mà chúng đã lái đi trong cơn bão, xuyên qua vùng biển phía trong hang Salton Cliff. Và dựa vào những cuốn nhật ký của Ulysses Moore, trong căn phòng tháp của Biệt thự Argo có một bản sao y đúc con tàu *Con mắt của Neferititi*.

Tại Kilmore Cove có một phần của Ai Cập cổ đại. Và tại Ai Cập cổ đại, có một phần của... của cái gì, chính xác nó là cái gì? Đến thời điểm này, thực sự con tàu Metis là cái gì, và có bao nhiêu người biết về nó?

“Đó thực sự là một con thuyền rất... kỳ lạ...” Rick lẩm bẩm khi người phụ tá phủ lại tấm vải lên trên mô hình. “Cháu chưa bao giờ nhìn thấy một

con thuyền như thế bao giờ.”

“Hẳn rồi...” Người phụ nữ trả lời. “Thực ra tôi nghĩ nó là một con thuyền không có thật, là một sản phẩm của trí tưởng tượng của Bạc thầy Thư lại. Và do đó ông ấy tốn rất nhiều công để hoàn thành nó.”

“Thực ra, bố cháu đã làm nó mô phỏng theo một hình vẽ.” Maruk bỗng thốt lên.

Rick và Jason giật nảy người nhìn cô bé:

“Một hình vẽ? Cậu chắc chứ? Chúng tớ có thể xem nó chứ?”

Người phụ tá nhìn chăm chú bọn trẻ với một biểu hiện thích thú.

“Các bạn của cháu thật tò mò!” Người phụ nữ thốt lên, tiến lại gần một trong những giá sách ở bức tường tận cuối phòng.

Sau khi tìm kiếm một lúc, người phụ nữ rút ra một tờ giấy cói dài.

“Đây là hình vẽ mà Maruk nói đến,” người phụ nữ vừa nói vừa mở nó ra.

Bên trong lớp giấy cói là một tờ giấy, trên đó là bức phác thảo của con tàu Metis. Đó là một tờ giấy nom rất mực tầm thường nhưng cũng vô cùng hiện đại, có vẻ như được xé ra từ một trong những quyển nhật ký của Ulysses Moore.

Ngay khi nhận ra nó, Jason không thể kìm được mà thốt lên:

“Nhưng đó là hình vẽ của U...!” Cậu bé reo lên, trước khi bị Rick bịt miệng lại.

“Các cháu biết tác giả của bức vẽ này sao?” Người phụ nữ hỏi bọn trẻ.

“Ồ không, không...” Rick vội lấp liếm. “Ý của bạn cháu là bức vẽ... là độc nhất! Thực sự độc nhất!”

Maruk mỉm cười.

“Chúng tớ cũng nghĩ vậy. Nó thật đẹp, phải không?”

“Làm thế quái nào mà tờ giấy đó lại đến tận đây được?” Jason thì thầm với Rick, khi Maruk và người phụ nữ quay người để đặt bức vẽ vào vị trí cũ.

“Tớ không biết và cũng không muốn biết, cậu bé tóc đỏ trả lời, đứng cách xa một vài bước. Có lẽ chúng ta nên khẩn trương trở về chỗ chị gái

cậu, trước khi...”

“Đợi đã...” Jason ngắt lời.

Cậu bé giả vờ quan sát một vài cuộn giấy cói ở phía bên kia của căn phòng và nói khe khẽ:

“Maruk đã nói với chúng ta rằng Ngôi nhà Sự sống dùng để gìn giữ và bảo vệ những đồ vật... Cậu không nghĩ là... chủ nhân cũ của Biệt thự...” Jason mỉm cười, và Rick hiểu ngay cậu đang nghĩ gì.

“Cậu nghĩ...” Rick tiếp lời, “rằng Ulysses Moore đã đến đây... để giấu cái gì đó sao?”

“Hãy thử nghĩ mà xem: ông ấy có thể đã đến chính căn phòng này và nói chuyện với Bạc thầy Thư lại! Ông ấy có thể đã lấy một mô hình tàu *Con mắt của Nefertiti* và để đổi lại, ông ấy đã để lại hình vẽ của con tàu Metis. Điều này có thể giải thích rất nhiều thứ, cậu không nghĩ vậy sao? Ví dụ, vì sao chúng lại ở đây?”

“Ý cậu là sao?”

“Ý tớ là... có thể ngài Moore đã đưa chúng ta đến đây... để lấy lại thứ mà ông ấy đã giấu kỹ trong Bộ sưu tập.”

Rick gật đầu.

“Nghe hợp lý đấy. Có thể nó thực sự hợp lý... Tiếc là người chủ cũ đã chết rồi.”

“Đấy là theo cậu nghĩ thôi,” Jason phản bác. “Nghĩ lại những tin đồn mà cậu đã nghe về căn tháp canh của Biệt thự Argo xem nào.”

“Hai cậu đang thì thầm với nhau chuyện gì vậy?” Maruk bất chợt xuất hiện sau lưng bọn trẻ và xen vào câu chuyện.

“Chúng tớ đang tự hỏi một điều...” Rick mỉm cười trả lời cô bé. “Trước đó cậu đã giải thích cho bọn tớ rằng trong Ngôi nhà Sự sống có rất nhiều đồ vật đến từ khắp nơi trên thế giới...”

“Chính xác.”

“Điều đó có nghĩa là bất cứ ai cũng có thể tin tưởng giao cho các cậu thứ gì đó để gìn giữ sao?”

“Đúng thế. Chỉ cần cậu giao nó cho một Bảo vệ, cho biết tên đồ vật và trả một lượng deben nhất định, khoản này dao động tùy vào việc cậu muốn cất giữ nó trong bao lâu,” Maruk giải thích trong lúc chỉnh lại bím tóc.

Rick tiếp tục hỏi:

“Vậy thì... nếu chúng ta biết tên của một người, cậu nghĩ có cách nào để biết được người đó đã để lại vật gì trong Bộ sưu tập không?”

“Cần hỏi một Bảo vệ chẳng?” Jason đánh bạo đoán.

“Ồ, không cần...” Người phụ tá của Bạc thầy Thư lại xen ngang, sau khi nghe bọn trẻ nói chuyện. “Mọi cái tên được viết trên giấy cói và sắp xếp theo trật tự trên những cái giá này.”

Jason và Rick tiến lại gần một vài tấm gỗ được đánh dấu bởi những ký hiệu tượng hình cổ, khi bọn trẻ đọc, chúng tự chuyển thành những chữ cái thông thường của bảng chữ cái.

Bọn trẻ dừng lại trước ký hiệu “M”.

“Moore... Tớ nghĩ là nó có thể ở đây, Jason nói nhỏ.”

“Các cậu có cần tôi giúp tìm nó không?” Người phụ tá hỏi.

“Thực ra là không ạ... Đây chỉ là chuyện vặt vãnh thôi và chúng cháu không muốn cô mất thời gian...” Jason trả lời, trong đầu cậu bé lại vang lên hồi chuông báo động. “Nếu cô cho phép, chúng cháu sẽ tìm rồi đặt lại mọi thứ vào chỗ cũ ạ.”

“Chắc chắn là tôi cho phép rồi, chỉ cần Maruk hỗ trợ các cháu là được.” Người phụ tá mỉm cười, rồi nhẹ nhàng rời đi.

Bên trong những chiếc giá có vô số cuộn giấy cói, được gói bên trong những tấm vải nặng. Mỗi cuộn giấy chứa một danh sách những cái tên, như một danh bạ điện thoại hiện đại vậy. Tuy nhiên để đọc được hết chúng, cần phải giữ chặt một đầu cuộn giấy và mở ra chậm chậm từ đầu bên kia, rồi trải nó trên sàn nhà. Mỗi cuộn giấy, được đánh dấu bằng chữ viết nhỏ và gọn gàng, có chứa tên của nhiều người, sau đó là loại đồ vật mà họ đã gửi vào Bộ sưu tập, rồi số tiền họ đã trả để món đồ vật đó được nhận, và một câu ẩn ngữ ngắn gọn kết thúc việc đăng ký.

Theo Maruk, câu ẩn ngữ đó chỉ hốc tường nơi đồ vật được cất giữ vào.

“Cứ viết đơn giản Hốc 16.450 không phải là đủ rồi sao...” Rick lầm bầm khi đọc một trong những câu ẩn ngữ đó. “Như thế lại chẳng đơn giản hơn ‘Kẻ điên đi tìm khắp thế giới hai chiếc chén để nâng cốc’ hay sao?”

Nhưng sau đó cậu hiểu rằng chính những câu đó dùng để ghi nhớ thông tin về cái hốc. Việc ghi nhớ một câu chuyện nhỏ rõ là dễ hơn nhiều so với việc nhớ một con số đơn thuần.

Trên ba cuộn giấy đầu tiên, Jason và Rick không tìm thấy bất cứ cái tên Ulysses Moore nào và bắt đầu nghi ngờ trực giác của chúng.

Khi đã sắp bỏ cuộc, Rick tình cờ nhìn thấy một điểm thăm màu tại chính giữa cuộn giấy thứ tư.

“Đây rồi!” Cậu bé reo lên, không nén nổi cảm xúc.

Cậu chỉ ngón tay vào tên người chủ cũ của Biệt thự Argo được viết bằng chữ tượng hình. Nhưng sau tích tắc, một cơn rùng mình ớn lạnh chạy dọc sống lưng cậu: ai đó đã tìm cách xóa hoàn toàn thông tin đăng ký. Một vết mực đen dài che đi một phần cái tên và khiến cho tất cả những gì viết sau đó đều không thể đọc được.

“Không thể nào...” Jason thì thầm, nhẹ nhàng nâng tờ giấy cỏi lên và đặt nó dưới ánh sáng. “Không thể đọc được gì nữa... chỉ đọc được một phần... *Ulysses Moore* và từ này: *bả... đồ... bản đồ!* Bản đồ! Cậu cũng đọc được, đúng không Rick? Ở đây có viết “bản đồ” này!”

Rick gãi cằm, ngẫm nghĩ.

“Có thể... có thể Jason nói đúng...”

Chắc chắn là người bí ẩn xóa thông tin đăng ký trên giấy cỏi có rất ít thời gian để làm việc này, bởi hẳn đã quẹt vôi một đường, không đủ để che đi toàn bộ những chữ viết.

Ulysses Moore: bản đồ.

Đó là những chữ viết còn sót lại.

Nhưng thế là đủ để bọn trẻ hiểu rằng có một thứ gì đó vô cùng quan trọng bên trong Bộ sưu tập cần được tìm ra.

Bọn trẻ đặt lại những Cuộn giấy cỏi vào chỗ cũ và chào tạm biệt người phụ tá của Bạc thầy Thư lại. Maruk dẫn hai cậu nhóc rời khỏi phòng, hướng tới lối ra khỏi Ngôi nhà Sự sống. Jason và Rick đi theo sau cô bé.

Khi cả bọn đến một căn phòng thấp với sàn nhà sẫm màu, từ đó tỏa ra ba hành lang khác nhau, cô bé chọn hành lang được trấn giữ bởi một bức tượng đỡ trên đầu một thứ như thế cả bầu trời sao.

“Cậu thực sự không biết những bức tượng và hành lang này được sắp đặt như thế nào sao?” Rick cất tiếng hỏi cô bé. “Ý tớ là, phải có lý do nào đó khi cậu chọn đi theo hướng này, chứ không phải là hướng kia chứ.”

“Bởi vì hướng này là hướng đúng,” Maruk trả lời. “Đây là Hành lang Sao. Cậu bận tâm vô ích thôi, Rick. Sự sắp đặt các hành lang là một trong những bí mật được gìn giữ nghiêm ngặt nhất bởi những người Bảo vệ.”

“Là những người sử dụng các câu đặc biệt để nhớ những gì họ đang tìm kiếm,” Rick vẫn cố chấp. “Kiểu như... *Sau Hành lang Thầy tu, bạn hãy đến Hành lang Sao, hoặc... Hốc tường ở dưới những ngôi sao!*”

Cậu bé quan sát hai bức tượng trấn giữ hai lối ra khác của căn phòng và nói thêm:

“Hoặc: *Đi theo Hành lang Thầy tế rồi rẽ vào Hành lang Tòa tháp...*”

“Cậu vừa nói ‘tháp’ à?” Jason xen vào.

Rick nhìn kỹ hơn bức tượng cậu gọi là “tháp”. Đúng vậy, tháp! Cậu định gọi nó là gì? Ngọn hải đăng à? Hay một tòa nhà hẹp và cao?

“Tháp, tháp...” Jason lặp lại, lục chiếc túi mà Rick đeo trên vai. “Đợi chút đã...”

Cậu bé mở cuốn sổ ghi chép của Ulysses Moore ra và đọc to lời chỉ dẫn mà bọn chúng đã tìm thấy trong trang cạnh bức phác thảo xứ Punt.

ĐỂ TÌM ĐƯỢC ĐƯỜNG BẠN SẼ CẦN SỰ MAY MẮN VÀ NHỮNG NGÔI SAO TỐT.

HÃY TÌM BẢN ĐỒ TRONG TOÀ THÁP BỐN CHIẾC GẬY.

“Lẽ nào đây chính câu ẩn ngữ của người Bảo vệ?”

Maruk quan sát cuốn nhật ký một cách tò mò.

“Đó là cái gì vậy? Các cậu đã tìm thấy nó ở đâu thế?”

Jason và Rick phớt lờ cô bé và bắt đầu bàn luận với nhau.

“Có thể người chủ cũ sau khi gửi bản đồ vào trong Bộ sưu tập...” Rick bắt đầu nói.

“Đã quay trở lại Biệt thự Argo và...”

“Sao chép dòng lưu ý của Bậc thầy Thư lại vào cuốn nhật ký để không quên mất.”

“Hoặc có thể ông ấy muốn đánh lạc hướng ai đó...”

“Đúng, có thể lắm.”

Bọn trẻ quay sang Maruk, khuôn mặt cô bé tỏ vẻ vô cùng thích thú.

“Hai cậu đang nghĩ gì trong đầu vậy?”

“Cậu có thể đưa chúng tớ quay lại chỗ Pepi và Micerino được không?” Jason hỏi cô bé. “Chúng tớ muốn khám phá xem những câu này thực sự có thể dẫn chúng tớ đến một hốc tường nào đó không.”

Maruk nhíu mày.

“Được thôi, nhưng tớ không nghĩ việc đó có thể làm được trong ngày hôm nay. Các cậu không thấy ở đây hỗn độn như thế nào à?”

“Phải rồi... Pharaon...” Jason lắc đầu, sau đó nhìn xung quanh và đánh bạo hỏi:

“Vậy, nếu... câu *Hãy tìm bản đồ trong toà tháp* có nghĩa là chúng ta phải tìm ngay trong chính hành lang này thì sao?”

“Tớ không nghĩ vậy, Jason...” Rick thì thầm. “Như thế thì trùng hợp quá.”

Nhưng bạn cậu không nghe thấy mà cứ thế tiến vào Hành lang Tòa tháp, vừa đi vừa kêu lên:

“Tớ chỉ đi một tẹo thôi. Cậu đứng yên đó nhé!”

“Đừng nghĩ tới chuyện đó!” Rick cũng kêu lên, theo sát gót bạn. “Tớ không định để cậu biến mất như chị cậu đâu.”

“Chị nào cơ?” Maruk hỏi, chạy lon ton phía sau bọn trẻ.

Trong Hành lang Tòa tháp, Rick và Jason bắt đầu chăm chú quan sát những biểu tượng đánh dấu từng hốc tường, và bắt đầu đếm. Có hai dãy hốc tường ở hai bên: một dãy được đánh dấu bằng biểu tượng một chiếc cốc và dãy thấp hơn được đánh dấu bằng một thanh gươm. Ở phía bên kia hành lang là biểu tượng đồng xu và chiếc gậy.

“Gậy!” Rick hoan hỉ. “Chúng ta phải tìm bốn cây gậy.”

Việc này không khó. Bọn trẻ chỉ việc đi tiếp cho đến khi nhìn thấy hốc tường thứ tư ở phía bên phải.

“Ôi trời!” Jason thở hắt ra, nhìn vào bên trong. Chẳng cần cúi xuống cậu cũng có thể thấy rõ ràng là Hốc tường Bốn chiếc gậy hoàn toàn trống trơn.

“Mọi việc có vẻ quá dễ dàng đấy!”

Rick vẫn đi tiếp thêm một đoạn trong hành lang, vừa đi vừa đếm lớn:

“Năm, sáu, bảy, tám, chín gậy, mười gậy và... khi thật!” Cậu bé bỗng dừng im bật.

“Cậu tìm thấy gì vậy?” Jason hét to.

“Tớ đã nghĩ là sẽ thấy mười một gậy, nhưng trái lại... có một đứa bé dựa vào một cây gậy.”

“Và sau đó?”

Rick lại tiến lên phía trước, rồi biến mất sau góc hành lang.

Maruk thích thú đi sau bọn chúng.

“Không ai hiểu điều này đâu, ngoại trừ những người Bảo vệ. Tớ đã nói với các cậu đó là một bí mật mà!”

“Có một người phụ nữ cầm một cây gậy!” Rick kêu to. “Rồi một người đàn ông có râu! Và sau đó hành lang kết thúc.”

“Cậu quay lại đây đi!” Jason gọi cậu bé lại.

Rick xuất hiện với chiếc túi trên vai, chạy từ cuối hành lang lại.

“Đây là lý do vì sao có 52 hốc tường ở mỗi hành lang!” Cậu bé chạy đến chỗ những người bạn của mình, thở hỗn hển.

“Tớ không hiểu...”

Rick thở dốc, và chỉ vào những hốc tường:

“Cậu hãy hình dung đây là một bộ bài Tây! Nó đi từ một đến mười... sau đó có quân bời, quân đầm và quân già. Như ở đây vậy! Từ một cho đến mười gậy, sau đó là đứa bé, người phụ nữ và người đàn ông có râu. Tớ đã kiểm tra rồi: đứa bé, người phụ nữ và người đàn ông cũng có trong những biểu tượng khác nữa.”

Nghe xong lời giải thích, Jason nhìn các biểu tượng của những hốc tường dưới ánh sáng mới.

“Cốc thay cho trái tim... Gươm thay cho hoa... Gậy thay cho ngọn giáo và... Ồ, tiền thì vẫn là tiền thôi.”

“Cái đó thì không bao giờ thay đổi,” Rick cười khúc khích.

“Đó là mật mã của các cậu à? Một bộ bài?” Jason hỏi Maruk.

“Tớ không hiểu bất cứ điều gì mà các cậu vừa nói,” cô bé trả lời.

“Cậu không bao giờ chơi bài sao?”

Cô bé lắc đầu.

“Tớ còn chẳng biết nó là cái gì.”

“Vậy cậu thường chơi trò gì?”

“Tớ chơi trò senet¹³, hoặc trò xúc xắc.”

Rick và Jason nhìn nhau bối rối, sau đó lũ trẻ quay trở về căn phòng nơi cả bọn xuất phát.

“Chắc là đúng đấy Jason,” Rick thì thầm. “Maruk chưa bao giờ chơi bài, có lẽ bởi vì bộ bài vẫn chưa được phát minh ra. Hừm... Những hốc tường được đánh dấu như một bộ bài, mặc dù họ không biết chúng là gì. Thật là bí ẩn!”

Cậu bé đứng trước lối vào Hành lang Tòa Tháp, quan sát bức tượng đánh dấu ngưỡng cửa ra vào và bần khoăn gãi đầu.

“Dù sao thì vấn đề vẫn còn đó. Kể cả khi chúng ta đã khám phá ra rằng những hốc tường được đánh dấu như các quân bài... những bức tượng đó là gì?”

“Các cậu nghĩ sao nếu chúng ta đi khỏi đây?” Maruk đề xuất, vẻ mặt kiên nhẫn.

Đúng lúc đó không khí im lặng bao trùm tòa nhà bị một tiếng kèn trompet bất ngờ xé toạc.

“Nhanh lên!” Cô bé kêu lên, tóm lấy tay áo của hai người bạn.

“Có chuyện gì thế?”

“Quy tắc 19: Tình trạng khẩn cấp! Khi những tiếng kèn trompet vang lên, tất cả phải rời khỏi Bộ sưu tập ngay lập tức!”

Cách không xa chỗ ba đứa trẻ, tại lối vào của Ngôi nhà Sự sống có hai người đang tranh luận sôi nổi.

“Có thể đó là một tấm bản đồ, chính xác, thưa quý cô...nhưng...” Pepi mỉm cười, hy vọng tiền bối sẽ đến giúp đỡ. Tuy nhiên Micerino dường như đã biến mất trong đám đông nhốn nháo đang tràn ngập Khải hoàn môn của Bộ sưu tập.

“Và nó nằm trong này, đúng không?” Người phụ nữ khẳng khẳng, tỏ vẻ thiếu kiên nhẫn. Sau đó, cô ta vén tay cổ tay áo sơ mi viền da báo lên.

“Ồ, đúng vậy... hẳn vậy,” anh chàng lăm băm, xấu hổ thấy rõ. “Vấn đề duy nhất là... theo Quy tắc 4...”

Oblivia Newton không để anh ta nói tiếp, cô ả dùng bàn tay với những móng dài sơn tím ấn chặt bàn tay của Pepi xuống cạnh bàn. “Vấn đề gì...?”

Người Bảo vệ trợn tròn mắt và cố gắng rút tay ra nhưng không thành công. Những ngón tay của anh bị người phụ nữ xa lạ giữ chặt.

“Vâng... sự thực là trong thời điểm này không thể-ế-ế...”

“Đi vào đó?” Người phụ nữ kết thúc câu nói giúp anh ta.

“Đúng vậy, vâng, chính xác... chúng tôi đang đợi Pharaon đến, và đã... đã... có lệnh tạm dừng mọi cuộc viếng thăm cho đến khi Người rời khỏi Bộ sưu tập...”

Sức ép trên những ngón tay tăng lên.

“Tôi không hiểu.” Oblivia lăm băm.

“Cô đang làm tôi thấy đau...” Pepi rên rỉ, xấu hổ.

Người phụ nữ đột ngột đứng thẳng người và buông anh ta ra. Ầ cời khăn choàng lông thú ra và đặt xuống chiếc bàn ở giữa hai người.

“Anh đang nói với tôi rằng tôi cất công đến tận đây một cách vô ích sao? Rằng tôi đã đi cả chặng đường dài... chỉ để nghe anh nói rằng hôm nay không thể vào trong sao? Tôi hy vọng là anh đang đùa!”

Pepi đẩy chiếc khăn choàng sang phía đầu bàn bên kia. Người phụ nữ lại đẩy nó xuống dưới những ngón tay của Pepi.

“Tôi... không... không... cảm ơn...” Người Bảo vệ lắp bắp. “Tôi hiểu quý cô muốn gì, và tôi đảm bảo rằng sẽ làm tất cả những gì có thể để quý

cô hài lòng... Và đây chắc chắn là một chiếc khăn choàng tuyệt vời... nhưng...”

Đôi mắt Oblivia Newton trở nên mời gọi.

“Tôi cần phải vào trong. Tôi cần tìm tấm bản đồ này. Tôi. Cần. Tìm. Tấm. Bản. Đồ. Này.”

Pepi thở hỗn hển.

“Tôi... tôi... tôi không có thẩm quyền. Tôi chỉ là một người học việc thôi, và... chỉ lát nữa... Quy tắc 19... sẽ có hiệu lực. Quy tắc đấy rất rõ ràng... xin quý cô hãy tin tôi... Chúng tôi phải cho tất cả những ai ở trong Bộ sưu tập ra ngoài... và không... không được cho bất cứ ai vào.”

“Cho đến khi nào?”

“Cho đến khi Pharaon đến.”

“Tôi chỉ xem một chút thôi! Chỉ một chút thôi! người phụ nữ tiến lên phía trước, nắm lấy chiếc lông công trên mũ của Pepi và vuốt ngược nó lại đằng sau đầu anh ta. Và tôi biết thưởng công cho ai tốt với tôi bằng rất nhiều cách...” Cô ta thì thầm ngọt xớt bên tai anh chàng. “Và vô cùng rộng rãi...”

Pepi cứng người lại, nhưng ngay khi anh ta đã chuẩn bị đầu hàng tuyệt đối, thì không gian vang lên âm thanh của tiếng kèn trompet.

Như có phép màu, chiếc lông công gãy làm đôi. Pepi tránh khỏi người phụ nữ, lùi loạng choạng về phía sau và đúng lúc đấy anh ta nhìn thấy bóng dáng của Micerino đang lẩn trong đám đông tại lối vào.

“Tôi rất tiếc, nhưng quý cô không thể vào trong được!” Anh ta thở hỗn hển. “Không thể!”

Mặt đỏ bừng vì xấu hổ, anh ta quay gót, vội vã rảo bước về phía Micerino.

Oblivia Newton ở lại với nửa chiếc lông công trong tay, giận dữ ném nó xuống đất. Cô ta lại nghe thấy tiếng kèn và nhìn thấy tất cả những ai ở trong Ngôi nhà Sự sống đều được hộ tống ra ngoài.

“Phải có cách nào đó chứ...” Cô ta rít lên, mím chặt môi cho đến khi chúng trắng bệch. Cô ta nhìn xuống những ngón chân được sơn một lớp

móng đấm da báo, sau đó thở phì phì, không biết phải làm gì. Dù không được phép đi vào trong. Và cô ta chắc chắn không có ý định từ bỏ cuộc chơi dễ dàng vậy.

Đúng lúc đó, Oblivia để ý thấy một cậu thanh niên đang mỉm cười, đứng tựa vào cột cách cô ta vài bước. Dường như cậu ta đang cười nhạo ả.

“Người muốn gì?” Cô ta quát lên một cách lỗ mãng.

Cậu thanh niên không mảy may thay đổi thái độ. Đôi mắt cậu ta lóe lên ánh sáng điển hình của một người thông minh và hoàn toàn không do dự. Cậu ta rời khỏi cây cột với một sự chậm rãi có trù tính, và đến gần cô ta, thờ ơ với dòng người qua lại ồn ào cạnh bọn họ.

“Tôi nghe được là cô đang tìm một thứ ở bên trong Bộ sưu tập,” cậu ta nói.

“Có thể.”

“Tôi cũng nghe nó là một tấm bản đồ.”

“Và nếu người đã nghe nhầm thì sao?”

“Tôi biết một cửa hàng ngoài kia có bán rất nhiều bản đồ...”

Quý cô Newton lấy lại chiếc khăn choàng lông thú bằng một cử chỉ khinh khỉnh.

“Cảm ơn vì đã cố gắng, cậu em đẹp trai, nhưng tôi không nghĩ cửa hàng của cậu có tấm bản đồ mà tôi đang tìm. Nó chỉ có đúng một bản sao thôi,” cô ta ta chỉ vào những hành lang của Ngôi nhà Sự sống, “và không may là nó ở trong kia.”

Cậu thanh niên để cho Penelope đi qua, hít vào mùi hương nước hoa đậm đặc của cô ta. Sau đó cậu ta nói thêm:

“Trong trường hợp này, tôi biết có một cách để vào trong kia và tìm nó, nếu cô biết nó nằm ở đâu.”

Oblivia đưa mắt dò xét cậu thanh niên.

Những tiếng kèn lại vang lên, nhắc lại hiệu lệnh rời khỏi tòa nhà. Bất thình lình, tại giếng lớn trung tâm có tiếng thứ gì đó đứt gãy. Có tiếng la hét, kêu gào và những tiếng kèn khác. Các lính canh chạy vội chạy lại để xem chuyện gì đã xảy ra.

Đây chính là thời điểm để lén đột nhập vào bên trong Bộ sưu tập.

“Người có thể đưa ta vào trong ngay lập tức được không?” Oblivia hỏi cậu thanh niên.

Nụ cười của cậu ta càng rộng hơn.

“Và cô có thể trả công cho tôi ngay lập tức và... một cách hào phóng được chứ?”

Chương 9. Trực giác

Bọn trẻ bắt đầu chạy và đến một cầu thang xoắn ốc trong dãy hành lang rộng lớn không bóng người. Cả bọn băng qua một lối đi tối đen như hũ nút xuống một căn phòng lớn có trần nhà đầy sao, với một ô cửa sổ mở ra khu vườn.

Lại một hồi kèn nữa vang lên, lần thứ ba, hay lần thứ tư gì đó, nó khiến bọn trẻ càng chạy nhanh hơn.

Thình lình Rick dừng lại.

“Chúng ta phải đi thôi, cố lên!” Maruk hét. “Pharaon đang đến!”

“Chỉ một chút thôi...” Rick vừa nài nỉ cô bé, nhìn quanh. Cậu không thấy mệt, trái lại, việc chạy đường như giúp cậu hồi phục trở lại. Như những gì bố cậu luôn nói: “Khi con không biết phải làm gì, hãy chạy. Đó là cách tốt nhất để nạp ôxi cho não.”

Với Rick, chạy không có nghĩa là bỏ chạy. Mà nó đồng nghĩa với việc không đánh mất thời gian, để suy nghĩ.

Trong căn phòng có trần nhà đầy sao, cậu đặt chiếc túi xuống sàn và rút ra cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*.

Jason quay lại, thờ hồn hển.

“Cậu làm gì thế?”

“Tớ muốn tra cứu một thứ. Cậu lo vụ cô bạn kia đi.”

Jason gật đầu và dang rộng cánh tay để không cho Maruk nhìn thấy quyển *Từ điển*.

“Maruk, nghe này! Cậu có thể giữ bí mật không?” Cậu hỏi để làm cô bé xao nhãng. “Sự thật là: chúng tớ không đến đây theo đội tàu hoàng gia.”

Rick nhìn quanh để kiểm tra xem có ai ở xung quanh không. Sau đó cậu mở *Từ điển* và bắt đầu nghĩ ngợi. “Mình tìm gì đây?” Cậu nhìn chăm chăm vào hai bức tượng gần đó: một bức tượng được treo lên cây với đầu chúc xuống. Còn bức kia trông như bức chân dung của Thần chết. Cậu tra phần mục lục của cuốn *Từ điển* nhằm tìm kiếm một ý tưởng và bắt đầu thử với mục “Ngôn ngữ Ai Cập cổ”...

Trong lúc đó, Jason tiếp tục nói chuyện một cách nghiêm túc với Maruk.

“Chúng tớ nói với cậu rằng chúng tớ đã đến theo đội tàu bởi vì nếu không cậu sẽ không tin. Thực ra...” Cậu nhìn xem Rick đang làm gì, sau đó tiếp tục nói. “Chúng tớ đến đây theo một con thuyền khác. Và chúng tớ không biết chính xác tại sao chúng tớ lại ở đây. Tớ chỉ yêu cầu cậu... tin tưởng một chút... vào chúng tớ...”

Maruk cắn môi, sau đó hé mắt nhìn vượt qua Jason.

“Rick đang làm gì thế? Thứ trên đui cậu ấy là gì vậy?”

“Đó là cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*.” Rick máy móc nói, tay vẫn lật những trang giấy.

“Các cậu có muốn giải thích thêm cho tớ hiểu không?” Maruk phản đối.

“Rick đang tìm hiểu xem mật mã của Bộ sưu tập hoạt động như thế nào,” Jason mỉm cười với cô bé. “Bởi như vậy chúng tớ mới có thể tìm được... tấm bản đồ. Tấm bản đồ bốn chiếc gậy.”

Maruk lắc đầu quày quật.

“Nhưng chúng ta không thể tìm nó bây giờ được! Chúng ta phải ra khỏi đây!”

“Nếu chúng ta ra khỏi đây...” Rick vẫn đang vừa nói vừa lật những trang giấy. “Có thể chúng tớ sẽ không bao giờ có cơ hội vào trong này nữa...”

“Tại sao? Chúng ta không thể quay trở lại vào ngày mai ư?”

Jason lắc đầu.

“Chúng tớ không thể ở lại đây lâu được. Chúng tớ phải quay trở về chỗ chị Julia.”

“Julia?”

“Đó là chị gái tớ. Chị ấy... chị ấy bị rớt lại phía sau. Nhưng trước khi quay trở về chỗ chị ấy chúng tớ phải làm điều gì đó ở đây.”

“Điều gì?”

“Chúng tớ cũng không biết chính xác. Nhưng điều đó rất quan trọng.”

“Ai đã cử các cậu đến đây?”

“Chúng tớ không biết chắc. Chúng tớ chỉ có một manh mối thôi, một manh mối nhỏ vừa khám phá ra tại căn phòng của bố cậu. Cậu biết cái tên chúng tớ đã tìm kiếm trên các tờ giấy cói chứ? Đó là... một người bạn. Và có thể có ai đó đang muốn ngăn cản chúng tớ giúp ông ấy.”

“Ai vậy?”

“Chúng tớ không biết,” Jason trả lời.

“Thế có cái gì mà các cậu biết không?” Maruk thốt lên.

Jason lắc đầu và bắt đầu cười lớn.

“Nói thật là không, Maruk à. Tin tớ đi, chuyện là vậy đấy. Hãy hình dung rằng chỉ vài giờ trước chúng tớ còn đang ở...”

Những bức tường của Ngôi nhà Sự sống rung lên bởi tiếng kèn trompet không biết đã vang lên đến lần thứ bao nhiêu.

Cô bé tóm lấy tay Jason và kéo cậu đi.

“Tớ không biết các cậu đã ở đâu vài giờ trước, nhưng nếu không đi mau, chỉ chút nữa thôi chúng ta sẽ gặp một đống rắc rối đấy. Không được phép trái lời Ngự lâm quân Hoàng gia.”

“Đây rồi!” Rick kêu lên.

“Cái gì vậy?”

“Tớ tìm thấy rồi.”



Manfred ngáp ngáp dài trong phòng khách của bà Cleopatra Biggles. Y tung lên tung xuống trong không khí cuốn tạp chí về thêu móc không biết bao nhiêu lần trong lúc nằm dài trên ghế bành.

Bà Biggles đang ngủ trên chiếc ghế đi-văng, miệng há hốc và có vẻ hạnh phúc, trong khi những con mèo lượn xung quanh bà như những con sư tử bên người dạy thú.

Manfred xua tay đuổi chúng đi.

“Lũ quái vật!”

Gã đứng lên và đi tới phòng bếp. Trong tủ lạnh chỉ có rau và bánh xốp sô-cô-la. Y với tay lấy một vài chiếc và ném phần còn lại của hộp bánh vào lũ mèo.

Trong một hộp thiếc có những chiếc kẹo đường đủ loại, kể bên một hộp khác đựng bánh bích quy bơ cứng như đá.

Một bộ bát đĩa bằng sứ in hoa, một vài chiếc khay hoa, hai cái rèm hoa và cuối cùng là một cây xúp-lơ to đùng ở giữa bàn.

Không tìm được bất cứ thứ gì hợp sở thích, Manfred quay ra xem đồng hồ thủy tinh trong phòng khách. Vài món nữ trang rẻ tiền, một hình thiên thần nhỏ, bốn bản *Tuyển tập Reader's Digest*, một cuốn sách vẫn chưa tháo lớp giấy bọc và không biết là chiếc hộp thiếc thứ bao nhiêu nữa chứa đầy ắp đinh ghim.

Khi bị đinh ghim châm, Manfred dường như cảm thấy lũ mèo đang cười nhạo y.

“Cút đi! Cút, lũ quái vật này!” Gã gào lên.

Sau đó gã ngậm lấy đầu ngón tay bị thương và xem giờ.

Chiếc ô tô đỗ cách lối vào có vài mét. Chiếc áo mưa của gã, treo trên lò sưởi, vừa mới ráo nước.

Gã mặc nó vào, mở cửa và đi ra ngoài. Khi gã cài số lùi, lũ mèo của bà Biggles đứng hết trên ngưỡng cửa, nhìn y chăm chăm.

“Mình ghét lũ mèo...” Gã nghiến răng, lẩm bẫm.

Chương 10. Bí ẩn được tiết lộ

Jason nhảy đến chỗ Rick và quỳ xuống cạnh cậu bạn. Trên một trang của cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên* có một bảng được đánh số từ 0 đến 21.

“Bộ Ẩn Chính của bài Tarot...” Rick lẩm bẫm. - Sao trước đó mình không nghĩ tới điều này nhỉ?

Cuốn từ điển giải thích rằng những quân bài Tarot là những lá bài cổ nhất trên thế giới, xuất phát điểm của tất cả những lá bài hiện đại. Nhiều giả thuyết cho rằng những lá bài Tarot là các Bảng Tri thức mà vị thần Ai Cập Thoth dùng để giảng dạy cho con người những bí mật về chữ viết, số học, âm nhạc và trò chơi. Vì lý do đó, mỗi lá bài Tarot được gọi là “arcano”, hay có nghĩa là điều bí ẩn, bí mật.

Rick đọc hăng say:

“Những lá bài Tarot được chia thành 52 lá Bộ Ẩn Phụ và 22 lá Bộ Ẩn Chính. 52 lá Bộ Ẩn Phụ được chia làm bốn bộ: cốc, tiền, kiếm và gậy... như những hốc tường trong hành lang vậy.”

“Trong khi 22 lá của Bộ Ẩn Chính,” Jason nói tiếp, “là những hình vẽ chưa rõ ý nghĩa. Lá Ẩn Chính số 21: Thế giới. Lá Ẩn Chính số 12: Người đàn ông bị treo ngược. Lá Ẩn Chính số 13: Thần Chết!”

Người đàn ông bị treo ngược và Thần chết là hai bức tượng đang nhìn chăm chăm vào bọn trẻ từ căn phòng với trần nhà toàn sao.

“Đây là lý do vì sao người ta nói con số 13 mang lại xui xẻo,” Rick mỉm cười đứng dậy. “Cậu thử đọc câu ẩn ngữ của Ulysses Moore lên mà xem.”

Jason mở cuốn nhật ký và đọc lại câu đó thật chậm rãi.

“Vì vậy,” Rick ngẫm nghĩ, kiểm tra cái bảng trong quyển từ điển, “bây giờ chúng ta phải...”

“Chúng ta phải chạy ra ngoài ngay!” Maruk rên rỉ, liếc nhìn những hành lang vắng tanh.

Rick không để ý đến cô bé và cố tập trung.

“Micerino nói rằng Bộ sưu tập được chia thành 22 khu, mỗi khu có 22 phòng, mỗi phòng có 22 hành lang. Hai mươi hai... bằng số bài Bộ Ẩn Chính.”

“Các cậu! Tôi thực sự không biết các cậu đang nói về điều gì, nhưng...”

Jason đọc lại cuốn nhật ký và kêu lên:

“Chỉ một chút nữa thôi, Maruk! Nếu chúng tôi phải tìm tấm bản đồ bốn chiếc gậy, bốn chiếc gậy đó có thể là con số của hốc tường. Chúng tôi biết rằng tấm bản đồ nằm trong tháp...”

“Tòa tháp: lá Ẩn Chính số 16, Rick đọc. Câu ẩn ngữ nói rằng để tìm được tấm bản đồ chúng ta cần may mắn và những ngôi sao tốt...”

Rick bất ngờ gặp cuốn từ điển lại.

“May Mẫn là lá Ẩn Chính số 10. Những Ngôi Sao là lá Ẩn Chính số 17. Quá rõ ràng! Lúc trước, chúng ta đã đi vào Hành lang Tòa tháp, như thế thật sai lầm!”

Cậu lại gần Jason và Maruk, tóm tắt lại những gì mình vừa khám phá ra:

“Tấm bản đồ nằm ở trong Hành lang Tòa tháp, nhưng bắt đầu từ Phòng Sao, trong khu May mắn... Hốc tường Bốn chiếc gậy. Thật dễ phải không?”

Maruk há hốc miệng.

Jason bật cười.

“Đừng lo, Rick luôn làm như vậy. Quan trọng là cậu ấy đã hiểu thôi.”

Và Rick dường như đã thực sự hiểu ra, cậu nhìn xung quanh và nói:

“Vì vậy điều duy nhất mà chúng ta cần biết là hiện giờ chúng ta đang ở đâu. Maruk, cậu biết không?”

Cô bé lắp bắp trả lời, sau đó lặp lại với giọng to hơn.

“Có thể chúng ta đang ở trong chính khu May mắn...”

“Tuyệt!” Jason hoan hỉ. “Một cái tên phù hợp đấy! Cùng xem nào...”

Cậu bé tóc đỏ tiến lại gần hành lang được đánh dấu bởi bức tượng Thần Chết. Lá Ẩn Chính số 13.

“Nếu đây là Phòng Sao, thì chúng ta thực sự đã ở rất gần rồi, chỉ phải tìm ra Hành lang Tòa tháp nữa, có nghĩa là đi...”

Jason nhìn quanh, lo âu.

Maruk lắc đầu.

“Về phía bên kia, tớ nghĩ vậy...” Rick nói liêu.

Cô bé người Ai Cập giậm chân xuống đất.

“KHÔNG! Chúng ta phải đi về phía ngược lại, về hướng lối ra! Trước khi lính canh đến...”

Rick và Jason nhìn cô bé khẩn cầu.

“Đi mà,” một trong hai cậu nói.

“Nó có thể rất quan trọng,” cậu bé kia nói thêm.

Maruk nuốt nước bọt một cách khó nhọc.

“Các cậu chỉ kể cho tớ toàn những lời dối trá. Tại sao bây giờ tớ phải tin các cậu chứ?”

“Có lẽ bởi vì sau tất cả thì với cậu bọn tớ vẫn... đáng yêu chẳng?” Jason nói với vẻ mặt cầu xin nhăn nhó.

Maruk thở dài.

“Thôi được, tớ sẽ đi cùng các cậu... Nhưng chỉ đến khi có tiếng kèn báo tiếp theo. Đồng ý không?”

Bọn trẻ bắt đầu chạy. Tiếng dép xăng-đan gỗ trên sàn nhà dội lại dưới mái vòm trống trơn của tòa nhà cùng với nhịp thở hỗn hển. Rick dẫn đường, đầu tiên bọn trẻ chạy đến một hành lang có án ngữ một bức tượng

nom giống thiên thần, sau đó là một hành lang khác với một con quỷ có cánh, cuối cùng là hành lang Tòa tháp. Bọn trẻ lao vào bên trong, Jason chạy đầu tiên, và chúng bắt đầu đếm to những con số của hốc tường: một chiếc gậy, hai chiếc gậy, ba chiếc gậy... Bốn chiếc gậy! Đây rồi, nó ở đây!

Bọn trẻ dừng lại trước hai hốc tường. Một hốc Bốn Tiền ở dưới thấp, đây ắp những cuộn giấy thường và giấy cói. Một hốc Bốn Chiếc Gậy ở trên cao, dường như chỉ có một mớ mạng nhện khổng lồ.

Rick rút từ trong chiếc túi ra mẫu nến cuối cùng còn sót lại, cậu bé thắp nó lên bằng một que diêm dưới ánh mắt kinh ngạc của Maruk và chuyển nó cho Jason.

“Cậu nhìn đi!” Rick nói.

Sau đó cậu đan hai tay lại để làm điểm tựa cho Jason và nâng cậu bạn lên cao đủ để nhìn vào hốc tường phía trên cao.

“Cẩn thận đấy!” Maruk thì thầm, trong khi Jason rướn mình nhìn vào bên trong hốc tường, tay giữ thẳng ngọn nến ở phía trước.

“Nhanh lên,” Rick rên rỉ, thở phì phò nặng nhọc vì phải nâng cậu bạn. “Tớ không biết sẽ đỡ cậu được bao lâu đâu...”

“Tớ... không... nhìn thấy gì cả...” Jason nói, nheo mắt lại.

Chiếc hốc dường như đã bị bỏ không nhiều năm rồi. Và hoàn toàn trống trơn. Khi Jason đã định bảo Rick hạ cậu xuống, thì chợt nhìn thấy một tờ giấy cói nhỏ, bị nhét vào trong góc xa nhất. Cậu đưa tay ra tóm lấy nó.

“Lấy được rồi!”

Đúng lúc đấy, Maruk nắm lấy vai Rick và hoảng hốt thì thầm:

“Họ phát hiện ra chúng ta rồi! Chạy thôi!”

Rick mất thăng bằng và Jason ngã nhào xuống người cậu bạn, tay vẫn nắm chặt tờ giấy cói.

Maruk bỏ chạy dọc hành lang, trong khi Jason và Rick mới chỉ kịp nhồm dậy bằng đầu gối. Chúng nghe thấy tiếng những bước chân đang tiến lại gần.

“Nhanh lên! Vào trong kia!” Rick thì thầm, chỉ vào hốc tường Bốn Tiền.

Cậu chui vào trong đó với chiếc túi và giấu mình giữa những cuộn giấy cói.

Jason vội vàng làm theo, trong khi bước chân của những người lạ mặt vẫn đang tiến lại gần.



“Còn mất bao lâu nữa?” Oblivia Newton khó chịu hỏi trong lúc theo sau cậu thanh niên vào cái hành lang không biết thứ bao nhiêu, y chang những hành lang trước đó.

“Quý cô nôn nóng quá đấy. Và rất ồn ào nữa,” cậu thanh niên chê trách. “Nếu cô muốn tìm thấy tấm bản đồ, cô phải tin tôi và yên lặng một chút.”

“Ai đã giáo dục cậu vậy?” Oblivia cộc cằn đốp lại.

Cậu thanh niên dừng lại ngay chính giữa Phòng Sao. Trên đầu bọn họ, trần nhà lấm tấm đầy những vì tinh tú.

“Cô nghe rõ đây: nếu có ai đó giáo dục tôi, thì tôi đã không ở đây để lên lút đưa cô đến chỗ tấm bản đồ đâu.”

Oblivia trừng mắt nhìn cậu thanh niên, do dự không biết có nên trả đũa hay không.

Từ khi bọn họ đột nhập vào bên trong Bộ sưu tập, rồi đi qua các hành lang gồ ghề khiến đôi giày gót nhọn của cô ta phải chịu đựng khổ sở, cậu thanh niên không ngừng đối xử với cô ta một cách khinh miệt.

“Nghe đây, chàng trai trẻ: ta không trả công cậu để bị đối xử như vậy đâu.”

“Và tôi cũng không chấp nhận việc đưa cô vào đây và bị lính canh phát hiện. Nếu cô không im miệng lại, sớm muộn họ sẽ phát hiện ra chúng ta. Và tôi đảm bảo rằng chết rũ trong một xà lim ẩm ướt làm thức ăn cho lũ chuột không phải là một việc dễ chịu đâu.

Nghĩ đến chuột, cô ả cứng người lại vì ghê.

“Ta không hề có ý định để bị ném vào xà lim đâu...”

“Tôi nghĩ giờ chúng ta đã hiểu nhau rồi đấy,” cậu thanh niên trả lời. “Im lặng mà đi theo tôi. Chúng ta sắp đến rồi.”

Họ đi vào Hành lang Tòa tháp và đi đến hốc tường được đánh dấu bởi bốn chiếc gậy.

“Nó đây,” cậu thanh niên nói.

Oblivia đẩy mạnh cậu ta sang một bên, và với giọng nói không che giấu được cảm xúc, cô ả hỏi:

“Cái nào? Cái ở dưới thấp này à?” Cô ta chỉ vào hốc tường nhét đầy những cuộn giấy cói.

“Không. Cái kia.”

Người phụ nữ kiễng chân trên mũi giày cao gót của mình.

“Cuối cùng thì cũng kết thúc!” cô ta kêu lên.

Sau đó cô ta bật ra một tràng cười chói tai và để thêm:

“Với người thế là kết thúc rồi, Ulysses, lời của Oblivia Newton ta đó!”

Sau câu nói của cô ta là một âm thanh kỳ lạ, nghe như thể một lời cảm thán bị bịt lại vậy.

“Cậu nói gì?” Oblivia hỏi.

“Tôi chẳng nói gì cả.

Người phụ nữ lắc đầu.

“Lạ thật... có vẻ như ta vừa nghe thấy gì đó...”

Cậu thanh niên người Ai Cập lo lắng nhìn xung quanh...

“Hãy lấy thứ cô cần phải lấy, và làm nhanh lên. Chúng ta phải đi khỏi đây ngay!”

“Ta đã đợi giây phút này hàng năm trời.” Cô ta lăm bắm, kiễng chân lên một lần nữa để nhìn vào bên trong hốc tường, sau đó rút ra một chiếc bật lửa và làm bùng lên một ngọn lửa.

Cậu thanh niên nhìn chăm chăm vào chiếc bật lửa, miệng há hốc.

“Không thể nào...” Sau vài giây, quý cô Newton lăm bắm. “Không... không... KHÔNG CÓ BẤT CỨ CÁI GÌ Ở ĐÂY! CHỈ CÓ ĐÚNG MỘT MẪU NẾN!”

“Suýt!” Cậu thanh niên quở trách. “Cô định gọi tất cả lính của Pharaon chạy đến đây sao!”

Khuôn mặt người phụ nữ đỏ bừng bừng.

“KHÔNG CÓ!” Người phụ nữ lặp lại, ném mẩu nến xuống đất.
“KHÔNG CÓ TẤM BẢN ĐỒ!”

“Tôi sẽ đi khỏi đây ngay lập tức...” Đúng lúc đó, người đồng hành của cô ta nổi xung.

Nhưng Oblivia Newton nhảy chồm lên như một con báo và tóm lấy cánh tay cậu thanh niên trước khi cậu ta kịp chuồn đi.

“Đứng yên đây, chàng trai trẻ. Cậu định đi đâu hả? Định đùa ta phải không? Cậu đã đưa ta đến đâu vậy?”

“Đến đúng chỗ cô yêu cầu...” Cậu ta thì thầm, cố gắng thoát ra một cách vô ích.

Nhưng Oblivia tóm tay cậu ta rất khỏe và chắc.

“Đừng có giở trò với ta, thằng láo toét!” Oblivia Newton gào lên, xô cậu ta vào tường như một bao khoai tây. “Trả lời đi. Tại sao lại không có tấm bản đồ của Kilmore Cove?”

Những cuộn giấy cói trong một hốc tường gần đó kêu sột soạt.

“Tôi không biết!” Cậu thanh niên người Ai Cập kêu lên. “Tôi không biết ai là... Kilmore Cove... Tôi... tôi chỉ đưa cô đến đúng chỗ cô muốn...”

Oblivia Newton trừng trừng nhìn cậu thanh niên, cô ta do dự không biết nên tin cậu ta hay không.

Cùng lúc đó cô ta nghe thấy tiếng bước chân từ xa, kèm theo âm thanh va đập chói tai của khiên đồng và giáo. Lính canh.

“Tôi nghĩ rằng họ đã nghe thấy chúng ra rồi...” Cậu thanh niên thì thào.

Oblivia Newton nghĩ đến nhà ngục đầy chuột và buông cậu ta ra.

“Được rồi,” cô ta lẩm bẩm, cúi xuống nhặt mẩu nến dưới đất lên. “Giờ hãy đưa ta ra khỏi đây.”

Chương 11. Những sự thật được che giấu

Tốp cận vệ của Pharaon chạy đến. Họ dò xét hành lang với những mũi giáo, thì thầm nhanh chóng với nhau, sau đó họ chia ra và lại bắt đầu chạy đi tìm kiếm những kẻ xâm nhập. Tiếng bước chân xa dần cho đến khi biến mất hoàn toàn.

Jason và Rick trốn ở sâu bên trong hốc. Sau một khoảng thời gian tưởng như vô tận, bọn trẻ mới dám gạt đám giấy cói và nhìn ra ngoài.

Không còn ai cả.

Jason lê chân trên sàn nhà trong im lặng, theo sau là cậu bạn.

Hai đứa trẻ nhìn xung quanh tìm kiếm Maruk, nhưng cô bé, như tất cả những người khác, dường như đã biến mất, bị nuốt chửng bởi mê cung của những hành lang bụi bặm đó.

“Cậu cũng nghe thấy phải không?” Rick thì thầm. “Hay tất cả là do trí tưởng tượng ra? Làm thế nào mà Oblivia Newton lại ở đây được?”

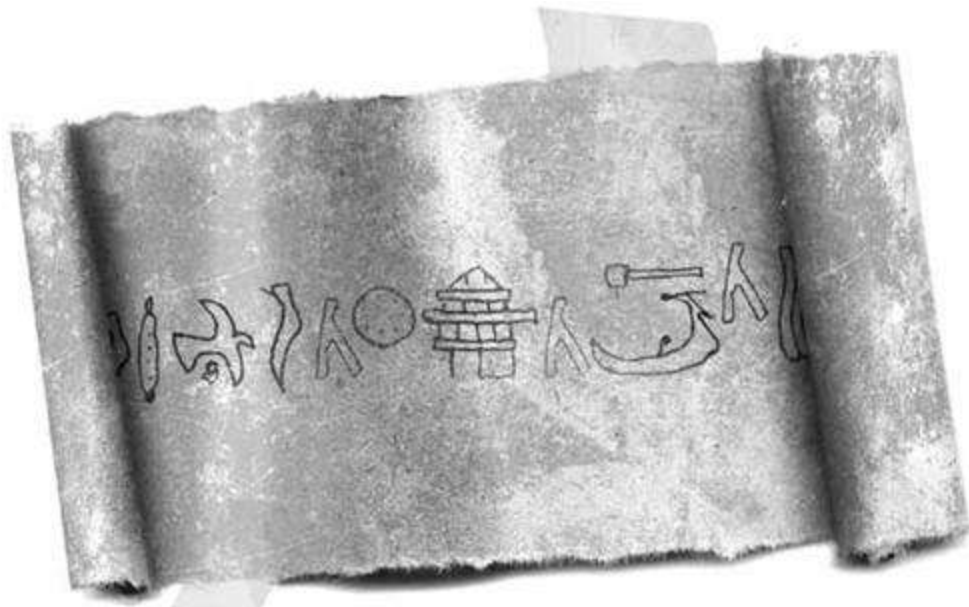
Sau đó cậu bé ngửi ngửi không khí, và sặc ngay vào mũi là mùi nước hoa đặc trưng khiến cậu nhớ đến cuộc gặp đầu tiên với Obliva, khi cậu suýt bị chiếc ô-tô của cô ta đâm phải trên đường đến Biệt thự Argo.

Jason cho bạn xem dải giấy cói mà cậu tìm thấy trong hốc tường.

“Chúng ta đã đi trước cô ta một bước,” cậu thì thầm.

Nói rồi Jason mở cuộn giấy và thấy bên trong có một thông điệp ngắn, được viết bằng những chữ cái y chang những thông điệp bọn chúng tìm

thấy trong chiếc hộp nhỏ tại vách đá và trong bưu kiện của cô Calypso.



“Nhưng đây là những chữ viết tượng hình của Disco di Festo mà!” Rick
lầm bầm ngay khi nhìn thấy bức thông điệp.

“Theo tớ thì cuộc săn tìm lại tiếp tục...”

“Chúng ta không có thời gian để dịch nó bây giờ, lính canh có thể quay
trở lại bất cứ lúc nào. Chúng ta phải rời khỏi đây thôi.”

Bọn trẻ đi đến cuối hành lang và trước khi đi tiếp, chúng hé nhìn từ
trong góc. Có vẻ như không có ai. Bọn trẻ quyết định quay gót đi tới Phòng
Sao. Khi đến đó rồi, nếu không tìm thấy Maruk, chúng sẽ tìm cách để rời
khỏi đây.

Bọn trẻ nắm chặt trong túi thẻ thông hành con bọ hung, ngẫm nghĩ lại
những gì chúng vừa nghe thấy.

“Nhưng Oblivia Newton chính xác là ai vậy?” Jason đột nhiên hỏi.

“Nói thật là tớ chẳng có ý niệm nào về điều đó hết,” Rick trả lời. “Tớ
chưa bao giờ gặp cô ta trước khi đến nhà cậu hôm qua... Tớ sẽ hỏi mẹ xem,
chắc hẳn bà sẽ biết. Hoặc... chúng ta nên hỏi Gwendaline, người làm đầu ở
Kilmore Cove. Mẹ tớ nói rằng nếu ở Kilmore Cove có một con ruồi bay
qua thì Gwendaline cũng biết.”

“Oblivia Newton...” Jason lặp lại. “Ở Ai Cập.”

“Đến giờ tớ vẫn không thể tin nổi,” Rick đáp lại.

Bọn trẻ đi vào hành lang được trấn giữ bởi một bức tượng quỷ có cánh.

“Cậu nghe cô ta nói gì không? ‘Với người thế là kết thúc rồi, Ulysses, lời của Oblivia Newton ta đó!’”

“Tớ có nghe thấy... Trong phút chốc tớ đã suýt hét lên.” Jason thì thầm. “Bây giờ chúng ta biết được rằng Oblivia căm ghét người chủ cũ.”

“Bây giờ nghĩ lại,” Rick nói, “khi tớ đến Biệt thự Argo, cô ta và người làm vườn đang cãi nhau quyết liệt.”

“Vì sao?”

“Tớ không biết rõ lắm, nhưng liên quan đến Biệt thự Argo.”

“Cậu nói là Oblivia... có thể đã biết về cánh cửa, về cái hang và... con tàu sao?” Jason giật mình.

“Có thể thế...” Rick lẩm bẩm. “Tuy nhiên bây giờ chúng ta cần tìm cách ra khỏi đây, được chứ?”

Vừa đi về phía Phòng Sao, tránh gây ra tiếng động dù là nhỏ nhất và canh chừng ở mọi đoạn rẽ, Jason không thể ngừng nghĩ ngợi.

“Bỏ hoang”. Từ này chợt lóe lên trong đầu cậu như một tia chớp và làm sáng tỏ một loạt các chi tiết: Cánh cửa Thời gian phủ đầy những vết trầy xước và vết cháy, giấu sau chiếc tủ quần áo, gói bưu kiện không ai đến nhận, con đường dưới đất bị sập mất một phần, lưới thông gió trong chiếc hang, cuốn nhật ký của thuyền trưởng con tàu Metis nói về chuyến hành trình cuối cùng.

“Tất cả đều bị bỏ hoang!” Cậu kêu lên. “Bỏ hoang và xóa sổ. Rick, cậu nghĩ mà xem: bức tường chặn hành lang, sổ sách bị xóa mất, hốc tường trống rỗng. Tất cả đều bị đóng lại, bị giấu đi... như thể có gì đó không được phép tìm ra. Một thứ gì đó rất nguy hiểm.”



Biệt thự Argo vẫn rung chuyển trong cơn dông.

Dưới cổng vòm, Julia nhìn ra ngoài qua lớp cửa kính. Nestor lặng lẽ đi đến đứng phía sau cô bé, quan sát cơn mưa đang trút xuống và ánh đèn của

ngọn hải đăng đang chậm chạp quay quanh chính nó.

“Đêm nào người ta cũng bật nó ạ?” Julia hỏi.

“Không, chỉ thỉnh thoảng thôi, khi Leonard nhớ ra,” người làm vườn nhún vai trả lời.

“Ngọn hải đăng không hoạt động tốt ạ?”

“Hoàn toàn không phải. Vấn đề là người canh gác nó.”

“Cháu không hiểu...”

“Leonard bị chột một mắt,” ông lão làm vườn đợi cho chùm ánh sáng trắng hình nón đi qua rìa khu vườn, rồi sau đó mất hút trên mặt biển, nói tiếp, “ông ấy đã có một cuộc đọ sức với một con cá mập.”

Julia rùng mình.

“Bất hạnh thay, có nhiều chuyện không may vẫn thường xảy ra trên biển,” người làm vườn thì thầm.

“Ông có thể nghỉ lại đây nếu ông muốn..., sau một lúc,” Julia đề xuất.

Nhưng khi quay lại, Julia nhận ra Nestor đã đi khỏi, để cô bé lại một mình. Julia dựa lên bức tượng người thiếu phụ vá lưới, dăm chiêu, sau đó quay trở lại chỗ cầu thang lạnh lẽo. Những bức chân dung treo trên tường nhìn cô bé một cách dữ tợn. Cô nghe thấy một tiếng động và đứng khựng lại.

Có gì đó đập liên hồi ở tầng trên, trong phòng cô. Julia cố gắng không nghĩ về điều này.

“Không có ai trong ngôi nhà này cả,” cô tự nhủ.

Một dãy các căn phòng lớn nhỏ của tầng trệt trải dài trước mắt cô bé, kết thúc là phòng ăn. Không có bất cứ ánh đèn nào.

“Ông Nestor?” Cô thầm thì, giọng nhỏ xíu.

Cơn mưa vẫn đang điên cuồng.

Julia nghe thấy tiếng động thứ hai đến từ tầng trên. Cô nắm chặt lan can bằng sắt và bước lên bậc thang đầu tiên.

“Ông Nestor?”

Julia bước thêm vài bước, cho đến khi, từ cửa sổ duy nhất chiếu sáng cầu thang, cô nhìn thấy ánh sáng bên ngoài khu vườn. Sau đó là tiếng động

cơ.

Cô mở to mắt, chạy lại phía cổng vòm.

“Ông Nestor!” Cô bé hét lên. “Ông Nestor!”

Một chiếc ô tô đã tiến vào khuôn viên Biệt thự Argo.

Chương 12. Ánh sáng trong khu vườn

Rick và Jason bỗng khựng lại. Sự im lặng trong Ngôi nhà Sự sống bị xé toạc bởi một tiếng kèn trompet, tiếp theo là tiếng hò reo dường như rất gần.

Hai cậu bé cẩn trọng liếc nhìn từ trong góc và thấy một căn phòng lớn màu vàng, có cửa hướng ra phía vườn. Tiếng reo hò vọng đến từ bên ngoài.

Rick cắn môi, nhìn về phía sau. Cậu đã nhầm đường rồi...

Hai cậu bé rón rén lại gần cửa sổ: trong khu vườn, một đám đông đang reo hò, chen chúc bên lề con đường chính. Không khí hân hoan tràn ngập cờ và hoa, một cỗ xe dát vàng được kéo bởi hai chú ngựa ô lộng lẫy.

“Là cậu ấy, Tutankhamon!” Jason kêu lên khi nhìn thấy bóng người đứng trên cỗ xe.

Vị Pharaon trẻ trong trang phục màu vàng và trắng đang liên tục vẫy tay chào đám đông. Bên cạnh cậu, một người đàn ông oai vệ với bộ râu rậm bạc trắng đang giữ dây cương.

“Đó hẳn là bố của Maruk” Rick nói.

Giá mà bọn chúng có thể nói chuyện với Bậc thầy Thư lại. Có thể ông ấy là một trong số ít người đã từng quen biết Ulysses Moore.

Jason nhìn cảnh tượng với trái tim nghẹn lại vì xúc động. Cậu sẽ phải làm gì để có thể ở dưới đó, trong khu vườn, tận mắt thấy Pharaon!

“Tớ nghĩ đã đến lúc chúng ta nên đi rồi,” Rick nói. “Tốt hơn chúng ta nên quay lại, từ đây chúng ta sẽ không bao giờ đến Phòng Sao được...”

“Này!”

Đúng lúc đó, một giọng nói nhỏ thì thầm cất lên.

“Cậu nói gì cơ?”

“Tớ có nói gì đâu.”

“Hình như tớ nghe thấy một tiếng huýt sáo...”

“Có thể là từ phía ngoài kia!” Jason gợi ý.

“Này! giọng nói nhỏ lại lặp lại.”

Rick nhìn chăm chăm vào bức tượng trần ở hành lang.

“Tớ lại nghe thấy nó.”

“Lần này tớ cũng nghe thấy!” Jason nói.

“Này, các cậu!” Lần này giọng nói cất lên. “Tớ ở dưới này!”

Mặt Maruk lộ ra từ một hốc tường dưới chân bọn trẻ.

“Lính canh đã đi hết chưa?”

“Maruk!” Rick kêu lên. “Cậu làm gì trong đó thế?”

Cô bé kiểm tra nhiều lần để chắc chắn hành lang không còn ai khác, sau đó mới quyết định bò ra ngoài.

“Sém chút nữa là họ bắt được tất cả chúng ta!” Cô bé kêu lên, đứng dậy gỡ một cái mạng nhện ra khỏi cánh tay. “Tớ đã bảo các cậu rồi mà...”

“Và cậu đã trốn ở đây,” Jason lẩm bẩm.

Không khó khăn gì để dựng lại những việc đã xảy ra. Ngay khi nghe thấy tiếng bước chân, Maruk liền bỏ chạy và núp gần một bức tượng. Sau đó cô bé nhìn thấy Oblivia và một cậu thanh niên người Ai Cập đi đến, trong cơn hoảng loạn, cô bé đã chui ngay vào hốc tường đầu tiên nhìn thấy.

“Bây giờ chúng ta đi khỏi đây thôi, xin các cậu đấy!” Cô bé vừa nói vừa chỉnh lại bím tóc.

Maruk dẫn bọn trẻ đến một cầu thang dốc hướng xuống dưới.

“Cậu có nghe thấy họ nói điều gì đặc biệt không?” Rick hỏi.

“Chắc chắn rồi! Người phụ nữ có vẻ tức giận. Cậu thanh niên thì ngược lại, cố gắng trấn an cô ta. Tớ nghe được rằng họ sẽ đến Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên, bên ngoài Ngôi nhà Sự sống.”

“Điều này hẳn sẽ có ích đấy,” Jason lầm bầm.

Vài phút sau, có một lối ra xuất hiện cuối cầu thang, ánh nắng mặt trời lọt qua từ đó. Jason, Rick và Maruk bò ra bên ngoài và gặp nhau trong khu vườn của Ngôi nhà Sự sống, phía sau đám đông đang tung hô vị Pharaon.

Không có dấu vết gì của Oblivia Newton và người đồng hành.

Bọn trẻ phủi quần áo qua loa và tìm một nơi yên tĩnh.

Sau khi ngồi dựa lưng vào một cây cọ lùn, Rick và Jason bắt đầu dịch thông điệp trên tờ giấy cói trong vòng chưa đầy năm phút. Sau đó Rick đọc to một câu vô cùng khó hiểu:

Tái bút: Tôi thích cất giấu tấm bản đồ trong Căn phòng không tồn tại.

“Đó là điểm dừng tiếp theo của chúng ta,” Jason mỉm cười. “Căn phòng không tồn tại.”

“Tớ không nghĩ là chỉ dẫn này sẽ giúp các bạn được nhiều đâu.” Maruk nhận xét. “Trái lại, tớ nghĩ là người bạn của các cậu đã chơi khăm các cậu rồi...”

“Tại sao?” Jason hỏi.

“Nếu ông ấy đã giấu tấm bản đồ trong Căn phòng không tồn tại... Điều đó có nghĩa là ông ấy đã phá hủy nó rồi.”

“Tớ không hiểu.”

Maruk cười to.

“Căn phòng không tồn tại chỉ là một cách nói... Để một thứ trong Căn phòng không tồn tại nghĩa là... vứt thứ đó đi.”

“Cậu chắc chứ?”

“Chắc chắn. Tất cả bắt nguồn từ một truyền thuyết như khúc tình ca về hai người yêu nhau nhưng bị lạc mất dấu và phải đi lang thang với hy vọng tìm được nhau.”

“Hoặc người bạn của chúng ta muốn nói rằng ông ấy muốn giấu nó ở một nơi an toàn...”

“Không có cách nào giấu an toàn hơn là phá hủy nó. Có thể đó là những gì mà người bạn của các cậu muốn nói...”

“Không thể nào, Jason lắm bầm. Chúng tớ biết có một tấm bản đồ Kilmove Cove được giấu ở Ai Cập này... Bất cứ thứ gì được vẽ trong đó đều quan trọng. Có thể điều này giải thích bí ẩn về Cánh cửa Thời gian và con tàu Metis. Dù gì đi nữa, chúng ta phải tìm cho ra Căn phòng không tồn tại trước Oblivia Newton.”

“Thế thì sao...?” Rick xen vào.

“Thế thì các cậu điên hết rồi!” Maruk kết luận. “Và cái cô Oblivia Newton đó còn điên hơn các cậu! Tìm Căn phòng không tồn tại cũng giống như tìm một hạt cát giữa sa mạc vậy. Xin mời, các cậu cứ thoải mái đi.” Cô bé nói, chỉ vào những bức tường khổng lồ của Ngôi nhà Sự sống. “Ngay cả nếu lòng sục từ phòng này qua phòng khác, các cậu cũng sẽ mất cả đời để tìm kiếm nó.”

“Chúng tớ không có cả đời đâu,” Rick lắm bầm. “Chúng tớ còn không có đến cả một buổi chiều.”

Maruk ngồi xồm xuống bãi cỏ.

“Thế đó. Vậy thì, tớ nghĩ đã đến lúc các cậu kể cho tớ nghe chi tiết xem các cậu là ai và đến từ đâu. Các cậu thấy sao?”

Julia núp sau bức tượng người thiếu phụ vá lưới và quan sát.



Một chiếc xe thể thao đen hầm hố vừa đỗ trong sân. Bên trong có một người đàn ông đeo kính râm. Khi người đàn ông mở cửa, ánh sáng bên

trong chiếc xe cho thấy một hình dáng béo lùn, chắc nịch, mặc bộ áo mưa dài nhàu nhĩ.

Người đàn ông xuống xe, chạy đến cửa vào Biệt thự Argo nhưng không gõ cửa.

Julia thấy ông ta rờ rẫm ổ khóa, như để kiểm tra xem cánh cửa có mở hay không, sau đó ông ta đi vòng quanh nhà và biến mất khỏi tầm mắt cô bé.

Đúng lúc đó một bàn tay tóm lấy Julia từ phía sau và nâng cô bé khỏi mặt đất.

“Đừng nói gì cả,” Nestor thì thầm rồi sau đó từ từ buông tay ra. “Có lẽ hẳn nghĩ rằng ta không có nhà.”

“Đó là ai ạ?”

“Suýt!”

Nestor đẩy cô bé vào góc tối, và dừng lại ở chân cầu thang. Một tia chớp lóe lên và người đàn ông trong bộ áo mưa xuất hiện sau cửa kính. Julia suýt nữa hét lên, nhưng lại một lần nữa, bàn tay Nestor ngăn tiếng hét của cô bé nghẹn lại trong cổ họng.

Người đàn ông lạ mặt áp sát mặt vào tấm cửa kính và nhìn vào bên trong.

“Hẳn không thể thấy gì đâu... Những tấm kính này là loại chống trộm,” Nestor thì thầm.

Người đàn ông hạ tay xuống tay nắm của cánh cửa kính và thử mở nó.

“Tất cả đều đã được khóa kỹ,” Nestor lầm bầm. “Hẳn không thể vào được đâu.”

Người đàn ông mặc áo mưa bắt đầu đi dọc đường biên ngoài cổng mái để thử các cánh cửa khác.

“Lối vào phòng bếp thì sao ạ?” Julia thì thầm.

“Cũng khóa rồi. Ta đã khóa tất cả. Hẳn không thể vào được đâu.”

“Cửa sổ căn phòng đá!” Julia thì thào. “Ông đã mở nó ra để xem còn mưa không.”

“Cháu ở yên đây,” Nestor ra lệnh cho cô bé, rồi biến mất trong bóng tối.

Julia ở yên một chỗ nghe tiếng bước chân của Nestor xa dần để đi kiểm tra cửa sổ của căn phòng đá.

Cô bé dõi theo người đàn ông lạ mặt đang thử lần lượt tất cả tay cầm của các cánh cửa.

Khóa. Khóa. Khóa.

Người đàn ông hướng chậm chậm đến cánh cửa cuối cùng. Cơn mưa làm xóa nhòa hình dáng và đường nét trên khuôn mặt của hắn, nhưng Julia chắc chắn đã nghe thấy tiếng bước chân của hắn trong tiếng cơn bão gào thét.

Hắn đến cánh cửa thứ tư và xoay tay cầm.

Julia trợn tròn mắt.

Cửa mở.

Không hề nghĩ tới việc mình đang làm, Julia nhảy ra khỏi chỗ ẩn náu.

“KHÔNG!” Cô bé hét lên, chạy lao về phía trước.

Người đàn ông lạ mặt sững người lại, ngơ ngác.

Hắn chỉ mở nửa cánh cửa kính, khiến những cơn gió ẩm ướt tràn vào nhà, và cúi xuống để nhìn vào bên trong.

“Ôi!” Hắn kêu lên.

Một tia sét rạch trắng cả bầu trời phía sau lưng hắn.

Julia chạy đến khung cửa và đóng sập nó trước mặt gã đàn ông.

Có tiếng thứ gì đó bị vỡ. Sau đó, gã đàn ông ngã ngửa ra phía sau, tay ôm mũi.

Julia khóa cửa và xoay chốt an toàn.

Lúc đó cô bé nghe thấy tiếng bước chân chạy đến từ phía sau và Nestor cất tiếng hỏi:

“Julia, đã xảy ra chuyện gì thế? Ôi không...”

Từ phía bên kia cửa kính, Manfred quỳ trên bãi cỏ ướt nhẹp. Gã khư khư ôm chiếc mũi đang chảy máu giữa những ngón tay và mò mẫm trên mặt đất, tìm kiếm cặp kính râm yêu thích.

“Mày đã làm vỡ mũi tao!” Hắn hét lên, cố gắng đứng dậy. “Tao sẽ bắt mày phải trả giá!”

Gã loạng choạng nện vào cánh cửa kính bằng tất cả trọng lượng cơ thể.
BỤP! BỤP!

Nestor và Julia lùi lại về phía cầu thang, nhưng tấm kính không vỡ.

“Tao sẽ phá tất cả! PHÁ TẤT CẢ!” Manfred gào lên dưới cơn mưa.

“Cháu yên tâm,” Nestor cố gắng trấn an cô bé. “Mọi chuyện sẽ ổn thôi. Những tấm kính đó là loại kính chống trộm. Hẳn sẽ không đập vỡ được chúng đâu.”

BỤP! BỤP! Âm thanh đó lặp lại.

“Tao sẽ khiến bọn mày phải trả giá!” Gã lại gào lên.

Ánh sáng của ngọn hải đăng quay quanh khu vườn. Julia lên tiếng hỏi:

“Ông Nestor, gã đàn ông này là ai? Và hẳn muốn gì?”

Người làm vườn cau mày.

“Gã muốn vào đây,” ông lão trả lời.

Chương 13. Bên ngoài

Ba đưa trẻ đi qua khu vườn và quay lại con đường với những bức tượng nhân sư đặt hai bên. Rick và Jason kể lại cho Maruk nghe làm thế nào mà bọn chúng đến được xứ Punt, đồng thời bắt cô bé thề không được kể chuyện này cho bất cứ ai. Chúng kể cho Maruk về Julia và việc cô bé đã biến mất ở phía bên kia Cánh cửa Thời gian như thế nào. Chúng cũng kể lại những gì chúng biết về vị chủ nhân cũ. Jason còn tiết lộ rằng cậu vẫn ngờ ông ấy vẫn còn sống, và hiện đang ở đâu đó, có thể ở Kilmore Cove, hoặc bị cầm tù tại một nơi nào đó mà chẳng ai biết được.

Maruk kinh ngạc đến nỗi không thể thốt ra một từ nào. Ngay từ đầu cô bé đã nghi ngờ Jason và Rick đang giấu cô chuyện gì đó, nhưng câu chuyện này thực sự vượt xa trí tưởng tượng của cô bé. Nhưng không hiểu lý do vì sao, hai cậu bé khôi hài này khiến cô cảm thấy tin tưởng...

Bọn trẻ dừng lại tại cầu thang đi xuống nhà kho của Nhà khách để quyết định xem chúng cần phải làm gì.

Một bên là cầu thang sẽ đưa bọn trẻ trở lại chỗ Julia, bên kia là lối ra khỏi những bức tường thành, đi về phía thành phố bên ngoài. Về phía Cửa Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên.

“Nếu các cậu muốn đi tìm tấm bản đồ thì tớ không thể đi cùng các cậu được,” Maruk nói. “Tớ không được phép rời khỏi khu vườn của Ngôi nhà Sự sống.”

“Thật là ngớ ngẩn,” Rick lầm bầm.

Và vì Jason không có vẻ sẽ đáp lại, cậu lớn tiếng nhắc lại:

“NGỚ NGÃN.”

“Có thể như thế là ngớ ngẩn,” lúc này Jason mới đáp lại. “Nhưng Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên là manh mối duy nhất chúng ta có. Và chúng ta biết rằng cần phải nhanh lên!”

Rick lắc đầu, nghi ngờ.

Có vẻ như mọi việc rất khó khăn... Sau tất cả, bọn chúng chỉ có duy nhất một manh mối, một dòng chữ *Tái bút: Tôi thích cất giữ tấm bản đồ trong Căn phòng không tồn tại.*

Hơn nữa điều này còn có chút gì đó kỳ lạ, so với những dòng chữ được viết cùng kiểu chữ cái mà chúng đã tìm được trước đó: câu viết này không có vần, chẳng có vẻ gì như một bài thơ. Nó nhạt nhẽo và vô vị. Đúng thế đó.

Nhưng không vì thế mà nó trở nên kém phần bí ẩn.

Chính Maruk là người đập tan vẻ do dự của bọn chúng.

“Nghe này, chúng ta có thể làm thế này: tớ sẽ ở lại đây, trước kho của Nhà Khách để đợi Julia, trong trường hợp cậu ấy đến khi các cậu ở ngoài

đó. Các cậu chỉ việc gợi ý cho tớ nói điều gì đó để cậu ấy hiểu rằng tớ thực sự ở phe các cậu.”

Đó có thể là một giải pháp. Không có sức thuyết phục, không hoàn chỉnh, nhưng dù sao vẫn là một giải pháp.

“Được rồi,” sau một lúc, Jason lên tiếng. “Chúng ta có thể làm như thế. Nếu Julia trở lại, chị ấy sẽ đến từ đúng căn phòng mà chúng ta đã gặp nhau.”

Maruk mỉm cười.

“Điều đó thì tớ hiểu rồi.”

“Cậu có thể nói với Julia rằng... rằng Rick và em trai chị ấy đã đi thực hiện một nhiệm vụ. Cậu có thể bảo chị ấy không phải lo lắng đâu, chúng tớ vẫn ổn.”

“Và rằng các cậu đã rất lo lắng cho cậu ấy.”

“Đúng thế,” Jason nhắc lại. “Hãy bảo chị ấy rằng chúng tớ đã lo lắng cho chị ấy. Và rằng trong mọi trường hợp chị ấy không nên chạy nhanh như thế mỗi lần tớ bảo chị ấy làm vậy.”

Jason vỗ nhẹ vào vai cô bé người Ai Cập.

“Cảm ơn Maruk. Cậu đúng là bạn tốt.”

Trước khi đi khỏi, Rick nói thêm:

“À này, Julia nhìn y chang Jason. Rất dễ nhận ra cậu ấy, bọn họ là chị em sinh đôi mà. Chỉ có điều cậu ấy,” cậu bé giữ lại trong cổ từ *dễ thương*. “cao hơn.”

Không nói một lời nào, hai đứa trẻ chìa ra hai con bọ cánh cứng là thẻ thông hành cho những người lính canh, đi ra khỏi Ngôi nhà Sự sống và quay lại thành phố Punt. Những con đường đằng sau các bức tường thành bị xâm chiếm theo đúng nghĩa đen bởi những quầy hàng đầy ắp các loại hàng hóa. Có tất cả mọi thứ: đủ loại động vật đang kêu be be, đang rống lên, cào xới và kêu ăng ẳng trong những chiếc lồng bằng liễu gai. Rồi những bức tượng và bát đĩa bằng thạch cao, những chiếc nón sơn tủa ra mùi hương ngọt ngào, đám bình chứa đầy dầu thầu dầu, những ván bánh mì giòn, những giỏ chà là và vả, những chiếc thảm đan bằng lau sậy, áo

choàng không tay bằng len và vải lanh, những người phụ nữ đang bày ra đủ các món đồ trang sức bằng đá quý để bán cho đám người giàu có hay lui tới khu chợ.

Jason băng qua giữa đám đông hỗn loạn đó mà không hề liếc mắt, trong khi đằng sau cậu, Rick dừng lại quan sát tất cả và bị những người bán hàng dè chừng. Cậu nhìn đâu cũng thấy cơ man là người, màu sắc, tiếng hét, lều bạt, tiếng gọi nhau, kêu la, huyên náo om sòm.

Và có quá ít thời gian để quan sát tất cả mọi thứ.

Bỗng Jason dừng lại khi đến một đoạn mở rộng của khu chợ. Trước mặt cậu là một người khổng lồ, da đen bóng như gỗ mun đang trông coi bốn người nối với nhau bằng một sợi xích ngòi buồn bã dưới đất.

“Ôi không!” Rick rên rỉ, nhớ lại những gì cậu bé đã được đọc trong cuốn nhật ký. “Chúng ta đang ở chợ nô lệ!”

Thực vậy, xung quanh đoạn đường mở rộng là những gian hàng nhỏ giống nhau, hàng hoá trong các cuộc mua bán là những con người bằng xương bằng thịt.

Đi quá lên một chút, con đường chuyển thành một con hẻm nhỏ bị tắc nghẽn bởi những quầy hàng đủ màu sắc sặc sỡ, giữa hai tòa nhà xiêu vẹo.

“Rick ơi,” Jason đột nhiên kêu lên. “Cửa hàng... Liệu kia có phải là nó không?”

Cậu bé chỉ một tòa nhà hình vuông, trông như được xây dựng từ gạch tái chế của Ngôi nhà Sự sống. Trên bức tường ngoài là những chữ tượng hình về biển, về bầu trời và về cuộc hành trình ban đêm của mặt trời.

Một bia đá trên mảnh đất trước lối vào ghi:

TIỆM NHỮNG TẤM BẢN ĐỒ BỊ LÃNG QUÊN

Những cơ hội độc nhất vô nhị để tìm lại đường đi.

“Tớ nghĩ là nó đấy,” Rick trả lời.

“Vậy chúng ta thử vào trong xem.”

Jason và Rick bước bốn bậc một xuống cầu thang dẫn đến lối vào và vén tấm rèm cửa lên. Mùi trầm hương và các loại hương thơm khác đang cháy rùng rục trong một lò than xông bốc ra. Trên trần nhà của căn

phòng, có treo hàng chuỗi dây xích mạ bạc, trên đó lủng lẳng hàng trăm tấm bản đồ. Một chiếc bàn thấp lớn phủ những tấm giấy cói vẽ hình bờ biển, thành phố, sông ngòi, cảng và rừng cây với những cái tên kỳ lạ và huyền bí.

Bọn trẻ ngập ngừng tiến vào giữa những tấm bản đồ tưởng tượng, được vẽ bởi những nhà du hành phương Đông điên rồ, và những bản nhỏ bằng gỗ sơn trắng mà trên đó những người hay mơ mộng khác đã đánh dấu những chặng đường trong các chuyến du hành của mình. Bọn chúng lướt qua những tấm bản đồ chi tiết về thành phố Babel, nơi sử dụng tất cả những ngôn ngữ trên thế giới, và bọn chúng cũng thấy thành phố Ur, thành phố cổ xưa nhất của con người, được hình thành như thế nào. Ở một bên tường có treo một tấm bản đồ với những bức tường thành đen của một thành phố bị nguyên rủa, được những người có sừng ở giữa trán xây dựng lên. Trên một bức tường khác là những tấm bản đồ về một đất nước được xây trên bầu trời, chỉ có thể đến được đó vào mùa đông, khi cơn mưa bị đóng băng và tạo thành một cây cầu cực kỳ mỏng manh nối liền những ngọn núi cao ngất và những đám mây. Con sông Nil, ngoằn ngoèo và vô tận, có mặt ở phần lớn những bản đồ về sông ngòi, các chỉ dẫn trên đó được viết kiểu bình dân hay với những chữ cái tượng hình mạ vàng thanh lịch. Một vài tấm bản đồ được viết bằng bảng chữ cái của người Phoenicia, những thương gia lớn từ phương Bắc, các tấm khác thì được viết bằng những ngôn ngữ xa lạ. Trong cửa hàng, dường như tất cả mọi thứ hòa lẫn vào nhau, khiến những thế giới cách xa vô cùng được xích lại gần nhau.

Ngay khi tấm rèm che lối vào đóng lại sau lưng bọn trẻ, những âm thanh từ khu chợ bị thế chỗ bởi những tiếng nói tưởng tượng đến từ những tấm bản đồ. Hai đứa trẻ lập tức cảm thấy bị thu hút bởi những địa danh, những cái tên và câu chuyện bất tận ẩn giấu trong nét mực. Không có bất cứ hành lang nào của Ngôi nhà Sự sống vĩ đại mang một không khí bí ẩn mạnh mẽ như thế này.

Đi sâu vào trong cửa hàng, Jason lướt qua lớp vải thô ráp của một tấm bản đồ mô phỏng hàng trăm căn phòng của một cung điện, được nối với

nhau bằng cầu thang và hành lang. Rick thì bị cuốn hút bởi một tấm bản đồ vẽ trên mặt bàn gỗ, mô tả những hành trình và bến tàu biển.

Hai đứa trẻ giật mình hoảng sợ khi một giọng nói khàn và mạnh mẽ cắt ngang một cách cộc cằn.

“Này! Các cậu bé, các cậu đến đây chỉ để ngắm nghía và sờ mó, hay là muốn mua một trong những tấm bản đồ của ta?”

Jason lập tức quay về hướng phát ra tiếng nói, và trong góc cạnh lối vào, cậu nhìn thấy một ông già với ánh mắt trắng đục và mái tóc thưa thớt, đang ngồi lọt thỏm trên một chiếc ngai đầy gổ.

Ông ta ngâm chân trong một cái bát lớn đầy nước đang bốc hơi nghi ngút, bên cạnh là một bức tượng cá sấu được buộc vào chiếc ghế bằng một sợi dây chắc chắn.

“Buổi sáng tốt lành, thưa ông!” Jason lấp bắp, tiến thêm một bước về phía ông già.

Nhưng ngay khi cậu bé chuẩn bị bước thêm bước nữa, thứ mà cậu bé nghĩ là một bức tượng cá sấu chậm chậm mở mắt. Nó có hai con người khổng lồ màu vàng, chẻ đôi bởi móng mắt thẳng đứng, đen tối. Jason sửng người, trong khi ở phía sau cậu bé, Rick cất giọng run rẩy:

“Thứ đó còn sống sao ạ?”

Ông già cười khẩy với giọng khàn khàn.

“Ha ha...” Ông ta vừa cười vừa đặt tay lên mõm con cá sấu, bàn tay to đùng, béo đến mức thịt của các ngón tay nuốt chửng những chiếc nhẫn. “Cậu ta hỏi xem mày còn sống không đó, Talos.”

Talos, như để nhấn mạnh sự vô lý của câu nói, ngay lập tức mở rộng miệng, để lộ ra ba hàng răng sắc nhọn.

Jason và Rick sợ hãi lùi lại.

Con cá sấu đóng hàm lại, tạo ra âm thanh của một chiếc bẫy bị sập còn chủ nhân của nó động đậy chân trong chậu nước.

“VẬY, các cậu... hãy cho ta biết hai người ngoại quốc như các cậu làm gì trong một cửa hàng như của ta vậy?”

Thấy hai cậu bé do dự, ông nói thêm:

“Chỉ cần nhìn chớp mũi là đủ để biết các cậu là người nước ngoài và có thể đã lạc đường. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó thì các cậu đã đến đúng chỗ rồi đấy...”

Jason hít thật sâu, sau đó quyết định trả lời:

“Thực ra ông nhầm rồi ạ. Chúng cháu hoàn toàn không phải người nước ngoài và cũng không bị lạc đường. Chúng cháu đến từ Punt... và đang tìm kiếm một thứ rất đặc biệt. Phải vậy không?” Cậu vừa nói thêm vừa quay sang phía Rick.

“Chính xác. Ừm... Chúng cháu đang tìm một... tấm bản đồ.”

“Một tấm bản đồ! Ha ha ha!” Ông già ho húng hắng và chỉnh lại tư thế trên chiếc ngai. “Hôm nay hẳn phải là một ngày may mắn của ta. Vậy, ta có thể hỏi... các cậu đang tìm loại bản đồ nào không?”

“Chúng cháu đang tìm tấm bản đồ Kilmore Cove.” Jason trả lời với vẻ cực kỳ nghiêm túc.

“Lạy tất cả các vị thần của Thượng và Hạ Ai Cập!” Ông già kêu lên, vỗ vỗ lên Talos bằng bàn tay múp míp. “Đây thực sự là ngày may mắn của ta. Có tới hai người hỏi ta về cùng một tấm bản đồ chỉ trong nửa ngày! Nó hẳn là một tấm bản đồ vô cùng quan trọng khi cả phụ nữ và trẻ em đều tìm kiếm.”

Jason và Rick bỏ qua lời châm chọc đó và hỏi:

“Ý ông là đã có ai đến hỏi tấm bản đồ đó rồi sao?”

“Ha ha! Chính thế!” Ông già nhắc một bàn chân khỏi cái chấu, kiểm tra với một sự chú tâm đáng kinh sợ rồi sau đó nhúng nó trở lại nước. “Người phụ nữ đó đến đây cùng với một người của ta... Đáng lẽ các cậu phải nhìn thấy cô ta: một nữ tu cuồng loạn, đã khiến cho Talos ngay lập tức bị kích động... Và các cậu nên biết là nó không chịu đựng được những con người vô cùng điên khùng.”

Jason và Rick nhìn nhau: là Oblivia Newton và cậu thanh niên người Ai Cập.

“Ông đã nói gì với cô ta ạ?”

“Những gì mà ta sẽ nói với các cậu. Rằng ta không sở hữu tấm bản đồ đó, và thành thực mà nói, ta tin là nó hoàn toàn không tồn tại. Nếu nó đã từng ở bên trong Bộ sưu tập, và có giá trị nào đó... thì một trong những người của ta đã báo cho ta biết rồi. Hoặc ít nhất đã sao chép cho ta một bản.”

“Cho dù ông thích ăn cắp những bản gốc hơn, đúng không ạ?” Jason bật thốt ra.

“Ha ha! Miệng lưỡi cậu sắc bén đó, cậu nhóc! Nhưng hãy chú ý: ai muốn cắt quá nhiều thì cuối cùng sẽ tự làm mình bị thương...”

Ngay khi ông già dứt lời, Talos quấy đuôi đằng sau chiếc ghế.

“Và... ‘ăn cắp’ là một từ xấu xí. Các cậu không nghĩ rằng đó là một sự lãng phí trí tuệ và sức lực khi để mục rửa tấm bản đồ nào đó trong Ngôi nhà Sự sống, khi mà nhiều người khác sẵn sàng trả số vàng bằng cân nặng của các cậu chỉ để sở hữu nó ư?”

“Ngôi nhà Sự sống mở cửa cho tất cả mọi người,” Rick đáp lại.

“Nhưng những tấm bản đồ thì không. Những tấm bản đồ được vẽ ra chỉ để cho ai biết đọc chúng. Mỗi người đều có tấm bản đồ của riêng mình. Mỗi người, cậu bé ạ, đều có con đường riêng của mình để tìm ra...”

Rick và Jason đợi một vài giây trước khi lặp lại lời yêu cầu.

Khuôn mặt ông lão bị che khuất một phần do bóng tối trong cửa hàng, một phần bởi những nếp nhăn xô nhau: chỉ có thể nhìn thấy miệng của ông, thường bật ra những tiếng cười kỳ cục đi kèm lời nói.

“Nhưng chúng cháu tin là tấm bản đồ đó tồn tại...” Jason nói.

“Ngay cả nữ tu cuồng loạn trước đó không lâu cũng nói như vậy với ta. Ha ha! Và ta đã bảo cô ta tự đi tìm nó, bằng cách hỏi những người Bảo vệ, hoặc tìm trong những Kho Lưu Trữ Bị Chôn Vùi, nơi lưu giữ những thứ vẫn chưa được phân loại, hoặc đã hết hạn thanh toán. Ta đã cử một người của ta đi cùng cô ta, dĩ nhiên là với điều kiện nữ tu cuồng loạn đó trả công cho dịch vụ trợ giúp...”

“Cháu không nghĩ là tấm bản đồ đó nằm trong Kho Lưu Trữ Bị Chôn Vùi, và những người Bảo Vệ sẽ không thể nói cho cô ta biết thêm điều gì

đâu.” Jason tuyên bố.

“Đó cũng là những điều ta đã nói với cô ta, cậu nhóc bẻm mép ạ, nhưng cô ta nổi điên lên và muốn trả công ai đó giúp cô ta tìm kiếm tấm bản đồ đến nỗi ta không thể không mời chào một lời đề nghị giúp đỡ nho nhỏ. Ha ha ha!”

“Chúng cháu biết chắc chắn là tấm bản đồ đó nằm trong Bộ sưu tập,” Rick xen vào. “Nhưng ai đó đã chuyển nó đi chỗ khác.”

“Ha! Ha! Và người đó đã để nó ở đâu?”

Jason và Rick nhìn nhau một hồi lâu. Sau đó, Jason gật đầu, thở dài và Rick nói:

“Nó đã được chuyển tới Căn phòng không tồn tại.”

Ông già ngừng cười ngay lập tức và có vẻ như sắp đứng dậy. Ông ta cúi đầu về phía trước, để lộ hoàn toàn khuôn mặt dưới ánh sáng.

“Cậu nói gì?”

Lần này Rick lặp lại với giọng hơi run rẩy.

“À!” ông già kết luận, nặng nhọc thả mình xuống lưng ghế. “Vậy thì đây lại là chuyện khác.”

“Tại sao vậy?”

“Các cậu còn nhỏ, quá nhỏ để bắt đầu cuộc tìm kiếm này,” ông già thốt lên với giọng kích động. “Hãy ra khỏi đây mau! Tìm những đứa tầm tuổi các cậu rồi rủ nhau ra hồ mà chơi ném thia lia. Hoặc lấy một bàn cờ mà chơi trò senet. Chơi súc sắc, cứ làm tất cả những gì các cậu muốn, nhưng hãy quên tấm bản đồ này đi! Và trên hết là quên Căn phòng không tồn tại đi!”

“Chúng cháu không thể. Nó rất quan trọng với chúng cháu.”

“Chỉ có một điều duy nhất quan trọng với các cậu thôi...” Lúc này ông già gầm lên, “đó là thời gian! Các cậu có thời gian! Và đừng lãng phí nó bằng việc theo đuổi một thứ không tồn tại! Đi! Đi khỏi đây! RA NGOÀI!”

Rút chân ra khỏi cái chậu, ông già giật mạnh đuôi Talos, con vật bò lồm cồm trên mặt sàn, lao về phía trước.

Rick không di chuyển một phân. Ngay cả khi cái chậu đổ ngang ra sàn nhà, Jason hét lên và con cá sấu - với ba mươi nghìn cái răng nhọn hoắt - lao vào cậu, Rick vẫn không di chuyển một phân. Trái lại, cậu còn nhận thấy con vật với lớp da rắn như bọc sắt đó di chuyển thật quá ư vụng về.

Và khi hàm răng của Talos tấp vào không khí cách mũi cậu bé một bàn tay, cậu vẫn đứng im như tượng.

Sau đó, cuộc tấn công kết thúc bất ngờ như khi nó bắt đầu.

Ông già hét một câu ra lệnh khô khốc và con vật lùi lại một cách tiếc nuối, bỏ lại chỗ máu mình dưới chân ông chủ.

Trong không khí vẫn còn lưu lại mùi chua chua ghê tởm bốc ra từ hơi thở của con vật.

Rick không hề nhúc nhích lấy một bước, và rất lâu sau này, khi tình cờ nghĩ lại khoảnh khắc đó, cậu cũng không thể giải thích được chính xác điều gì đã xảy ra với mình lúc đó. Có lẽ cậu thực sự tin rằng mình có thể bị một con cá sấu, nuôi trong phòng khách và bị buộc vào chiếc ghế của tên trộm già bằng một sợi dây, nuốt chửng. Hoặc cậu sợ hãi đến nỗi đã lựa chọn một cách vô thức con đường nhanh nhất để thoát khỏi chuyện này: bị nuốt gọn bởi một miếng ngoạm và kết thúc sự đau đớn.

Chuyện là ngay khi Talos bình tĩnh lại, ông già loạng choạng tiến lại gần cậu bé tóc đỏ. Trên gương mặt nhăn nheo của ông hiện rõ vẻ ngạc nhiên, khâm phục thực sự.

“Lạy những vị thần của Thượng và Hạ Ai Cập!” Ông kêu lên, chậm chậm di chuyển trên đôi chân tật nguyền cho đến khi chạm nhẹ vào khuôn mặt bình thản của Rick.

“Ta thề trước mẹ ta đang được thần Anubi và những vị thần dưới địa ngục phù hộ, rằng ta chưa từng thấy một điều gì tương tự như vậy. Cậu là ai? Một anh hùng hay một kẻ điên?”

Con mắt bên phải của Rick khép lại rồi mở ra. Tấm áo giáp bóng loáng đen rờ đã khiến cậu không thể thực hiện bất cứ cử động nào giờ bắt đầu từ từ vỡ vụn và nhận thức về thực tại mà cậu đã trốn tránh trước đó từ từ trở lại trong tâm trí.

Ở đằng sau cậu, Jason ló đầu ra khỏi những tấm bản đồ cổ chất đống dưới bàn. Nhìn thấy Rick vẫn bình an vô sự, cậu bé phúi qua quần áo rồi đến bên cạnh bạn mình.

Ông già cũng nhìn cậu bé với ánh mắt khâm phục.

“‘Lưỡi Sắc’ và ‘Tim Đá’,” ông nói. “Ta chưa từng thấy điều gì tương tự! Ha! Giỏi lắm! Ta thích các cậu rồi đấy!”

Dứt lời, ông già quay lại ngồi thọt lôm trên chiếc ngai của mình, lấy chân khều lại chiếc chậu đã cạn rọt.

Jason nhận thấy Rick sắp sửa ngã quy xuống, cậu nhanh chóng chạy đến đỡ, kéo cho cậu bạn một chiếc ghế đầu để ngồi.

Sau đó cậu cũng lấy một chiếc ghế cho mình và nhìn chăm chăm vào khuôn mặt ẩn trong bóng tối của người chủ cửa hàng.

“VẬY THÌ,” cậu thì thầm, “bây giờ chúng ta có thể tiếp tục cuộc nói chuyện chứ ạ?”

“Lưỡi Sắc và Tim Đá...” Ông già lầm bầm, vừa nói vừa xoa đầu con cá sấu. “Chưa ai dám làm như vậy trước Talos! Có vẻ như ta đã đánh giá sai các cậu. Các cậu nghĩ sao về việc hợp tác với ta? Đúng lúc ta đang cần thay thế một số người.”

Jason quyết định thử tận dụng đến cùng chút tín nhiệm mà bọn chúng vừa tạo ra được, buông ra một câu với giọng điệu kẻ cả:

“Chúng cháu không có hứng thú, thưa ông. Chúng cháu đến đây vì muốn biết làm thế nào để tìm thấy Căn phòng không tồn tại.”

“Ha! Căn phòng đó là nỗi ám ảnh của ta đó, Lưỡi Sắc! Mỗi lần ta nghe nói về nó... ta như thể lại ngửi thấy mùi lửa và nhìn thấy những ngọn lửa, cao, rất cao, thiêu thành tro hàng năm trời lao động, ý tưởng, ý tưởng, ý tưởng...” Ông ta lặp lại những từ cuối cùng với giọng càng lúc càng nhỏ.

“Ông đang nói về trận hỏa hoạn nào vậy? Trận hỏa hoạn ở Bộ sưu tập vài năm trước ư?”

Trên gương mặt của người đàn ông lớn tuổi bỗng chốc lóe lên một tia sáng.

“Cậu Lưỡi Sắc đây đã biết câu chuyện đó rồi sao?”

“Có thể chỉ một phần thôi,” Jason trả lời. Sau đó cậu siết chặt tay Rick, để tiếp thêm sức mạnh cho người bạn của mình, và để ngẫm nói rằng nếu cậu bạn muốn ngắt đi vì sợ, thì cũng phải đợi thêm vài phút nữa.

“Hừ! Hừ! ÁÁÁ!” Oblivia Newton rú lên khi đôi giày cao của cô ta bị gãy gót.

“Chào mừng cô đến với Kho Lưu Trữ Bị Chôn Vùi, cậu thanh niên Ai Cập đứng bên cạnh cô ta mỉm cười. Cậu đợi cho người phụ nữ rắc rối này ngừng la hét và cởi cả hai chiếc giày ra, sau đó thưởng cho cô ta một điệu cười khiến cô ta phát điên lên.

Oblivia ném đôi giày ra xa và quan sát xung quanh với đôi mắt ngửa ngáy vì bụi.

Đó là một không gian rộng lớn dưới lòng đất, một đường hầm được đào trong núi đá, chiếu sáng tù mù nhờ những chiếc đèn dầu tỏa ra ánh sáng màu hổ phách mà cậu thanh niên vừa đi vừa thắp lên. Cát sa mạc lọt vào đây từ những bức tường và trên trần, chất thành đống trên những đồ vật chông chất bừa bộn trên sàn đá.

“Thật kinh tởm!” Oblivia bình luận trong lúc cố giữ thăng bằng trên các đầu ngón chân, quá ghê sợ khi phải đặt cả bàn chân xuống đất. “Phải làm thế nào để định hướng ở trong này đây?”

“Cô đưa ra câu hỏi,” cậu thanh niên nói, “và với mỗi yêu cầu...”

Oblivia ra dấu cho cậu ta bằng tay.

“Ta biết, ta biết. Ta phải trả tiền cho mỗi yêu cầu.”

May cho Oblivia vì cô ta biết thế giới hoạt động như thế nào và đã xuất phát từ Kilmore Cove với một đống bật lửa loại thường, mà trước đó cô ta đã bán đi với giá đắt như vàng tại chợ Punt. Một nhà buôn sau khi nhìn thấy những chiếc bật lửa hoạt động như thế nào đã đưa cho cô ta một núi deben, đồng tiền địa phương, tin chắc rằng mình đã thực hiện được vụ mua bán của năm. Và bây giờ những đồng deben đó đang mua cho cô ta các dịch vụ của những con người biến chất tại Xứ Punt.

Trong khi bước đi thật chăm chú đằng sau người dẫn đường của mình, Oblivia nghĩ tới mẫu nển mà cô ta tìm thấy trong hốc tường. Càng nhìn nó, cô ta càng tin rằng có ai đó đã đi trước một bước. Ai đó đã mang theo mình

một cây nến thời hiện đại sản xuất tại Trung Quốc. Nhưng đó là ai? Và khi nào?

“Chúng ta đến nơi rồi, cậu thanh niên thăm thì, kéo cô ta ra khỏi suy nghĩ. Đây là người đàn ông của chúng ta.”

Oblivia nhướn một bên lông mày.

“Người đàn ông?” Cô ta hỏi.

Cậu thanh niên thì thầm vào tai cô ta rằng đây không phải lúc chỉ trích bề ngoài, bởi vì ông ta đã sinh ra và lớn lên dưới đó.

“Và thêm nữa,” cậu ta hứng thú nói thêm, “ông ta rất kiêu căng.”

Oblivia gật đầu. Có thể con người đứng trước cô ta kia chưa bao giờ soi gương trong suốt cuộc đời mình. Nếu không thì ông ta đã nhận thức được cơ thể mềm oặt và biến dạng của mình, cái đầu hình quả lê và đôi mắt lơ lơ có màu sữa ôi.

Việc giới thiệu diễn ra rất chóng vánh. Người đàn ông sống dưới lòng đất ngửi cô ta, đúng hơn là nhìn, và khi Oblivia đưa tay ra, thay vì nắm lấy, ông ta chăm chú xem xét nó như thể đó là một khoáng vật có giá trị. Oblivia cố gắng kiềm chế vẻ ghê tởm và tự thuyết phục mình rằng, nhờ vào sinh vật yếu ớt này, cô ta sẽ có thể tìm thấy thứ gì đó hữu ích.

“Rrrròì,” người đàn ông chuột chũi thì thào, buông tay cô ta ra. “Chính xxxác thì các vị đang tìm gì?”

Bọn họ giải thích cho người đàn ông mọi chuyện, nhấn mạnh cái tên Kilmore Cove.

Người đàn ông yên lặng một hồi lâu, lúc lắc cái đầu.

Cậu thanh niên ra hiệu cho Oblivia biết rằng đã đến lúc phải rút tiền ra. Đôi bàn tay của ông ta chộp vội những đồng tiền nhanh như con rắn thè lưỡi đớp mồi rồi nhét chúng vào trong túi.

“Ông ta làm gì được với chúng ở dưới này cơ chứ?” Oblivia nghĩ, nhưng quyết định không đào sâu vấn đề.

“Có thể có thứ gì đó cho các vị đấy.” Người đàn ông chuột chũi thì thào, dẫn họ đi giữa những đồ vật chất đống trong Kho Lưu Trữ Bị Chôn Vùi.

Bọn họ đi qua những bức tượng bị mất đầu và đám đồ gỗ cũ kỹ xiêu vẹo, những hộp đá chứa đầy các cuộn giấy da và những chiếc chum từ đó phát ra tiếng chạy láo nháo điên cuồng của lũ chuột.

“Các người cứ bảo dưới đây không có chuột đi,” Oblivia Newton lầm bầm, bất chợt nhận ra đôi chân trần của mình.

“Ccccó chỗ này, hẳn phải được trời phú cho thính giác tuyệt vời,” người đàn ông chuột chũi trả lời cô ta. “Ccccó rất nhiều chuột, vô cùng nhiều chuột... Lối này, các vị đi theo tôi. Những con chuột to lớn bậc nhất.”

Người dẫn đường trẻ tuổi lại tỏ vẻ nhạo báng, nhưng Oblivia vờ như không thấy. Cô ta đi đằng sau hai người kia, nhợt nhạt như một xác chết, chỉ chú tâm đến mục đích của mình.

Sau đó Oblivia chợt nghĩ đến Manfred. Tại sao cô ta lại không mang hẳn đi cùng kia chứ? Manfred là một tay bắt chuột xuất sắc. Cô ta nắm lấy mẫu nển trong túi và bất chợt khựng lại: chỉ ít phút trước khi xuất phát, Manfred nói rằng hẳn đã nhìn thấy ánh sáng chói lòa ở vách Salton Cliff, dưới Biệt thự Argo. Và tấm bản đồ Kilmore Cove đã biến mất khỏi cái hộc mà lẽ ra nó phải ở đó.

Có lẽ nào...?

Chương 14. Người Tìm Kiếm

Gõ chân vào chiếc chậu gần như trống không tạo ra tiếng kêu xủng xẻng, ông già bắt đầu kể:

“Trước đây, ta từng là một trong những người Bảo vệ được tín nhiệm nhất... và tất cả những học giả vĩ đại nhất đã đến tìm ta, chỉ ta thôi... để

tìm những bản viết cổ xưa nhất, những tấm bản đồ ở nơi chốn xa xôi nhất, và để khám phá ra bí mật của thế giới những vì tinh tú... Cho đến một ngày nọ, một người đàn ông xuất hiện trước mặt ta... Ha! Ta còn nhớ người đó rất rõ, làm sao mà ta quên được chứ! Ông ta đã nghiên cứu Bản viết trên giấy cói về sự thành lập của thành phố Punt được một thời gian, bản tường thuật về những con người đầu tiên đặt chân đến đây bằng đường biển, và với sự giúp đỡ của thần linh, họ đã xây dựng lên Ngôi nhà Sự sống. Ha, đúng vậy, cậu bé, Ngôi nhà Sự sống là tòa nhà lâu đời nhất của Punt, lâu đời hơn cả chính những hạt cát được đưa đến đây bởi lòng đổ kỵ của những cơn gió nhiều năm sau đó, khi những Người Sáng Lập đã ra đi... Ha! Ra đi! Nhưng trên Bản viết về Thời lập quốc...”

“Trên đó viết gì ạ?”

“Có một lỗi sai. Bản viết chứa danh sách những căn phòng của Ngôi nhà và từ danh sách đó thấy được có một phòng bị thừa ra. Một nơi mà không người Bảo vệ nào khám phá ra. Một căn phòng mà dường như cả những Bậc thầy Thư lại cũng không hay biết về sự tồn tại của nó. Bằng cách tra cứu những danh sách cổ, ta đã đi đến một kết luận rằng Bản viết hẳn đã sai sót, và ta đã thông báo điều này cho vị học giả. Nhưng người đó không tin. Ông ta nói căn phòng đó chắc chắn có thật và sự tồn tại của nó hẳn đã bị che giấu bởi một điều bí ẩn có khả năng bảo vệ nó. Nhưng điều bí ẩn ư? Ha! Không có. Chẳng có bí ẩn nào cả. Các cậu hiểu không? Không có bí ẩn, bởi vì không có căn phòng nào cả. Đó chỉ là một sai sót trên Bản viết về Thời lập quốc thôi. Đó là Căn phòng không tồn tại.” Ông già trầm ngâm gãi mũi. “Ha! Ta đã tưởng rằng học giả đó nói đùa và rất nhiều ngày sau đó ta thực sự đã lãng quên ông ta. Nhưng người đó trở lại và... nói cho ta rằng đã tìm thấy căn phòng. Người đó nói đã giải mã được điều bí ẩn bảo vệ căn phòng. Ta đã hỏi ông ta ‘Điều bí ẩn gì vậy?’ Ha! Nó ở trên miệng và dưới mắt của tất cả mọi người! Ha! Người đó nói với ta như vậy đấy. Các cậu biết vì sao không? Để thách thức ta! Vì ta là người Bảo vệ giỏi nhất.” Ông già sai rộng cánh tay. “Và để tìm kiếm căn phòng đó, ta đã biến thành một ông già ốm yếu sống cùng với con cá sấu của mình như thế này đây.”

“Nhưng làm thế nào mà người đàn ông đó khiến ông tin rằng ông ta đã tìm thấy Căn phòng không tồn tại?” Jason hỏi.

“Ha ha! Người đó đã nói với ta rằng: ‘Khi người tìm thấy căn phòng và bước vào đó, người sẽ thấy bên trong một biểu tượng ba con rùa. Khi đó người sẽ hiểu rằng ta đã nói với người sự thật.’”

“Ba con rùa sao?” Jason hỏi, nhớ lại biểu tượng tương tự cậu tìm thấy trên thanh dầm cánh cửa mà bọn chúng đã đi qua khi ra khỏi cái hang của Biệt thự Argo.

“Cậu biết nó sao, Lưỡi Sắc? Cậu đã nhìn thấy nó rồi sao?”

“Chỉ một lần thôi ạ,” Jason thừa nhận.

“Vậy là cậu may mắn hơn ta rồi đấy, bởi ta vẫn chưa tìm ra nó. Mặc dù ta đã tìm kiếm hàng tháng, hàng năm trời, lơ là công việc của một người Bảo vệ và việc đó đã khiến ta bị đồng nghiệp ghét bỏ... Ta đã tìm kiếm căn phòng chỉ để chứng minh cho người đó... cái gì chứ? Rằng ta cũng giỏi như ông ta? Rằng ta là người tìm kiếm giỏi nhất thế gian? Lúc này ta cũng không biết trả lời các cậu như thế nào nữa, nhưng lúc đó thời gian của ta bị đốt cháy vội vã, bị nuốt trọn bởi cơn giận dữ từ những thất bại của ta, trong khi ngày đêm ta đi khắp những hành lang vô tận của Ngôi nhà, cho đến lúc phác thảo được mọi lối đi và hành lang bí mật của nó, cho đến lúc biết rõ mọi chỗ trú ẩn và mọi cánh cửa.

Ông già dường như đắm chìm trong hồi tưởng, đều giọng kể lại:

“Và nhờ vào những năm tháng điều tra đó, giờ ta hiểu rõ Ngôi nhà Sự sống như trong túi áo của mình vậy. Nhưng giờ đôi chân ta đã sưng lên và mắt cá chân của ta rên lên vì đau đớn mỗi lần đi bộ, ta không thiết đến những bí mật đó nữa. Ha ha! Nhưng ta có thể cử người vào trong đó mỗi lần ta muốn... Ta có thể cử họ đến bất cứ đâu, tới mọi hành lang, qua hàng trăm lối đi... Thứ duy nhất ta có thể đảm bảo với các cậu là không có Căn phòng không tồn tại nào trên đời hết!”

“Còn đám cháy thì sao ạ? Nó có liên quan gì đến câu chuyện không?” Jason hỏi.

Ông chủ cửa hàng quay đầu chậm chậm, như thể câu hỏi đó bất chợt khiến ông nhớ ra tất cả những gánh nặng tuổi tác của mình.

“Lần cuối cùng ta vào bên trong Bộ sưu tập với tư cách một người Bảo vệ, ta nghĩ mình đã tìm ra điều bí ẩn. Nó ở trên miệng của tất cả mọi người, người đó đã nói như thế... Ta đã tìm thấy một thứ ở trên miệng của tất cả mọi người, và không hiểu sao ta đã nghĩ đó chính là thứ mà người đó đã khám phá ra. Vậy là ta vội vã đi vào Ngôi nhà Sự sống, nơi mà ta đã ngây thơ đến tội nghiệp nghĩ mình tìm ra được lời giải đáp... Ồ, đúng vậy, ha!” Ông già kêu lên, lắc tay vịn của chiếc ngai đang ngồi một cách giận dữ. “Ta đã nghĩ mình biết phải làm gì! Ta đã chắc chắn mình sẽ tiến thêm một bước đến với đáp án!”

Giọng điệu ông ta bỗng chốc trở nên buồn rầu.

“Ta đã ngủ trong Ngôi nhà Sự sống và chờ bình minh lên. Lúc đó ta đã di chuyển những chiếc gương. Những chiếc gương đón lấy ánh sáng mặt trời và đã đốt cháy những tờ giấy cói. Và thế là hỏa hoạn bùng lên. Đúng vậy. Là lỗi của chính ta và cuộc tìm kiếm của ta! Ngay khi những tờ giấy cói đầu tiên bắt lửa, một cơn gió độc ác đã tiếp thêm sức mạnh cho ngọn lửa, làm đám cháy lan rộng từ hốc tường này sang hốc tường khác, từ tờ giấy này sang tờ giấy khác, từ chiếc bàn gỗ này sang chiếc bàn gỗ khác. Nói ngắn gọn, toàn bộ một khu của Bộ Sưu tập bốc cháy. BỐC CHÁY!” Ông già tiếp tục thảm thì. “Ta bị buộc rời khỏi Ngôi nhà Sự sống mãi mãi, và thế là ta ẩn náu tại đây, tạo ra bộ sưu tập những bí ẩn của riêng ta. Một bộ sưu tập những giấc mơ tan vỡ, để phân phát cho những kẻ mơ mộng điên khùng như ta...”

Khi nói những lời cuối cùng một tia sáng lấp lánh của sự sống trở lại đôi mắt ông già.

“... Với điều kiện là họ sẵn sàng thanh toán cho công cuộc tìm kiếm của mình.”

Tiếp đó là một khoảng lặng kéo dài.

“Điều bí ẩn đó... là gì ạ?” Rick cất tiếng hỏi. Cậu đã lấy lại được sắc mặt bình thường và rõ ràng là trông có sức sống hơn lúc trước.

“Ha! Ha!” Ngồi trên chiếc ngai, ông già rên rỉ. “Tim Đá nghe nhưng không hiểu... Không có bí ẩn nào cả. Và không có bất cứ Căn phòng không tồn tại nào cả!”

“Nhưng ông đã nói rằng người đó đã tìm thấy nó...”

“ÔNG TA KHÔNG TÌM THẤY BẤT KỲ CĂN PHÒNG NÀO CẢ, BỞI VÌ CĂN PHÒNG ĐÓ KHÔNG TỒN TẠI!” Ông già hét lên, làm rung sợi dây của Talos.

“Nhưng người đó nói rằng căn phòng được bảo vệ bởi một điều bí ẩn, rằng nó ở trên miệng của tất cả mọi người...” Rick khẳng định. “Và ông nghĩ rằng chính ông đã tìm ra nó. Vậy điều bí ẩn đó là gì?”

“Có thể cậu quá ngốc nghếch để có thể hiểu điều này, cậu bé: không có bất cứ bí ẩn nào cả!”

Jason đứng dậy khỏi chiếc ghế đầu.

“Nếu vậy, chúng cháu đang làm ông mất thời gian rồi. Cảm ơn ông vì câu chuyện. Chúng cháu sẽ tìm đọc Bản viết về Thời lập quốc.”

Ông già cười phá lên.

“Bằng cách nào chứ? Bản viết đó đã bị cháy rụi do vụ hỏa hoạn, cùng tất cả những thứ liên quan đến Căn phòng không tồn tại...”

“Vậy thì chúng cháu sẽ đi tìm ở nơi khác,” Jason đáp.

“... ngoại trừ một thứ,” người chủ cửa hàng ranh mãnh nói thêm.

Sau đó ông ta bắt đầu chậm chậm gãi đầu Talos.



Trong khu vườn của Biệt thự Argo, Manfred đang giận dữ la hét và đe dọa.

Julia bịt tai lại.

“Tại sao hấn lại la hét thế? Chúng ta đã làm gì hấn sao? Người đàn ông này là ai hả ông Nestor?”

Manfred chạy như một kẻ điên xung quanh căn nhà, tìm mọi cách để vào bên trong. Hấn đá vào cánh cửa phòng bếp, vào cánh cửa chính, vào cửa kính ở sân hiên. Tất cả đều đóng kín.

Hấn càng đá, ông Nestor càng bưng bưng lửa giận. Nhưng ông lão làm vườn biết rõ, nếu đối mặt với kẻ cục súc đó thì ông chắc chắn sẽ thua.

Julia và ông Nestor đành chấp nhận ở yên trong căn nhà như hai người bị vây hãm, trong khi Manfred trút cơn giận dữ lên những cánh cửa của Biệt thự Argo.

Mọi việc còn tệ hơn khi hấn dừng la hét.

Họ không nhận ra điều đó ngay, nhưng khi sự im lặng kéo dài quá lâu, Julia đánh bạo nói:

“Có thể hấn đi rồi!”

Nhưng chỉ cần nhìn qua sân hiên, cô bé đã thấy chiếc xe hơi vẫn còn đỗ trong sân.

Không nói năng gì, Nestor đi theo sau cô bé như một chiếc bóng. Ông buông hai cánh tay cứng nhắc bên hông và khuôn mặt đanh lại vì giận dữ. Những cảm xúc đó, thực tế, lại khiến ông trông vô cùng yếu đuối, và lần đầu tiên kể từ khi đến Biệt thự Argo, Julia nhận thấy ông như vậy.

“Hấn sẽ làm gì ạ?” Cô bé hỏi.

Nestor không trả lời, ông đi lên cầu thang và mở cánh cửa gương của tòa tháp canh. Ông đi vào căn phòng và bắt đầu nhìn kỹ khu vườn từ mọi cửa sổ.

Julia đi theo ông đến cánh cửa. Có cái gì đó kêu cọt kẹt trên mái. Hoặc có thể ở tầng gác mái.

Cô bé nhận thấy ai đó đã gia cố khóa cửa sổ hồng của tòa tháp canh bằng một cái nêm gỗ.

“Ông Nestor, người đàn ông đó là ai thế?” Cô bé thăm thò hỏi lại.

“Đó là một câu chuyện xưa rồi.”

“Hãy kể cho cháu đi.”

“Không phải bây giờ, cô bé à... không...”

“Hãy kể cho cháu đi mà, ông Nestor!” Julia nài nỉ.

Cơn gió rít xung quanh tòa tháp canh như thể muốn cuốn nó đi theo cùng mình.

“Đó là một sai lầm,” ông Nestor nói. “Một sai lầm của bà Moore, từ rất lâu rồi. Đó là khi bà ấy muốn mang một chút hiện đại đến Kilmore Cove.”

“Hiện đại ư? Khi đến đây lần đầu tiên, Jason và cháu nghĩ rằng thời gian đã dừng lại ở đây từ thế kỷ trước.”

Người làm vườn cười khô khan, sau đó tập tễnh rời khỏi tòa tháp canh và đi về phía những cánh cửa sổ khác của ngôi nhà.

“Ta rất tiếc khi làm cháu thất vọng, nhưng mọi việc hoàn toàn không phải như thế đâu. Không may là thời gian luôn chạy như một gã điên vậy.”

Julia bắt kịp Nestor tại căn phòng của bố mẹ cô. Ông đã mở cửa chớp và đang nhìn ra ngoài, trong màn mưa, và chờ ánh đèn ngọn hải đăng đi qua để nhìn rõ cảnh vật.

Julia nhìn chăm chăm vào căn phòng bị bóng tối bao phủ, nhớ xem nó được trang trí như thế nào: một chiếc giường lớn có màn che màu ngọc lục bảo và những bức tranh phong cảnh cổ treo trên tường, màu vàng mặt trời.

“Sai lầm nào ạ?” Cô bé hỏi.

Nestor nán thêm một chút để nhìn ra bên ngoài cửa sổ, trước khi quyết định đóng cửa chớp lại và trả lời:

“Bà Moore đã mời vài người đến dùng trà. Ngài Moore không đồng ý, nhưng bà ấy... À, bà ấy lại vô cùng ngây thơ trong một số việc... Chỉ với một lời mời đó mà bà ấy không thể tống khứ những người đó ra khỏi ngôi nhà được nữa.”

Julia gật đầu.

“Người đàn ông này là một trong những người đó ạ?”

“Đúng vậy, hẳn là tài xế... Nhưng hẳn chỉ là một con rối vô giá trị thôi, ít nhất thì ông nghĩ vậy...”

Nestor băng qua căn phòng và nhìn hé qua từ phía bên kia của ngôi nhà.

“Hắn đã ở đây ạ?”

Gió rít lên, mang theo mưa.

“Nhiều lần, nhưng hẳn không bao giờ được phép vào trong. Hẳn hộ tống cô chủ của mình, Oblivia Newton. Cô ta thì đã vào đây. Chỉ một lần duy nhất. Sau đó cô ta không bao giờ được phép nữa. Và đều do một nguyên nhân.”

Julia tiến lại gần ông và cùng nhìn ra bên ngoài. Bất chợt cô bé hiểu ra tất cả.

“Ông Nestor, cháu sẽ nói điều này với bố mẹ. Ông yên tâm. Chúng cháu sẽ không bao giờ bán ngôi nhà này đâu.”

“Nói hay lắm, cô bé. Nói hay lắm.”

Trong vườn có tiếng nổ lớn.

“Kho dụng cụ,” người làm vườn thốt lên, nhận ra tiếng động. “Hắn đang cố gắng đi vào đó!”

Chương 15. Những người giao hàng ở xứ Punt

Bên ngoài Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên, Rick kêu lên:

“Jason, chúng ta không thể!”

Jason ngừng việc tra cứu bản đồ thành phố Punt vẽ trên cuốn sổ ghi chép của Ulysses Moore.

“Tại sao cậu không thôi than vãn đi và thử giúp tớ một tay với tấm bản đồ này? Tớ chẳng hiểu gì cả. Đưa tớ cầm cái bọc chết tiệt đó nếu cậu muốn.”

“Nhớ là ‘cái bọc chết tiệt đó’ chứa những thứ đồ duy nhất mà chúng ta có về Kilmore Cove. Và nếu chúng ta cứ tiếp tục như vậy thì chúng sẽ là những thứ duy nhất mà chúng ta có. Trái lại, có khả năng lớn là vài nghìn năm nữa một nhà khảo cổ sẽ khai quật được nó dưới lớp cát sa mạc và sẽ chẳng hiểu gì hết!”

Jason thờ hắt.

“Ồ, xem cậu nổi giận kìa! Giống hệt như chị tớ vậy.”

“Có thể bởi vì chị cậu có chút muối trong đầu đấy¹⁴.”

“Chúng tớ là chị em sinh đôi.”

“Thế thì sao?”

“Thế thì có khả năng rất cao là lượng muối đó chúng tớ đã chia đều cho nhau.”

“Vậy thì chắc hẳn nó vô cùng ít ỏi!” Rick càu nhàu, chỉnh lại chiếc bọc trên vai và dùng tay kiểm tra chiếc bọc mới đeo ở thắt lưng.

“Được, ngay khi gặp lại Julia, tớ sẽ nói điều này với chị ấy...”

“Cậu dám sao, Jason!” Rick kêu lên, cầm lấy cuốn nhật ký của Ulysses.

“Hãy cẩn thận với thứ đó! Cậu có nghe thấy những gì ông già đó đã nói với chúng ta không?”

“Có chứ. Ông ấy đã nói: ‘Ha! Ha!’ Và sau đó ông ấy khạc vào cái chậu!”

Đầu tiên Rick nghiên cứu hình vẽ trong cuốn nhật ký, sau đó cậu bực dọc nhìn xung quanh. Người dân tấp nập trong những bộ trang phục rực rỡ đi ngang qua mà không thèm liếc đến bọn chúng. Một cột tháp được dựng thẳng giữa quảng trường đánh dấu chỗ giao nhau của bốn con đường đất, ở giữa có một con kênh chảy qua.

“Giờ chúng ta có thể ở đâu được nhỉ?”

“Ha! Ha!” Jason trả lời.

Rick cố tỏ ra khinh thường, nhưng cuối cùng lại mỉm cười. Sau đó, khi sự bực dọc hoàn toàn biến mất, chân cậu bắt đầu loạng choạng.

“Ha! Ha! Đến đây, Talos! Có thể chúng ta có một nhiệm vụ hay ho cần giao cho hai chàng trai này đây.”

“Ha!”

Hai đứa cười phá lên, sau đó Rick để lại cuốn nhật ký vào chỗ cũ và nói:

“Nếu kia là cột tháp, bến cảng chắc hẳn ở phía kia.”

Thỏa thuận mà bọn chúng thương lượng với ông già ở cửa hàng vô cùng đơn giản: chúng sẽ giao hai đơn hàng trong thành phố cho ông già và ông ta sẽ tiết lộ cho bọn chúng manh mối duy nhất còn sót lại về sự tồn tại của Căn phòng không tồn tại.

“Chỉ hai đơn hàng thôi: các cậu đừng mất quá nhiều thời gian và có thể giữ lại tiền boa. Ha ha! Nhưng, nghe này, ta tin là các cậu hãy cư xử cho xứng là... hai chàng trai xứ Punt nhé.”

Hai đứa đã nhận lời và bây giờ chúng đang mang theo mình hai cái bọc da đựng hai tấm bản đồ. Tấm đầu tiên cần giao cho thuyền trưởng con thuyền Phoenicia, khởi hành đến Mycenae¹⁵. Tấm thứ hai thì cần đưa đến cho một semu, tức là một thầy thuốc, người này đang tổ chức một cuộc du hành tìm kiếm nguyên liệu mới cho các đơn thuốc của mình.

Không khó để tìm ra bến cảng. Ở phía Đông cột tháp, thành phố Punt thoải dần xuống khu vực một loạt các kè, bến và cầu tàu san sát trên mặt nước lóng lánh của sông Nil. Khi bọn trẻ đi xuống giữa những ngôi nhà bằng gạch không nung, ngay sát những chiếc xe bò, không khí trở nên mát mẻ và dễ thở hơn nhiều. Sau một ngày nóng nực, mặt trời bắt đầu xuống thấp, từ mặt nước thỉnh thoảng thổi tới một cơn gió nhẹ. Chính cơn gió này đã khiến Jason nảy sinh nghi ngờ đầu tiên.

“Nước mặn,” cậu bé nói, chạy lon ton đến bên cạnh Rick. “Đáng lẽ nó phải không mặn chứ?”

Rick không trả lời. Cậu bé quá tập trung vào việc cố gắng đi theo hướng đi đúng.

“Cậu có lý. Đó là nước biển...” Cuối cùng cậu bé nhận định khi bọn chúng đến mép nước.

Và thế là bọn chúng khám phá ra một điều rằng, Xứ Punt không nằm dọc theo con sông Nil, mà nhìn ra Biển Đỏ.

Con tàu Phoenicia, nơi bọn chúng phải giao đơn hàng đầu tiên, có thân thon và mũi tàu khiến chúng nhớ đến hình dáng mảnh dẻ của con tàu Metis. Thuyền trưởng là một người đàn ông Libi có tóc đen dài và gương mặt cháy nắng, ông đón chúng với một tràng cười sôi nổi.

“Hai cậu bé giao hàng mới của cửa hàng đây rồi! Thế nào, ông già đã sửa được tấm bản đồ của ta chứ?”

Rick giao cho người đàn ông cuộn giấy cói.

“Ngài có một con tàu thật đẹp!” Cậu nói, dùng con mắt chuyên gia nghiên cứu các cột buồm và cọc chèo.

“Nó đi đâu vậy ạ?” Còn Jason thì cất tiếng hỏi.

“Đến cảng Mycenae, men theo các vùng đất thấp hơn...”

Người đàn ông trải cuộn giấy dài xuống tận chân và bình luận:

“Tốt... tốt... Làm tuyệt lắm.”

Một năm deben bay ra từ túi ông ta và đáp xuống bàn tay của bọn trẻ.

Sau đó, những đồng tiền này được dùng để đổi lấy hai chiếc bánh mì không có men hình nón, nhồi một hỗn hợp bốc khói gồm thịt cừu, gia vị cay, rau và cá Biển Đỏ.

Jason và Rick tự cho phép chúng tạm nghỉ ngơi, thả chân vắt vẻo trên cầu tàu. Trong khi đang ăn ngấu nghiến, bọn trẻ quan sát những con thuyền được chèo lái bằng những sào gỗ dài và đội thuyền được mạ vàng của Pharaon đang thả neo tại chính trung tâm của cảng.

Hỗn hợp nhân bánh mì đó là thứ ngon nhất mà bọn chúng từng được ăn.

Ít lâu sau, với cái miệng khô roong vì khát, bọn trẻ trở về chỗ cột tháp và hướng về khu ông thầy thuốc đang sống.

Rick phát hiện ra rằng rất dễ định hướng tại Punt: có thể nhìn thấy những bức tường khổng lồ của Ngôi nhà Sự sống từ mọi ngã tư đường, với biển ở phía đối diện. Những giao lộ vuông góc với nhau và những con đường lớn nhất phân chia nhiều khu phố. Những ngôi nhà nhỏ nhất thuộc về công nhân xây dựng; những ngôi nhà thấp và trải rộng đến ven các khu dân cư là nơi ở của những người nông dân; những ngôi nhà uy nghi hai, ba tầng, thuộc về những viên chức, thầy tu và, đích thị cả những thầy thuốc nữa.

Trong khi đang tìm người nhận đơn hàng, bọn trẻ tình cờ gặp một đám đông nhỏ xúm quanh hai nhạc công đang biểu diễn một bản tình ca. Một nhạc công, với khuôn mặt sơn trắng, đang kéo một nhạc cụ bộ dây, và thỉnh

thoảng lại thổi lên một tiếng sáo ai oán. Người còn lại mặc đồ đen hoàn toàn và khuôn mặt bị lấm thứ đất đen như bùn, khá vất vả khi đánh trống và những chiếc đĩa thiếc, hoặc lắc sistrum¹⁶, một nhạc khí thuộc bộ gõ phát ra những tiếng kêu leng keng.

Jason và Rick nghe một vài đoạn và hiểu rằng khúc tình ca đang nói đến truyền thuyết về đôi uyên ương lạc mất nhau trong Ngôi nhà Sự sống.

“Tớ không bao giờ hiểu nổi tại sao những bài tình ca luôn luôn phải bi đát như thế.” Jason bình luận, khi bọn chúng bỏ lại đám đông sau lưng. “Nếu một trong hai người yêu nhau không chết thì hẳn người ta chẳng nghe chúng đâu.”

Rick không bình luận gì cả. Cậu biết rõ mẹ đã đau đớn biết bao nhiêu khi bố cậu mất tích ngoài biển khơi. Và cậu nghĩ bà sẽ không muốn nghe bản tình ca đẹp bi thảm kia một chút nào hết.

Bọn trẻ nhận ra chỗ ở của vị thầy thuốc nhờ hàng người đang đợi đến lượt mình trong sảnh bên ngoài ngôi nhà: đàn ông, đàn bà, trẻ em và người già tất cả đều kiên nhẫn đợi khám bệnh và xin kê đơn thuốc.

Rick và Jason tự xưng là những người đưa tin và vượt qua tất cả mọi người, đi vào phòng khám.

Đón chúng là một căn phòng thơm đầy những bồn nước được canh giữ bởi hai chàng trai cạo trọc đầu, một hàng cây lớn nhỏ đủ loại và một loạt đồ đựng bột tán. Những chữ viết tượng hình cho biết chúng là: phèn, đồng, ôxit sắt, đá vôi, natri carbonat và natri hidrocacbonat, lưu huỳnh, thạch tín, than. Ở trong những đồ chứa khác có bia lên men, mật ong, tủy sống và đất sét lỏng.

Vị thầy thuốc, mập mạp và sôi nổi, đang chuẩn bị cao xoa bóp cho một quý bà bị thương ở xương ống chân. Nhìn thấy bọn chúng đi vào, vị thầy thuốc nhận ra tờ giấy cói mà Jason mang theo bên người.

Ông quên luôn quý bà đó và vết thương của bà ta, hét lớn:

“Bản đồ! Bản đồ! Ta không còn dám tin nữa!”

Thầy thuốc giật nó từ tay Jason và không thèm liếc thêm cậu bé, ông ta bắt đầu đọc to và lướt thật nhanh qua tấm bản đồ.

Jason hăng giọng, cho đến khi cậu không thể xen vào cuộc độc thoại của vị thầy thuốc.

“Bọn cháu được nói rằng chúng cháu sẽ được nhận tiền boa sau khi giao đơn hàng này...”

“Tiền boa?” Vị thầy thuốc phun phì phì, trong khi hai má lại đỏ thêm. “Tiền boa cho một tấm bản đồ chữa hoàn thiện... và bị giao muộn sao? Hãy cảm ơn vì ta đã không đánh các người! Biến khỏi đây ngay!”

Hai đứa trẻ tháo chạy ra ngoài. Tuy nhiên, khi đã ra ngoài, Jason thông báo cho tất cả những người đang xếp hàng chờ hãy khẩn trương vào bên trong, bởi vị thầy thuốc muốn chữa bệnh miễn phí cho tất cả mọi người.



“Chúng ta phải leo xuống đó sao...? - Oblivia Newton hỏi, cố kìm nén cơn rùng mình.

Người đàn ông chuột chũi đã dẫn họ đến một hố sâu trong lòng đất, nó là một cái giếng thẳng đứng phình rộng ở phần dưới và không nhìn thấy điểm kết thúc. Từ các phía nhô ra hàng trăm hành lang, nối với nhau bằng những lối đi bằng gỗ hoặc dây, ròng rọc và những mặt nghiêng, treo lơ lửng trong khoảng không giữa một rừng dây rợ nối với nhau.

Oblivia và người dẫn đường của cô ta đứng trước một chiếc xe kéo bằng gỗ, là một mặt phẳng chỉ lớn hơn miệng cống một ít, được nối với bốn sợi dây.

“Đđđúng..., chúng ta sẽ phải sử dụng nó.” Người đàn ông chuột chũi nói và mời Oblivia leo lên chiếc xe chuyên hàng thô sơ đó.

Những sợi dây nối với nó vắt ngang miệng giếng, dẫn đến một đường hầm nằm ở phía bên kia, hứa hẹn còn tối tăm hơn cả đường hầm mà bọn họ vừa từ đó đi ra.

“Thứ mà cô tìm nằm ở đó, ở phía bên kia. Nhưng để sử dụng phương tiện chuyên chở này, cần phải trả tiền.”

Oblivia nhìn cậu thanh niên người Ai Cập đang mỉm cười ranh mãnh:

“Tôi sẽ để cô đi một mình. Như vậy tôi sẽ giúp cô tiết kiệm được tiền.”

“Tử tế đây! Rất tử tế...” Oblivia cảm phẫn nói và tìm kiếm một vài deben. Cô ta mới chỉ lôi những đồng tiền ra khỏi túi là người đàn ông đã chộp lấy chúng với tốc độ chớp nhoáng như tắc kè bắt một con ruồi vậy.

“Đã được rồi... Bây giờ cô có thể leo lên.”

Oblivia đặt chân lên mặt gỗ, nó kêu cọt két và nghiêng sang bên một cách nguy hiểm, như thể sẵn sàng rơi vào vực thẳm tối tăm phía dưới.

“Chết tiệt! Thứ này sẽ không đỡ nổi tôi đâu!”

“Ccccó chứ. Nó sẽ đỡ được cô. Hãy bám vào những sợi dây, người đàn ông chuột chũi bồng thăm thì.”

Oblivia túm lấy một sợi dây, cẩn trọng thử sức bền của nó.

“Bây giờ chúng ta sẽ di chuyển.” Ông ta thông báo, và đẩy cô ả lên chiếc xe chuyển hàng.

Sau đó, không để cho Oblivia có thời gian kịp hét lên, người đàn ông đã đứng cạnh cô ta trên tấm gỗ và tháo chốt chặn, khiến tấm gỗ lao xuống phía dưới. Chiếc xe chuyển hàng cọt két và nghiêng về một bên, trượt xuống khó nhọc dọc theo sợi dây chính đang chống đỡ một cách khó tin. Oblivia nhanh chóng nhận thấy mình đã ở phía bên kia cái giếng, trong một đường hầm hoàn toàn tối đen.

Đôi mắt cô ta dần thích nghi được với bóng tối và thấy đường hầm chứa đầy những bình, lọ bằng đất nung.

Người đàn ông chuột chũi hít hít không khí và đi sâu vào hai dãy bình khổng lồ.

“Hãy đến đây nếu muốn,” ông ta nói. “Nhưng ccchú ý vào những gì cô giẫm lên đây.”

Trước khi đi theo ông ta, Oblivia ngoảnh lại. Người dẫn đường trẻ tuổi chào cô ta với vẻ chế giễu từ phía bên kia giếng. Kiên quyết không để hấn tha mãi khi nhìn thấy mình hoảng sợ, cô ta quay về phía bóng tối, bước theo người đàn ông chuột chũi một cách quyết đoán.

Nhưng bàn chân vừa chạm đất, cô ta đã giẫm lên một cái gì đó lầy nhầy. Thứ đó co rúm lại cùng một tiếng kêu chít chít dưới bàn chân trần cô ta.

Oblivia Newton cố hít hơi để hét lên, nhưng không thể thốt ra bất cứ âm thanh nào. Cô ta đứng bất động, trên một chân, như một con chim cà kheo.

“Đừng sợ,” người đàn ông chuột chũi thềm thì trong bóng tối, cách cô ta vài mét về phía trước. “Chuột ở đây nhỏ lắm... và chúng sẽ bbbỏ chạy nnnếu cô đi thật chậm. Trái lại nhện thì không như thế. Cccô cứ giẫm lên chúng là được.”

“Tôi...” Oblivia thì thào, cô ta bắt đầu nghe thấy xung quanh mình tiếng sột soạt điên cuồng của hàng nghìn bước chân chạy nhốn nháo.

“Những con vật nhỏ đáng thương: bị nhốt dưới này và luôn phải tìm thứ gì đó để ăn,” Người đàn ông nói tiếp. “Nhưng chúng không nguy hiểm đâu!”

“Tôi... tôi muốn đi ra khỏi cái hố kinh khủng này ngay lập tức!” Oblivia Newton nói.

Người đàn ông chuột chũi mở nắp một chiếc chum và kêu lên:

“Đây rồi! Có thể ta đã tìm thấy cái gì đó!”

Nhưng Oblivia đã ngất xỉu, ngã vật xuống đất, bất tỉnh nhân sự.

Khi Oblivia mở mắt ra, việc đầu tiên cô ta làm là nhảy dựng lên để chắc chắn không có con chuột nào bám vào gấu váy của mình. Sau đó cô ta nhìn xung quanh và nhận thấy mình đang ở trong đường hầm đầu tiên, đường hầm được những ngọn đuốc thau dầu chiếu sáng.

Cậu thanh niên người Ai Cập đứng trước cô ta. Và người đàn ông chuột chũi đang đếm một vài đồng xu.

“Mọi chuyện ổn chứ?”

Oblivia cố gắng bình tĩnh lại.

“Không ổn chút nào! Ta không chịu nổi chuột!”

“Những con vật nhỏ đáng thương.” Người đàn ông thì thềm trong khi đến chỗ cô ta. “Những con vật bé nhỏ.”

Oblivia Newton lắc đầu, cố gắng quên đi kỷ niệm kinh hoàng vừa mới xảy ra với mình...

Sau đó cô ta lục trong túi quần túi áo và nhận thấy mình đã hết sạch tiền.

“Đđđúng thế...” Đoán trước được câu hỏi của ả, người đàn ông chuột chũi tiếp tục thì thào. “Cô đã trả cả chi phí đi về... Nhưng chuyến đi có ích đấy chứ, phải không?”

Ông ta đưa cho cô ả một cái bọc to sẫm màu, trên đó có những chữ tượng hình bằng bút lông đỏ.

“Xuất xứ Kilmore Cove,” Oblivia đọc.

Ả mở to mắt nhìn người đàn ông chuột chũi đang gỡ cái đầu hình quả lê.

“Ttta đã biết là có cái gì đó trong Kho Lưu Trữ bị chôn vùi mà.”

Oblivia mở cái bọc ra với những ngón tay bần chồn, làm bay lên một đám bụi. Phía bên trong chứa một đồ vật nhỏ và mỏng, bằng giấy. Một tấm danh thiếp.

GWENDALINE MAINOFF

Thợ làm tóc cao cấp

Số 1B đường St.Patrick Large, 74B20 Kilmore Cove

“Đây là những gì cô đang tìm sao?” Người thanh niên hỏi.

Oblivia lật tấm danh thiếp. Nó bị cháy ở góc.

“KHÔNG!” Cô ta gào ầm lên. “Đây hoàn toàn không phải thứ ta đang tìm kiếm. Ta đã phải đến tận đây để tìm cái gì cơ chứ? Một tấm danh thiếp rách nát sao? Địa chỉ của Gwendaline ta đã biết thừa, việc quái gì cần phải đến Ai Cập cơ chứ!”

Người đàn ông chuột chũi buồn rầu cúi đầu.

“Tuy nhiên đó là tất cả những gì có trong Kho Lưu trữ...”

Tất cả những gì có trong Kho Lưu trữ? Tấm danh thiếp của một thợ làm đầu sao? Oblivia siết chặt nắm tay, bị cơn tức giận làm lóa mắt: sao cô ta lại nghĩ rằng có thể tìm thấy tấm bản đồ của Kilmore Cove ở dưới đó cơ chứ? Cô ta thật quá ngây thơ! Tấm danh thiếp đó chỉ là một bằng chứng cho việc vợ chồng ông bà Moore thường xuyên lui tới Ngôi nhà Sự sống và những hành lang tối tăm của nó. Đây chỉ là một trò đùa của số phận!

Oblivia quay về phía người đồng hành.

“Chúng ta đi thôi! Ngay lập tức!” Cô ta hét lên. “Ta muốn nói chuyện với chủ nhân của người! NGAY BÂY GIỜ!”

Chương 16. Manh mối cuối cùng

Sau khi băng qua thành phố thêm lần nữa, Jason và Rick quay trở về Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên. Mặt trời đã lặn xuống phía chân trời và trong cửa hàng càng trở nên tối tăm hơn.

Ông già đang ngồi đợi bọn trẻ tại chỗ ngồi thường lệ, bên cạnh là con Talos nằm im như chết. Trong không khí quện quánh một hỗn hợp mùi: mùi thối rữa, mùi nhang thơm, và một mùi hương đậm đặc, ngọt hơn mà Rick không tài nào nhận ra.

Jason kể lại chúng đã thực hiện việc giao hàng ra sao, và yêu cầu ông già giữ đúng chữ tín, thực hiện phần của mình trong thỏa thuận. Ông già hít sâu, trở mình trên chiếc ngai. Rõ ràng là ông ta thấy bức mình trước việc bọn trẻ đã nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

“Ha! Lưỡi Sắc đã lên tiếng. Và Lưỡi Sắc có lý. Bây giờ đến lượt ta nói. Các cậu muốn biết gì nào?”

“Chỉ những gì mà ông đã hứa với chúng cháu thôi. Manh mối về Căn phòng không tồn tại.”

Ông già hăng giọng và khắc nhổ ầm ỹ vào trong chiếc chậu.

“Ha! Các cậu vẫn tin rằng tấm bản đồ của các cậu được giấu trong đó sao?”

“Vâng, chúng cháu tin như thế.”

“Các cậu không nghĩ rằng ta đã nói dối chỉ để khiến các cậu đi giao những tấm bản đồ sao? Các cậu không nghĩ rằng lão già đáng khinh này... ha! có thể lừa các cậu sao? Các cậu biết bản chất việc mua bán của ta rồi đấy.”

“Chúng cháu đã nghĩ về điều này,” Jason đáp lại. “Nhưng chúng cháu cũng nghĩ rằng manh mối đó chẳng còn có giá trị với ông nữa, bởi vì ông đã quá già để tìm kiếm căn phòng một mình, và ông cũng quá lười để kể nó cho ai đó làm việc cho ông.”

“Ha! Nói hay lắm, Lười Sắc...”

Talos động đậy đuôi, nhắc nhở bọn trẻ về sự hiện diện đáng lo ngại của nó.

“Các cậu là hai đứa trẻ kỳ lạ, và các cậu không sai khi nghĩ rằng ta đã quá mệt mỏi. Hơn nữa ta đã canh giữ bí mật này trong một khoảng thời gian dài như thế... và giờ điều này chẳng tạo ra điều khác biệt nào cả. Các cậu biết *Khúc ca về hai người yêu nhau* chứ?”

Jason và Rick gật đầu: bọn chúng đã nghe qua nó lúc đi lòng vòng trước khi đến nhà của vị thầy thuốc.

“Hẳn rồi,” ông già tiếp tục. “Tại Punt, tất cả mọi người đều biết. Nó nằm trên môi của mọi người. Vì vậy, ta đã tin rằng điều bí ẩn nằm trong đoạn thơ cuối cùng của khúc ca đó. Ha! Nhưng hãy chú ý...”

Ông già không kịp nói dứt lời.

Sau một lời chào qua quýt, bọn trẻ nâng tấm rèm cửa hàng lên và biến mất vào trong khu chợ.

“... Chú ý là... bởi vì tin rằng đoạn thơ đó là giải pháp, nên ta đã đốt nhầm Bộ sưu tập.” Người chủ cửa hàng thì thầm với giọng điệu buồn bã.

Tấm rèm lối ra vào vừa mới đóng lại thì một tấm khác lại được nâng lên từ phía bên kia của cửa hàng. Tấm rèm đó che một căn phòng nhỏ, từ trong đó có hai người bước ra.

“Khụ! Khụ!” Oblivia ho. “Dưới đó thật hôi quá!”

Trên gương mặt của ông chủ tiệm lại xuất hiện vẻ tàn nhẫn vô cảm thường trực.

“Mày nghe thấy không Talos?” Ông già càu nhàu, vuốt ve giữa hai mắt con cá sấu. “Quý cô đây không đánh giá cao cái cũ của mày đâu...”

Oblivia tiến gần cánh cửa, cẩn trọng nâng tấm rèm lên và hít thở sâu.

“Không khí!” Cô ta kêu lên, liên tục chùi miệng bằng mu bàn tay.

Ngay khi cô ta quay lại nhìn ông già, con Talos tỏ ra căng thẳng.

“Ha! Ta khuyên cô không nên tiến thêm bước nữa,” người chủ cửa hàng cảnh báo ả. “Cô đã nhìn thấy bọn trẻ chưa?”

Oblivia gật đầu.

“Thế nào?”

“Chính là bọn chúng. Nhưng đáng lẽ phải có ba đứa chứ... Còn thiếu một con bé nữa. Nó là chị sinh đôi của thằng bé nhỏ con hơn.”

“Chị sinh đôi của Lưỡi Sắc... Ha!” Người chủ Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên lẩm bẩm.

“Lưỡi Sắc với chả Lưỡi Siếc! Nó tên là Jason. Jason Covenant. Còn thằng bé kia... thằng bé kia là Rick Banner, một thằng nhóc hỗn xược, con của lũ đánh cá.”

“Cẩn thận với những gì cô nói đấy, nữ tu!” Ông già cảnh cáo ả. “Cả Talos và ta đều là những người con của ngư dân! Phải không?”

Talos nhe răng ra và đập chiếc đuôi to lớn của nó liên hồi trên sàn nhà.

“Chính chúng đã lấy trộm tấm bản đồ ngay trước mũi ta!” Oblivia kêu ca.

“Tôi không nghĩ vậy,” cậu thanh niên đi cùng cô ta xen vào. “Từ những gì chúng ta nghe được, có vẻ như họ vẫn đang tìm kiếm nó.”

“Không ai hỏi ý kiến người!” Oblivia cau có.

“Ha! Ha! ông già bình luận trong khi thưởng thức cảnh tượng này từ chiếc ngai đầy gối cũ của mình. Một nữ tu cuồng loạn và một người đàn ông chơi rần... Đây có thể được ghi nhớ như một trong những ngày tuyệt vời nhất năm, Talos à...”

Ông già để mặc cho hai người họ cãi cọ một lúc, sau đó vỗ tay, khiến họ dừng lại.

“Những gì mà các người cần là một chút tổ chức. Hiển nhiên là thêm một đôi dép cho quý cô đây, nếu các người muốn đuổi theo bọn trẻ... Lưỡi Sắc và Tim Đá tin rằng tấm bản đồ nằm bên trong Căn phòng không tồn tại. Và bọn trẻ vừa mới bắt đầu tìm kiếm thôi.”

Oblivia ném cho ông già một cái nhìn phẫn nộ.

“Ý ông là ông đã đưa cho bọn chúng chỉ dẫn đúng sao?”

Ông già rùng mình trên chiếc ngai.

“Ha ha! Lạy tất cả các vị thần của Thượng và Hạ Ai Cập, những người nước ngoài này không hiểu lấy một chữ tượng hình! Ta phải nhắc lại như thế nào đây? Không có chỉ dẫn đúng nào cả! Bởi vì không có Căn phòng không tồn tại nào cả!”

Chương 17. Khúc ca về hai người yêu nhau

Maruk kêu lên:

“Nhưng tớ chắc chắn mà! Đó chỉ là một bài hát thôi, không hơn.

Bọn trẻ lại bên nhau quanh một đài phun nước, từ đó chúng có thể kiểm soát lối ra nhà kho của Nhà Khách, phòng trường hợp Julia xuất hiện, và cả Ngôi nhà Sự sống, phòng trường hợp bố của Maruk xuất hiện...

Trong khi Rick và Jason thực hiện việc giao hàng, Maruk đã đi xuống nhà kho, nơi cô bé chắc chắn rằng không ai di chuyển tấm ván mà bọn trẻ đã dùng để che lỗ thủng trên tường, và bây giờ cô bé đang phủ nhận mọi khả năng cho rằng đầu mỗi ông già đưa ra là cụ thể.

“Nhưng chính cậu đã kể cho chúng tớ rằng chưa có ai từng khám phá hết Bộ sưu tập cả. Có hàng nghìn hàng nghìn hành lang, tại sao lại không thể có Căn phòng không tồn tại chứ?”

“Chính xác thì,” Rick nêu rõ, sau khi thực hiện một loạt phép tính trên cuốn sổ tay, “chỉ bên trong những bức tường cũng phải có khoảng 10.648 hành lang. Có nghĩa là có 22 khu, mỗi khu với 22 phòng, mỗi phòng có 22 hành lang... mà chúng ta cần khám phá...”

“Chưa kể những lối đi bí mật nữa,” Jason phớt lờ cậu bạn, tiếp tục nói. “Ông già ấy khẳng định là có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lối đi bí mật! Những bức tường thành đó hẳn đã được xây dựng nhiều lần, và mỗi người chủ công trình có thể đã giấu trong đó một bí mật nhỏ của mình, một hốc tường, một cầu thang xây thêm...”

“Điều đó là có thể,” Maruk đồng ý.

“553.696 hốc tường! Cứ cho là chỉ mất một phút để khám xét một hốc tường thì...” Rick kiên trì nói tiếp.

“Vậy thì sao? Tại sao cậu không chịu tin vào điều này nhỉ?”

Maruk mỉm cười, vôn vôn bím tóc của mình.

“Có lẽ chỉ cần hỏi bố tớ điều này là biết chắc có Căn phòng không tồn tại nào hay không. Và, dù gì đi nữa, tớ không tin rằng cách duy nhất để tìm ra nó là đọc *Khúc ca về hai người yêu nhau*. Ông già kể chuyện cho các cậu là một tên trộm. Một trong những tên trộm khét tiếng nhất. Nếu cậu chỉ cần thăm thì tên ông ta cho một trong những viên chức của Bộ sưu tập, người ta sẽ làm dấu của thần Horus¹⁷ chống lại quỷ thần. Cậu chẳng biết gì về ông ta cả! Đó là tay Bảo Vệ Hắc Ám, người đã đốt cháy toàn bộ một khu tài liệu! Đó là một con quái vật, chỉ nhờ vào mạng lưới quan hệ của mình và những bí mật mà ông ta biết, ông ta mới thoát được án tử hình và mở cửa hàng đó. Và sau nữa, xin lỗi nhé... làm sao chuyện đó lại có thể? Tớ muốn nói là, đó chỉ là một bài hát! Một bài hát mà gần như tất cả mọi người đều biết.?”

“Đôi khi, cách tốt nhất để giấu một thứ là để nó trước mắt của tất cả mọi người!”

“Không có cách thức khoa học nào để tìm kiếm Căn phòng không tồn tại cả, chúng ta sẽ mất 768 ngày chỉ để khám xét một phần của những bức tường thành,” Rick thốt lên, “sau khi rốt cuộc đã đặt bút xuống.”

Sau đó, nhận thấy vẻ bối rối của hai người bạn, cậu nói thêm:

“Các cậu đang nói về chuyện gì thế?”

“*Khúc ca về hai người yêu nhau,*” Maruk giải thích, “kể về hai người, một ngày nọ, đã quyết định đi tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống trong Ngôi nhà Sự sống. Tuy nhiên, tại thời điểm bắt đầu cuộc tìm kiếm, người đàn ông đi vào một hành lang và người đàn bà đi vào một hành lang khác. Kể từ đó hai người bắt đầu đi lang thang mà không gặp được nhau nữa...”

“Điều đó có nghĩa là không thể tìm được ý nghĩa của cuộc sống,” Jason kết luận.

“Hoặc không thể tìm thấy nó nếu tìm kiếm một mình,” Rick nói rõ. “Tuy nhiên khúc ca đó kết thúc thế nào vậy?”

“Rằng cả người đàn ông và người đàn bà đều tin rằng sớm hay muộn thì họ sẽ tìm được một nơi mà họ sẽ gặp lại nhau và đặt dấu chấm hết cho cuộc tìm kiếm vô tận của họ: Căn phòng không tồn tại.”

Jason nhìn Rick.

“Chính xác.”

“Nhưng khúc ca khép lại với việc hai người đó không tìm được căn phòng.”

“Đó là bởi nó là một ca khúc về tình yêu,” Jason cắt ngang. “Thực tế thì tớ tin rằng căn phòng thực sự tồn tại. Và rằng ai đó... đã giấu bên trong nó tấm bản đồ mà chúng tớ và Oblivia đang tìm kiếm.”

“Hay đấy,” Maruk nói, “nhưng tớ tin là các cậu đang phạm sai lầm đấy.”

Maruk đi đến chỗ thầy giáo dạy Nhạc để xin một bản chép lại chính xác lời của khúc ca. Jason và Rick giết thời gian chờ đợi bằng cách dạo chơi trong khu vườn với tâm trạng bồn chồn.

Con gái của Bậc thầy Thư lại không bắt bọn trẻ phải chờ quá lâu.

Khi trở lại, cô bé ngồi xõm trên đất cạnh bọn trẻ và trải ra một văn bản dài.

“Theo thầy dạy Nhạc, đây là phiên bản cổ nhất và chính xác nhất của *Khúc ca về hai người yêu nhau*.”

Ba cặp mắt ngay lập tức đọc đoạn cuối cùng:

Phòng chúng ta có chìa khóa âm thanh

và ngưỡng cửa ánh sáng hiển hiện.

Để thấy nó, chúng ta sẽ phải đi tìm

Vào thời điểm gặp gỡ mà không thấy được nhau

của người đang yêu và người đi theo, mãi mãi.



“Hắn đang làm gì thế?” Nestor hỏi Julia, trông cậy vào đôi mắt tinh anh hơn của cô bé.

Hai người đã đi đến phòng tắm nhỏ xíu trên tầng hai, gần với phòng dành cho khách, nơi có chiếc cửa sổ duy nhất giúp nhìn ra kho dụng cụ.

“Hắn không vào được,” Julia trả lời. “Cháu nghĩ là hắn đang từ bỏ. Hắn bước đi loạn choạng, và ướm như chuột lột.”

Manfred giơ năm đấm hướng về những ô cửa sổ được cài chặt của Biệt thự Argo và hét lên:

“Không lâu nữa đâu, tao sẽ vào được bên trong đó!”

Sau đó hắn đi khuất khỏi tầm nhìn cửa sổ.

Julia và Nestor đi sang phòng khác, để tiếp tục theo dõi hắn từ trên cao.

“Cháu không nhìn thấy hắn nữa,” Cô bé thì thầm.

Đúng lúc đó họ nghe thấy hai tiếng đập vào cửa phòng bếp.

“Ít nhất thì chúng ta cũng nghe thấy hắn.” Nestor cố tỏ ra lạc quan...

Ông nhìn Julia trong vài giây, sau đó mỉm cười hài lòng.

“Cháu rất giỏi đấy, cháu biết không?”

“Có ạ,” cô bé trả lời, và lại bắt đầu quan sát trong cơn mưa.

Manfred rà soát lại một lượt tất cả các cánh cửa tầng một, sau đó chui lại vào trong xe ô-tô chờ đợi.

Từ tầng hai, Julia và ông Nestor nhìn thấy ánh đèn trong khoang lái bật lên.

“Có thể hẳn đang từ bỏ và sẽ đi khỏi đây,” cô bé lẩm bẩm.

Manfred bật đài và mở âm thanh ở mức to nhất, phát ra thứ nhạc Rock chất chúa.

“Có thể hẳn sẽ đi khỏi đây,” Julia lặp lại, đầy hy vọng.

Ánh đèn trong khoang lái bật sáng rồi tắt đi nhanh chóng.

“Hẳn đã xuống xe từ phía bên kia,” Nestor lẩm bẩm. “Nhưng muốn chúng ta tin rằng hẳn vẫn đang ở trong xe.”

“Tại sao ạ? Hẳn đang nghĩ gì trong đầu vậy ạ?”

Từ phía bên kia khu vườn, sau chiếc ô-tô, là căn nhà phụ của người làm vườn.

Khi Julia quay người lại, cô nhìn thấy Nestor đã nhanh chóng rời xa chiếc cửa sổ.

“Ông Nestor, ông muốn làm gì thế?” Cô bé hét lên.

Nestor không trả lời.

Julia đi theo ông xuống cầu thang, đi qua phòng có điện thoại, phòng khách, phòng bếp và sau đó cô ngăn ông lại trước cửa dẫn ra bên ngoài.

“Ông đừng ra ngoài!” Cô bé khẩn khoản. “Ông đừng bỏ cháu lại đây!”

Nestor làm một cử chỉ cục cằn và ra lệnh cho cô:

“Cho dù bất cứ điều gì xảy ra, bất cứ điều gì cháu nhìn thấy từ cửa sổ... **KHÔNG ĐƯỢC RA NGOÀI!** Hẳn không thể vào trong này, cháu hiểu không? Nhưng hẳn cũng không thể vào đó... không được vào. Julia... cháu rất giỏi. Ta biết có thể tin cậy vào cháu. Rick và em trai cháu cần cháu ở trong nhà, và ngăn không cho tên bất lương đó đến được... Cánh cửa Thời gian.”

“Ông đừng bỏ cháu lại một mình!”

Ánh nhìn của Nestor lướt lướt giữa những đồ đạc trong phòng bếp. Bát đĩa bẩn từ bữa tối của bọn trẻ vẫn đang chất đống trong bồn rửa.

Người làm vườn lập tức quay người lại.

“Cháu không đơn độc đâu.”

Sau đó ông mở rộng cánh cửa phòng bếp và biến mất trong cơn bão.
Julia nhanh chóng khóa cửa lại và chạy lên trên gác để đến chỗ cửa sổ.
“Bố! Mẹ! Jason! Rick!” Cô bé nói như thể cầu nguyện trong khi leo lên những bậc cầu thang treo những bức chân dung.
“Bố! Mẹ! Jason! Rick!” Cô lặp lại suốt dọc hành lang tối om.
Cô bé dừng lại ở ngưỡng cửa phòng khách.
Ánh đèn của ngọn hải đăng đang rọi sáng khu vườn.
Và bên ngoài kia, có ai đó đang chạy.

Chương 18. Lưỡi sắc và tim đá

Đọc lại đoạn cuối cùng của *Khúc ca về hai người yêu nhau*, Jason lẩm bẩm:

“Được rồi, bây giờ đến lượt cậu đó, Rick.”

Cậu bé mở to mắt nhìn bạn mình.

“Tại sao?”

“Vì cậu là người thông minh. Tớ là con người của bản năng, của những hành động liều lĩnh và những dịp may bất ngờ. Nhưng nếu cần đến suy luận... thì đó là việc của cậu.”

Sau đó cậu bé nói thêm với Maruk:

“Cậu sẽ thấy là cậu ấy chỉ mất một tẹo thời gian thôi.”

“Jason, cậu thôi đi!” Rick đáp. “Ít nhất các cậu cũng phải giúp tớ một tay chứ?”

“Đoạn thơ đó không nói lên điều gì với cậu sao?” Jason hỏi Maruk. “Không có một sự ám chỉ nào đến điều gì đó mà cậu biết sao? Đến Ngôi nhà Sự sống hoặc... tớ không biết... đến truyền thuyết nào đó của Xứ Punt? Cậu nghĩ kỹ lại xem...”

Maruk đọc lại đoạn thơ một vài lần nữa, nhưng cuối cùng cô bé lắc đầu.

“Bây giờ tớ chẳng nghĩ được gì cả.”

“Hoặc là,” Jason nói, “đoạn thơ giải thích làm thế nào để đến được căn phòng đó.”

“Nếu đúng là như vậy,” Rick lẩm bẫm, “nó phải nói chỗ đó nằm ở đâu, và đến được đó như thế nào nếu đi từ một chỗ khác.”

“Đúng thế.”

“Có thể nó cũng sẽ nói khi nào có thể đến được đó.” Maruk nhận xét. “Thực tế là ở đây có viết: *vào thời điểm gặp gỡ.*”

“Thời điểm trùng khớp,” Jason lặp lại. “Có cái gì gặp gỡ cơ chứ?”

“Một cục nam châm và một mẫu sắt.” Rick nói. “Những miếng ghép của một bộ xếp hình. Những ngón tay trên một bàn tay.”

“Hàm răng trên và dưới... Mmm... ít nhất là trong phần lớn trường hợp là như thế!” Maruk cười thầm.

“Một cuộc gặp gỡ...” Jason bắt đầu nói.

“Sai rồi,” Rick ngay lập tức cắt lời. “Để gặp được nhau cần ít nhất hai thứ. Hai thứ khớp nhau khi chúng được liên kết một cách hoàn hảo với nhau. Chỉ một thời điểm thì không thể chồng khít được...”

“Đúng rồi! Thực sự những người yêu nhau có đôi. Và họ sẽ gặp nhau tại thời điểm trùng khít. Một thời điểm lý tưởng.” Jason kết luận.

“Tuyệt vời!” Maruk kêu lên, sau đó nhận ra rằng tất cả những suy luận trên chẳng giúp được gì nhiều.

Ba đứa trẻ tiếp tục đọc đi đọc lại đoạn thơ. Rick cũng tự mình đọc nhanh toàn bộ lời của *Khúc ca*, tuy nhiên cũng không tìm được điều gì thú vị.

“Căn phòng này không có cửa,” một lúc sau Jason nói. “Ở đây viết rằng nó có một ngưỡng cửa ánh sáng và ngưỡng là phần ở dưới cánh cửa. Khi

bạn đi qua ngưỡng đó, bạn sẽ đi vào trong căn phòng. Vì vậy không có cánh cửa nào cả. Chúng ta chỉ phải tìm căn phòng thôi... tại thời điểm lý tưởng.”

“Có thể nó nói về một tia nắng chẳng? Có thể căn phòng tối om và ánh sáng chỉ đến được ngưỡng cửa.”

“Hoặc trái lại, ca khúc nói ‘hiển hiện’. ‘Hiển hiện’ nghĩa là có vẻ có, nhưng thực tế lại không.”

“Như một ảo ảnh.”

“Như một ảo ảnh. Hoặc như một bóng ma.

“‘Hiển hiện’ cũng là một thứ xuất hiện mà trước đây không có.”

Bọn trẻ im lặng, trầm ngâm suy nghĩ.

Sau đó, Maruk cất tiếng hỏi:

“Nhưng nếu căn phòng không có cửa, vậy thì cần chìa khóa để làm gì?”

“Không có cửa, mà lại có chìa khóa... hơn nữa lại là chìa khóa âm thanh.”

“Một chìa khóa âm thanh. Có nghĩa là một tiếng động.”

“Hoặc âm nhạc.”

“Cũng có thể là khóa Sol¹⁸!” Jason đánh bạo nói.

“Tiếc là những nốt nhạc, khuông nhạc và khóa Sol sẽ chỉ được phát minh ra trong vài thế kỷ tới... Không, khóa âm thanh hẳn phải là một chiếc chìa khóa thực sự.”

“Như vậy sứ mệnh của chúng ta là tìm chìa khóa và cánh cửa.” Jason mỉm cười, hướng về phía bạn mình.

Sau nhiều nỗ lực nữa, Maruk đứng dậy vươn vai.

“Các cậu, tớ chán nghĩ quá rồi! Tớ nghỉ đây. Với cả, chỉ chút nữa thôi mặt trời sẽ lặn và trời sẽ trở lạnh đấy.”

“Cậu vừa nói gì cơ?” Jason hỏi thình lình.

“Rằng chút nữa thôi trời sẽ lạnh,” Rick xen ngang. “Ở sa mạc, sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm là rất lớn.”

“Đây chính là thời điểm lý tưởng! TỐ HIỆU RỒI!” Jason kêu lên. “Tại sao chúng ta lại không nghĩ đến điều này trước đây chứ?”

Rick và Maruk nhìn nhau bối rối.

“Bạn có thể vui lòng giải thích điều này cho chúng tớ được không?”

“Nó đã rõ ràng như thế rồi! Chúng ta cứ nghĩ rằng hai người yêu nhau là một người đàn ông và một người phụ nữ. Nhưng các cậu thử bỏ câu nói đó ra khỏi ngữ cảnh xem. Đừng nghĩ nó là hai người yêu nhau bằng xương bằng thịt nữa, mà... một cái gì đó khác. Ví dụ như... mặt trời và mặt trăng. Hoặc trời và đất.

Rick sững sờ bởi suy nghĩ đó.

“Hai người yêu vĩnh cửu mà không bao giờ có thể gặp nhau. Ai yêu và đi theo, mãi mãi.”

“Không phải là mặt trời và mặt trăng, bởi vì đó là Thần Ra¹⁹ và Thần Thoth²⁰. Cũng không thể là mặt trời và đất, vì mặt đất là thần Geb...” Maruk lẩm bẩm. “Tuy nhiên có hai người yêu nhau mà có thể giống như cậu nói: thần đất Geb²¹ và nữ thần bầu trời Nut²².”

“Nếu vậy, Jason lẩm bẩm, đâu sẽ là thời điểm gặp gỡ của họ? Thời điểm mà chúng ta có thể tìm được Căn phòng không tồn tại?”

“Bình minh!” Maruk hoan hỉ nói.

“Hoặc hoàng hôn,” Rick nói rõ. “Đoạn thơ không nói rõ ràng. Nhưng ông chủ Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên đã nói với chúng ta rồi. Cậu có nhớ câu chuyện ông ấy kể không Jason? Ông ấy nói ông ấy đã ngủ trong Ngôi nhà và đã chuyển chỗ những tấm kính...”

“Vào lúc bình minh,” Jason lẩm bẩm.

“Ông ấy nghĩ rằng vào lúc bình minh ông ấy sẽ tìm thấy ngưỡng cửa ánh sáng, nhưng ông ấy đã sai. Ánh sáng mặt trời đã đốt cháy những tờ giấy cói và gây ra hỏa hoạn ở Bộ Sưu tập. Vì vậy giờ gặp gỡ không phải là bình minh, mà là hoàng hôn. Hay nói cách khác là... chút nữa thôi!”

“Chút nữa... nhưng ở đâu cơ chứ?” Maruk hỏi.

Chỉ có duy nhất một nơi mà bọn chúng có thể tìm kiếm Căn phòng không tồn tại: chính nơi mà ông chủ Cửa Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị

Lãng Quên đã tìm kiếm nhưng không thành công... Những Hành Lang Bị Bỏ Quên!

Jason và Rick ngay lập tức hướng về Maruk. Chỉ có cô bé mới có thể đưa chúng đến đó.

Chương 19. Những hành lang bị bỏ quên

Cánh cửa của Những Hành Lang Bị Bỏ Quên mở ra, tạo nên âm thanh vang dội lại trong gian phòng lớn trống vắng. Không khí hăng nồng và tối đen.

“Không ai đặt chân đến đây đã nhiều năm rồi.” Maruk nói, dừng lại ở ngưỡng cửa. “Thực ra là từ khi xảy ra vụ hỏa hoạn...”

Một không khí im lặng đáng sợ bao quanh bọn trẻ. Chúng cất vài bước lưỡng lự, cảm nhận thấy xung quanh mình một sự ngột ngạt, chất chứa đau đớn, tro tàn và bất hạnh của những thứ đã chết và bị lãng quên. Các bức tường và trần nhà đầy vết cháy đen, như những bàn tay dài khổng lồ co quắp. Các bức tượng thần một thời từng làm đẹp cho căn phòng giờ đã biến thành những chiếc bóng méo mó đầy hăm dọa, và những khuôn mặt hình thú của các bức tượng, một thời kiêu hãnh và cao ngạo, giờ thật buồn bã và sâu nã. Ngay cả cửa sổ lớn nhìn xuống sân trong của Ngôi nhà Sự sống cũng không làm nơi đây bớt vẻ u sầu. Cứ như thể không khí đông đặc lại, không thể thoát ra bên ngoài.

Rick mở cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên* ra, trong khi Jason thả lên một chiếc đèn dầu và bắt đầu chiếu vào hành lang gần nhất. Hàng loạt những hốc tường đen thui bày ra ở cả hai phía thật là một cảnh tượng đáng khiếp sợ.

“Cứ như ở trong một nghĩa địa dưới lòng đất, hoặc trong một hầm mộ vậy.” Cậu bé nói, cố gắng không nghĩ đến những cuốn truyện tranh mà trong đó, từ những lỗ hổng đen tương tự thế này thò ra những bàn tay co quắp của một bộ xương.

Maruk vẫn đứng yên trên ngưỡng cửa, do dự không biết có nên bước vào hay không.

Cô bé đã lớn lên với suy nghĩ Những Hành Lang Bị Bỏ Quên là một nơi cấm kỵ, một nơi không có gì cả, chỉ còn tro tàn, bóng tối và đổ nát.

“Cậu đi với chúng tớ chứ?” Jason hỏi cô bé, khi nhận ra sự lo lắng của cô.

“Tớ không biết liệu mình có làm được không,” cô bé trả lời. “Hôm nay thực tế là tớ đã vi phạm tất cả các quy tắc của Ngôi nhà Sự sống và của bố tớ.”

“Vậy thì thêm một quy tắc nữa cũng không chết đâu mà, cậu động viên và cầm lấy tay cô bé.”

Maruk nhắm mắt và bước qua ngưỡng cửa. Khi mở mắt ra, Jason vẫn đứng ngay trước cô bé với cánh tay giơ về phía trước. Khuôn mặt cậu bé được chiếu sáng bởi ánh lửa lập lòe của chiếc đèn dầu, trong khi ở bên trái, khuôn mặt Rick nổi bật dưới ánh sáng ban ngày đang mờ dần, chuyển bầu trời thành một màu cam chuẩn mực. Sàn nhà khô cứng và lạnh lẽo.

“Mặt trời đang lặn,” cô bé nói. “Chúng ta đi đâu đây?”

“Tớ không biết,” Jason trả lời. “Nhưng chỉ chút nữa thôi chúng ta sẽ khám phá ra. Phải không Rick?”

Bàn tay cậu nắm lấy tay Maruk, truyền cho cô bé một làn sóng năng lượng tích cực, đối lập với sự u sầu nặng trĩu của Những Hành Lang Bị Bỏ Quên.

Rick tiến đến gần một bức tượng đứng gác, phủi đi mạng nhện và bỏ hóng phủ trên đó và nhận ra nó thể hiện lá Ấn Chính số 1: Pháp sư.

“Bạn có ý tưởng nào không?” Jason động viên bạn.

“Có thể có,” cậu bạn trả lời, với suy nghĩ thực tế thông thường của mình. “Nếu linh cảm về thời điểm gặp gỡ của chúng ta là đúng, có ít nhất ba căn phòng chúng ta có thể bắt đầu tìm kiếm. Phòng Mặt Trăng, lá Ấn chính số 18. Phòng Sao, lá Ấn chính số 17. Hoặc Phòng Mặt Trời, số 19.”

“*Của người đang yêu và người đi theo, mãi mãi*” Jason lẩm bẩm.

“Trong khi đó, nếu chúng ta muốn mạo hiểm tất cả và đi từ phía ngược lại, có một gian phòng của lá Ấn chính số 6... hay là lá Uyên Ương.” Rick kết thúc.

Jason siết nhẹ tay Maruk, vậy là cô bé hiểu rằng Phòng Uyên Ương sẽ là điểm đến của bọn chúng.

Ba đứa trẻ bắt đầu xuất phát, đi sát cạnh nhau, ánh hoàng hôn kéo dài bóng chúng trên sàn nhà.

Jason nhìn thẳng về phía trước, giơ cao chiếc đèn dầu. Tro tàn phủ lên những chiếc gương khiến hành lang không được soi sáng rõ lắm. Những hốc tường trông như những chiếc miệng đen ngòm rộng ngoác.

Maruk nhìn chăm chăm xuống sàn nhà tối sẫm, và tiếng giày của cô bé vang lên theo mỗi bước đi.

Tại mỗi chỗ giao nhau giữa các hành lang, Rick lại kiểm tra trên cuốn từ điển thứ tự những lá bài của Bộ Ấn chính để quyết định xem nên đi hướng nào.

Bọn trẻ chìm đắm vào mê cung nơi không khí bị ngưng đọng lại đó, không nói với nhau lời nào, nghiền ngẫm những suy nghĩ âm thầm của riêng mình.

Chẳng mấy chốc những chiếc bóng của bọn trẻ bị nuốt trọn bởi một màu đen tuyệt đối phủ kín trần nhà và những bức tường. Trên mặt đất, với mỗi bước chân, chúng lại cuốn tung đồng tro bụi và mảnh vụn giấy cói lên, hoặc giã nát những mẫu gỗ đã cháy thành than. Mắt bọn trẻ đau rát và bắt đầu chảy nước.

“Các cậu đừng chạm vào bất cứ thứ gì và đừng dụi mắt, nhớ lại những lời khuyên của bố mình.” Rick nói. Sau đó cậu cố gắng trở nên lạc quan. “Giờ thì chắc hẳn chúng ta gần tới nơi rồi.”

Từ trần hành lang rủ xuống những tấm mạng nhện phủ bồ hóng. Có cái gì đó chặn mất lối đi.

Jason giơ cao chiếc đèn dầu.

Maruk rú lên, túm chặt tay cậu bé.

Trước mặt bọn chúng là hai bộ xương đang ôm nhau.

Jason nhận ra mình không mấy hoảng sợ. Xét cho cùng, cậu đã nghĩ đến những bộ xương ngay từ bước chân đầu tiên vào Những Hành Lang Bị Bỏ Quên.

Nhẹ nhàng bỏ tay của Maruk ra, cậu đưa chiếc đèn bắc tấm dầu thầu dầu lại gần những bộ xương.

Trên hai bộ xương vẫn còn một phần y phục của họ: bộ xương to hơn của người đàn ông ngồi dựa lưng vào tường ôm lấy bộ xương nhỏ hơn của người đàn bà trong vòng tay, như thể đang che chở, bảo vệ. Mặc dù trông khá rùng rợn, cảnh tượng này vẫn có chút gì đó ngọt ngào đáng kinh ngạc. Jason tưởng tượng ra cảnh lúc họ vẫn còn đang sống, bị bao quanh bởi khói và lửa, ôm chặt lấy nhau, kẹt lại đó và chờ chết.

“Linh hồn của họ không hạnh phúc,” Maruk thì thầm sau lưng cậu, “bởi vì họ chưa được chuẩn bị cho chuyến du hành đến Kiếp sau. Họ còn không có cả lá bùa bọ hung trên trái tim, thứ đáng lẽ sẽ đi cùng họ đến trước thần Thoth và trước cán cân của nữ thần Maat²³ để những hành động của họ được đem ra phân xử.

Jason nhìn Maruk, không hiểu lắm những gì cô bé nói.

Maruk quỳ gối xuống đất và tháo chiếc vòng quanh cổ ra.

Cô bé bắt đầu cầu nguyện, vừa lướt nhẹ vừa nắm chặt những viên đá và miếng kim loại của chiếc vòng cổ như thể nó là chuỗi tràng hạt.

Jason và Rick im lặng kính cẩn đợi cô bé cầu nguyện xong. Sau đó chúng rút ra trong túi hai lá bùa bọ hung đã nhận được khi bước chân vào Ngôi nhà Sự sống và đặt trên hai bộ xương.

“Cầu mong cho họ tìm được sự bình an,” Rick thì thầm trong lúc đi qua hai bộ xương.

Cả ba cứ đi bộ mãi, cho đến khi hành lang dẫn tới một căn phòng lớn hình vuông. Bên trong có hai bức tượng lớn, cao gấp ba lần bọn chúng, đầu những bức tượng bị che lấp bởi những lớp màn bồ hóng đen sì rủ xuống từ trần nhà.

“Đây là...” Rick lẩm bẩm, ngược mắt lên để tìm kiếm một chỉ dẫn liên quan đến Lá bài Uyên ương của bộ Ẩn Chính.

Maruk buông ra một tiếng kêu nhẹ nhõm: trong căn phòng có một cửa sổ lớn nhìn ra sân của Ngôi nhà Sự sống.

Cô bé chạy về hướng bầu trời màu đỏ cam và hướng về đĩa mặt trời vẫn đang lơ lửng trên đường chân trời. Cô đặt tay lên thành cửa sổ và hít hà không khí mát mẻ từ bên ngoài.

“Tớ cảm thấy như được sống lại ấy,” cô bé nói mà không quay về phía những người bạn của mình.

Nếu quay lại, chắc hẳn cô bé sẽ nhìn thấy trang phục và khuôn mặt của hai cậu bạn đen thui, như thể vừa đi qua một cơn mưa tàn tro vậy.

Nhìn đâu cũng chỉ thấy mảnh vụn vỡ và mạng nhện rủ xuống từ hai bức tượng lớn đang đung đưa như bộ quần áo làm bằng voan.

“Hỏa hoạn liệu có thể đã bắt đầu từ đây không?” Jason hỏi, giẫm lên những mẩu than nát vụn dưới chân.

“Tớ không chắc lắm về việc đám cháy lan đi như thế nào,” Rick trả lời. “Nhưng chắc chắn nó đã tàn phá nơi này ghê gớm.”

“Tớ hỏi vậy chỉ để biết liệu đây có phải là căn phòng ông già đó đã gây ra đám cháy hay không thôi mà.”

Rick nhún vai.

“Điều đó làm sao chúng ta biết được?”

Bọn trẻ nhìn đĩa mặt trời đang bắt đầu chậm chậm chạm đến đường chân trời.

“Dù thế nào đi nữa, chúng ta sẽ khó có cơ hội khác.”

Rick mím môi.

“Theo cậu, một cơ hội khác để... làm gì cơ?”

“Để làm những gì ông ấy đã làm.”

Rick cố gắng nhớ lại câu chuyện của ông già.

“Ông ấy nói với chúng tớ là đã dịch chuyển một vài tấm gương... và ánh mặt trời đã đốt cháy những tờ giấy coi. Nếu đó là căn phòng này, nó hẳn phải có gương chứ?”

Rick tiến đến gần cửa sổ để nhìn ra ngoài.

Cậu không nhận ra phần sân mà cánh cửa sổ trông ra, mà chăm chú quan sát chân trời:

“Nếu những chiếc gương bắt được ánh sáng mặt trời thì chúng phải đặt đối diện cửa sổ này... Mặt trời lặn hướng Tây, ở đó... do vậy nó mọc từ hướng đối diện, ở chỗ kia. Vì vậy nếu có gương thì chúng phải ở gần hai bức tượng kia...”

“Isis²⁴ và Osiris²⁵” Maruk lẩm bẩm.

“Gì cơ?”

“Hai bức tượng trong căn phòng này là Isis và Osiris, hai người yêu nhau. Khi Osiris bị Seth²⁶ phản bội bất ngờ giết chết và chặt làm nhiều mảnh, Isis đã đi dọc sông Nil để tìm xác chồng, và khi tìm thấy tất cả các mảnh, bà đã ráp chúng lại, từng miếng một, tạo nên xác ướp đầu tiên. Với pháp thuật của Isis, Osiris đã sống lại.”

Maruk dùng mu bàn tay quệt đi giọt nước mắt lẠc lổng lắn dài trên má, sau đó cô bé nở nụ cười cay đắng như một người trưởng thành.

“Lạ thật: có lẽ đây là bí mật của cuộc đời mà hai người mãi mãi yêu nhau trong khúc ca kia đang tìm kiếm: sự kỳ diệu của tình yêu chiến thắng cả cái chết...”

“Tớ... tớ nghĩ là cậu đúng...” Rick xúc động trả lời.

Jason đến gần những bức tượng, cố nhận ra những đường nét dưới lớp bồ hóng. Giơ chiếc đèn lên quá đầu, cậu có linh cảm nữ thần Isis là bức tượng bên phải: trên cao, ẩn hiện trong bóng tối, cậu thoáng thấy gương mặt một người phụ nữ với những đường nét cao quý. Bàn tay của bức

tượng bị đứt lìa và khuôn mặt của bức tượng, trông như một chiếc mặt nạ đen, đang nhìn về hướng cửa sổ.

Osiris, trái lại, đứng cạnh nhìn Isis.

Jason đặt chiếc đèn xuống đất và dùng tay phủi những lớp tro chất đọng trên bàn chân và cẳng chân của bức tượng Osiris. Cậu nhận thấy nó được cuốn những dải băng tạc bằng đá, dưới đó nhô lên những mầm cây.

“Sự sống sinh ra từ cái chết,” cậu nghĩ.

Cậu bé cúi xuống để lấy chiếc đèn, và bất thành linh cậu nhìn thấy nó: trên đầu của Osiris có cái gì đó vừa phản chiếu ánh đèn và lóe sáng.

“Rick!” Cậu la lên. “Cái gương! Cái gương! Tôi tìm thấy nó rồi: nó ở trên đầu của Osiris!”

Sau lưng bọn trẻ, mặt trời bắt đầu lặn xuống những cồn cát.

“Mình biết là rồi nó sẽ có ích mà!” Rick kêu lên, cuối cùng cũng rút từ trong bọc ra sợi dây mà cậu đã mang đi từ Biệt thự Argo.

Với vài động tác khéo léo, cậu bé tạo được một nút thông lọng, sau đó quăng nó quanh đầu bức tượng Osiris.

“Hy vọng là thần Osiris sẽ tha thứ cho chúng ta vì hành động bất kính này.” Jason lẩm bẩm, trước khi nắm lấy sợi dây để leo lên. “Maruk, hãy đọc vài lời cầu nguyện của cậu đi nhé!”

“Cậu cẩn thận đấy!” Cô bé trả lời.

“Cậu đùa à? Đây chỉ là trò trẻ coon...”

Phần nhô ra bằng đá mà Jason vừa đặt chân lên vỡ ra với một âm thanh khô khốc.

Cậu rơi ụch xuống đất, nhưng đứng lên tức thì, không thềm phủi tro sau lưng. Cảm thấy xấu hổ vì mất hình tượng, cậu ngay lập tức quay trở về với nhiệm vụ.

Nắm chắc sợi dây và tự đẩy mình lên chỉ với sức mạnh của cánh tay, cậu bắt đầu leo lên. Trong nháy mắt, cậu đã đến được chỗ hai bàn tay đan vào nhau của Osiris và ngồi thu mình trên đó, đối diện với khuôn mặt bằng đá của vị thần. Buông sợi dây ra, cậu xé một miếng từ bộ quần áo vải lanh của mình và dùng làm khăn lau.

“Jason,” từ phía dưới Maruk cất tiếng gọi, “mặt trời sắp lặn rồi!”

Cậu bé chà xát bức tượng với tất cả sức mạnh của mình, gỡ bỏ đám mây mờ hóng dày và đen sì khiến cậu không nhìn thấy gì.

Trong vài giây ngắn ngủi mà dài đằng đẵng, cậu nghĩ là mình đã làm. Nhưng cuối cùng tính bướng bỉnh của Jason đã được đền đáp: cậu nhìn thấy thêm một ánh sáng lấp lánh nữa.

Cậu đã đúng: dưới lớp tro đen là bề mặt sáng bóng của một chiếc gương!

“Chắc hẳn phải có một cái gương nữa trên bức tượng của nữ thần Isis!” Jason hét lên, ngay khi chiếc gương bắt đầu lộ ra từ lớp bụi bẩn.

Cậu bé tháo sợi dây từ bức cổ tượng Osiris ra ném xuống đất.

Rick không để lãng phí thời gian, và trong nháy mắt cậu leo lên lòng bức tượng nữ thần. Giống như Jason, cậu dùng một miếng vải xé từ quần áo của mình để lau chùi bức tượng, xóa đi những dấu vết của trận hỏa hoạn, thấy rằng linh cảm của bạn mình đã đúng: trên chiếc vương miện đỏ đang tô điểm cho vàng trán của nữ thần Isis có một chiếc gương nữa.

“Có rồi! Có rồi!” Cậu bé gào lên, vui mừng tột đỉnh.

Đúng lúc đó, tia nắng cuối cùng nhảy nhót trên bầu trời, vượt qua chân trời mênh mông, bắn trúng vào gương mặt của thần Osiris như một mũi tên.

Trong giây lát, Jason thấy mình được bao bọc trong một chùm tia sáng lờ mờ, đi qua cậu từ bên này sang bên kia.

Cậu bé dịch ra, lùi lại về phía vai của bức tượng thần và... không có gì xảy ra cả.

Chính Maruk là người đầu tiên nhận ra sai lầm.

“Họ không nhìn nhau! Hai người yêu nhau không nhìn nhau! Những chiếc gương không phản chiếu vào nhau!”

Đúng vậy: tia nắng mặt trời phản chiếu từ tượng Osiris lên vai của tượng Isis, cách chiếc gương tô điểm cho chiếc vương miện của nữ thần một chút. Và nằm chết gí ở đó.

“Chiếc gương của Isis không di chuyển được! Nó bị kẹt rồi! Rick kêu lên, thử dịch chuyển chiếc gương.”

“VẬY thì đừng di chuyển chiếc gương,” Jason hét lên. “Cậu phải di chuyển bức tượng ấy!”

Cậu bé liêu lĩnh rướn người ra khoảng không và treo mình lủng lẳng trên cánh tay của bức tượng Osiris. Sau đó cậu nhảy xuống đất như một cái lò xo và lao đến chỗ bức tượng nữ thần.

“Người phải dịch chuyển!” Cậu hét lên với bức tượng Isis, dựa tất cả trọng lượng cơ thể mình vào đế của chiếc ngai. “Hãy nhìn... vào mặt... người yêu của người đi!”

Nhưng ánh mặt trời vẫn chỉ rọi vào chiếc gương của Osiris.

“Nhanh lên!” Rick la lên, đưa bàn tay về phía dòng ánh sáng đi qua căn phòng.

Maruk chạy đến gần Jason và bắt đầu đẩy cùng cậu.

Và thật không thể tin nổi... vô cùng chậm chạp... bức tượng đã dịch chuyển.

Tượng Isis dịch chuyển trên những đường rãnh cũ kỹ, nghiền nát đồng tro tàn làm bít những đường rãnh bằng trọng lượng của nó. Bức tượng quay trên chính nó một cách trang trọng và chắc chắn, cho đến khi đối mặt người yêu dấu.

Và khi đôi mắt họ gặp nhau, tia sáng mặt trời nhảy nhót giữa hai chiếc vương miện phản chiếu giữa những chiếc gương như lời chào cuối cùng trước khi đêm xuống.

Vào chính lúc đấy, Rick đang trong vòng tay của Isis, nhìn thấy ngưỡng ánh sáng của Căn phòng không tồn tại.



Nestor khập khiễng băng qua khu vườn dưới cơn mưa to như trút nước. Tiếng nhạc inh tai nhức óc với tiếng trống và ghi-ta điện phát ra từ chiếc ô-tô của Manfred đỗ ở giữa sân.

Giữa đám cây cối, cánh cửa căn nhà phụ mở toang để lọt ra ánh đèn vàng ấm áp.

Nestor quên mất là đã để mở cánh cửa... Ông cúi người xuống, lờ đi cơn đau nhói ở lưng và đi một vòng quanh khu vườn.

“Người đâu rồi? Người đâu rồi?” Ông lẩm bẩm, cố gắng nhận ra đường nét mọi thứ trong bóng tối ướt nhẹp đó.

Ánh đèn của ngọn hải đăng soi sáng khu vườn và cuối cùng Nestor cũng tìm thấy chiếc xe cút kít²⁷ của mình. Chiếc xe nằm sau gốc cây anh đào Nhật Bản, chính tại nơi ông đã để lại khi xong việc.

Ông lấy cái xẻng nằm trong xe cút kít và thử nó bằng cách đâm vào không khí vài lần. Nó không hẳn là một vũ khí, nhưng cũng không hẳn vô hại.

Dù thế nào thì ông cũng phải bằng lòng với nó thôi.

Khi bước vào nhà, ông bắt gặp Manfred đang lục lọi trên bàn làm việc.

“Người hãy cút ngay ra khỏi đây!” Ông Nestor cất giọng oang oang, bóng dáng nổi bật trên cánh cửa, chiếc xẻng cầm ngang trước ngực. “Trước khi ta tổng cổ người ra.”

Manfred giật nảy mình. Hắn bỏ thứ gì đó vào trong túi và quay người đối diện với ông lão làm vườn.

“Cuối cùng ông cũng chịu ra ngoài... Người ta chưa dạy ông là phải hiểu khách sao?”

“Đặt lại thứ mà người vừa lấy vào chỗ cũ đi!”

“Ông nghĩ là tôi đã lấy gì nào?”

Nestor huơ huơ chiếc xẻng.

“Đặt lại thứ mà người đã lấy vào chỗ cũ ngay!”

Manfred giơ hai tay lên.

“Ấy, ấy, đừng có nóng, ông già thân mến...”

Chiếc áo mưa của Manfred làm nước nhỏ giọt trên bàn làm việc và đóng giấy tờ.

Nestor có cảm giác tê tê bàn tay, ông nắm chặt xẻng hơn.

Manfred chỉ lên mũi hắn. Trên đầu hắn là một cặp kính râm đã vỡ.

“Ông nhìn thấy cô bạn nhỏ bé yêu dấu của ông đã làm gì tôi chưa? Con bé đã làm gãy mũi tôi.”

“Cô bé cừ đấy chứ... Người đặt lại thứ mà người đã lấy vào chỗ cũ và rút ra khỏi đây.”

Trong tay Manfred thò ra một chiếc chìa khóa. Nó cũ và gỉ sét, giống như bốn chiếc chìa khóa của Cánh cửa Thời gian.

“Ý ông là cái này hả?” Tài xế của Oblivia Newton lắc đầu nhạo báng. “Tôi không nghĩ là sẽ đưa nó cho ông... Tôi vừa mới tìm ra nó, và có cảm giác là bà chủ của tôi sẽ thích nó vô cùng... Ấy! Hãy cẩn thận với cái xẻng đó!”

Manfred tránh một cú đánh hăm dọa của Nestor.

“CÚT!”

Hai người bắt đầu đi vòng quanh chậm chậm, giữ khoảng cách giữa người này và người kia, như những con thú ăn thịt. Một bên là Nestor với cái xẻng, một bên là Manfred với chiếc chìa khóa giơ cao trên đầu.

“Cô bạn nhỏ bé yêu dấu của ông đã làm tôi thực sự đau đấy,” Manfred nói. “Tôi chỉ muốn viếng thăm các vị, cùng uống một tách trà...”

“Đặt chiếc chìa khóa vào chỗ cũ ngay,” Nestor ra lệnh cho hắn, vung cái xẻng lên.

“Nếu không thì sao?”

“Đặt nó vào chỗ cũ.”

Manfred đứng quay lưng lại phía cửa ra vào và bắt đầu từ từ lùi lại.

“Được rồi, được rồi. Tôi để lại nó cho ông. Dù sao, giờ tôi cũng biết nó để ở đâu rồi. Tôi có thể đến lấy lại nó trong vài ngày nữa, lúc nào chẳng được.”

Hắn đi giật lùi trên khoảng sân trong lát gỗ bao quanh nhà phụ, sau đó bước xuống hai bậc thang dẫn ra vườn.

“Có thể tôi sẽ trở lại khi có tất cả bọn trẻ, ông nghĩ sao?”

“Đặt chiếc chìa khóa xuống đất. Đi ra xe của người và biến đi.”

Manfred chậm chậm hạ bàn tay nắm chặt chìa khóa xuống, như thể để tuân lệnh của Nestor.

“Lũ trẻ đâu rồi? Ông giữ bọn chúng ở trong nhà sao? Hay ông đã gửi chúng nó đi đâu đó rồi... theo dấu vết của Ulysses Moore?”

Nestor giật dữ bỏ cái xẻng xuống mặt sàn gỗ của sân trong. Manfred bật lên như một con chim cắt và túm lấy cái xẻng bằng tay không. Sau đó hắn giật mạnh một cái.

Người làm vườn mất thăng bằng ngã xuống đất, lăn tròn trên bãi cỏ.

Khi chạm đất, Nestor có cảm giác tất cả những chiếc xương của mình đã gãy vụn.

Đằng sau ông, Manfred nhét chiếc chìa khóa lại vào trong túi áo mưa.

“Tiếc thật, ông già thân mến. Dù sao thì ông cũng khá đấy...”

Nestor cố gắng đứng dậy. Cơn mưa lạnh buốt rơi thẳng xuống ông.

Bằng cách nào đó, ông xoay sở đứng được trên đầu gối và... từ đuôi mắt ông nhìn thấy cái xẻng đang bổ xuống về phía mình.

Ông nhảy ra một bên, tránh cú đánh trong gang tấc.

“Với một người ở độ tuổi này thì ông có phản xạ tốt đấy!” Manfred cười khẩy.

Cú đá của Nestor trúng ngay giữa bụng Manfred.

Bị bất ngờ, Manfred bật ho và gập người lại. Chiếc kính râm rơi xuống đất và hắn bắt đầu điên cuồng lần mò trên mặt đất để lấy lại nó.

“Lẽ ra ông không nên làm điều này, ông già! Bây giờ ông đã làm tôi thực sự nổi điên rồi đấy...”

Hắn giơ chiếc xẻng lên lần thứ hai.

Đúng lúc đó, tiếng nhạc từ chiếc đài trong xe im bật.

Chương 20. Chìa khóa âm thanh

Trong khi mặt trời chầm chậm khuất sau đường chân trời, ba đứa trẻ lấm lem bồ hóng ra khỏi Ngôi nhà Sự sống và vội vã chạy nhanh tới một mặt nước vuông tới mức hoàn hảo. Ở giữa nổi lên một bức tượng nữ thần Hathor, nữ thần tình yêu và âm nhạc, với hình dạng nửa người, nửa bò.

Chỉ đến khi tới gần chiếc bể, bọn trẻ mới dừng lại để lấy hơi.

“Cậu chắc là nó ở đây chứ?” Jason hỏi Rick.

“Cực kỳ chắc chắn. Tia nắng chiếu chính xác vào... đây!”

Rick quỳ xuống đất và dùng tay gạt bỏ lớp cỏ mọc quanh gờ đá của chiếc bể.

“Đây rồi! Chúng ta làm được rồi!” Cậu bé mừng rỡ rít, thọc tay xuống đất và tìm thấy một lớp đất ẩm và mềm.

Maruk và Jason quỳ xuống bên cạnh để giúp cậu. Lớp cỏ bung ra từng túm cùng với những cục đất lớn. Bên dưới bọn trẻ tìm thấy một chấn song bằng đá được khắc hình một chiếc chuông, chắn ngang bởi tám thanh gân mỏng cũng bằng đá. Nó có vẻ giống một lỗ cống, hoặc một lối thoát nước.

“Đây là ngưỡng cửa ánh sáng!” Rick kêu lên. “Cậu lấy một hòn sỏi nhỏ và ném nó vào giữa hai chấn song, để nó rơi vào khoảng không.”

Viên sỏi chạm vào thứ gì đó giống kim loại, sau đó nảy lên trên một bề mặt cứng và nảy thêm ba cái nữa.

“Có một cái cầu thang ở dưới này...” Jason đoán, cúi xuống để cố đưa ánh sáng vào khoảng không gian tối om đó.

Maruk thì đứng dậy nhìn xung quanh. Bọn trẻ đang ở trong một ốc đảo nhỏ ít người lui tới, có thể bởi vì nó ở gần Những Hành Lang Bị Bỏ Quên.

“Nó thực sự ở dưới tầm mắt tất cả mọi người,” Rick lầm bầm. “Ai mà biết được có bao nhiêu người đã đến gần đây để bàn bạc mà không hề nhận ra khe hở này, hoặc chỉ nghĩ nó là một đường ống thoát nước đơn giản cơ chứ.”

Dưới chấn song mở ra một lối đi rất hẹp, vừa đủ cho một người đi qua.

Jason tóm lấy một thanh đá mỏng và thử kéo nó lên cao, làm cho toàn bộ chấn song kêu leng keng một cách kỳ lạ. Tuy nhiên chấn song không

nâng lên.

“Hắn nó bị kẹt rồi,” cậu thở hỗn hển, thử tiếp lần thứ hai, rồi thứ ba. “Ai biết được đã bao lâu... nó không... mở chứ!”

Sau nỗ lực thứ tư, cậu bé đầu hàng, buông người ngã ngửa ra mặt cỏ.

“Tớ nghĩ là nó đã bị đóng chặt thì đúng hơn,” Rick nhận ra vấn đề.

“Các cậu có nghe thấy tiếng động đó không?” Maruk hỏi. “Bài hát nói về một chiếc chìa khóa âm thanh...”

Trong khi cố gắng hiểu xem điều gì đã gây ra tiếng leng keng kỳ lạ đó, Rick nhận thấy dưới tám thanh mỏng bằng đá tạo nên chấn song có treo những chiếc đĩa đồng kỳ lạ, lủng lẳng trong khoảng không. Luồn những ngón tay qua những thanh mỏng, cậu lắc những chiếc đĩa đồng, tạo ra âm thanh mà chúng đã nghe thấy trước đây.

“Chẳng có cái khóa nào cả. Chẳng có gì hết, chỉ có những chiếc... chuông kỳ lạ này,” cậu quan sát.

Không đầu hàng, cậu bé đặt đèn lên chấn song và nằm úp bụng xuống đất để kiểm tra lại lần nữa: những chiếc chuông được treo trên các thanh mỏng bằng một sợi dây đồng và chúng có thể trượt từ trái sang phải, thay đổi vị trí. Và khi thay đổi vị trí, chúng thay đổi cả âm thanh nữa.

“Thế có nghĩa gì vậy?” Jason tự hỏi, gãi đầu với bàn tay dính đầy đất.

Maruk định nói gì đó, nhưng rồi cô bé cắn môi và lắc đầu.

Rick chăm chú quan sát lại những chiếc chuông: tất cả đều chuyển động, dù dường như chúng được nối với nhau theo một cách nào đó. Cậu đếm: có mười sáu chiếc, mỗi thanh ngang có hai chiếc.

“Tớ không hiểu gì cả,” cậu kết luận. “Tớ không hiểu mình nên làm gì nữa.”

“Có thể đó là... một chiếc sistrum lớn chẳng?” lúc đó Maruk bạo dạn cất tiếng hỏi. Đây là lần đầu tiên cô bé thấy những người bạn của mình gặp khó khăn trước một câu đố... mà với cô bé có vẻ tầm thường.

“Cậu nói gì cơ?” Jason hỏi.

“Sistrum: một nhạc cụ ấy,” cô bé nhắc lại, tay chỉ vào bức tượng nữ thần Hathor, vị thần bảo hộ cho âm nhạc, đang cầm trong tay một chiếc sistrum.

Và bởi vì hai cậu bạn không trả lời, cô bé tiếp tục. “Đó là một nhạc khí thuộc bộ gõ, có thể được sắp đặt theo cách khác nhau tùy theo bài hát mà nó đệm.”

“Và cậu biết... sắp đặt nó chứ?” Jason hỏi.

“Tớ hơi chậm một chút trong các giờ học âm nhạc, nhưng việc đó không khó lắm.”

Maruk tiến gần đến chấn song và kiểm tra vị trí của những chiếc chuông.

“Tớ phải sắp đặt nó theo bài hát nào?”

“Cho *Khúc ca về hai người yêu nhau!*” hai đứa trẻ đến từ Kilmore Cove đồng thanh trả lời.

Maruk áp mình xuống lỗ hổng và bắt đầu di chuyển vị trí của những chiếc chuông dọc theo những thanh xà bằng đá, cho đến khi cô bé hài lòng với âm thanh mà chúng phát ra.

“Xong rồi,” cô bé vừa nói vừa đứng dậy.

“Xong gì cơ?” Jason hỏi cô bé. “Có gì xảy ra đâu.”

“Có thể không phải xảy ra điều gì đặc biệt cả,” Rick nói. Cậu bé cúi xuống tóm lấy chấn song và kéo nó lên. Một lần nữa nó lại kêu lên leng keng, vẻ chững chạc.

Nhưng khi Rick gần buông tay thì chấn song rời ra một vài phân và chậm chậm nâng lên.

Cậu bé tóc đỏ mất thăng bằng, ngã về phía sau nhưng Jason đã đỡ được và giúp cậu đặt chấn song lên cỏ, cạnh lỗ hổng.

Bọn trẻ lật ngược chấn song ra và cuối cùng chúng cũng hiểu lỗ hổng ấy hoạt động như thế nào: những chiếc chuông được nối với nhau bằng một hệ thống gồm những quả cân và dây. Nếu đặt chúng vào vị trí đúng, hệ thống dây sẽ buông ra một sợi dây lớn duy nhất, vô cùng chắc chắn, sợi dây này chặn chấn song từ phía dưới bằng cách gắn nó vào tường.

“Một chiếc khóa vô cùng khéo léo,” Rick bình luận, say mê ngắm nhìn tất cả những sợi dây.

Jason cầm lấy chiếc đèn nhựa thau dầu và đưa nó gần đến cửa vào. Tim cậu đập mạnh liên hồi như trống nện.

“Cười vào mặt tất cả những ai đã không tin chúng ta! Đi nào!” Cậu reo lên, đặt chân lên bậc đầu tiên của chiếc thang được đục vào đá, dẫn xuống dưới theo hình xoắn ốc.

Khi cảm thấy bàn tay của cô bé người Ai Cập trên vai, cậu quay lại:

“Cậu tuyệt thật ấy!” Cô bé nói với cậu.

Jason mỉm cười.

“Cậu mới tuyệt, với cái đàn sistrum đó...”

“Vậy thì, tất cả chúng ta đều tuyệt!” Cô bé tuyên bố, đặt bàn tay kia lên vai Rick.

“Chỉ là may mắn thôi,” cậu tự giễu.

“May mắn!” Jason nhận xét, nhắc chiếc đèn lên. “Lá Ân chính số 10.”

“Vậy có nghĩa là may mắn cũng là một phần của trò chơi này,” Maruk kết luận.

Bọn trẻ bắt đầu đi xuống.

Cầu thang rất dốc và không chắc chắn. Các bậc thang gần như chỉ chừa đủ chỗ để đặt gót chân và cao không đều nhau, đến mức khiến mỗi bước chân trở thành một cú bước hú họa vào trong bóng tối.

“Tuy nhiên bài hát không nói về điều này,” Jason càu nhàu, cậu dẫn đường với chiếc đèn đang lung lay như đèn tàu trong cơn bão.

Có một mùi bức bí, ngọt ngào và ẩm mốc. Chiếc đèn làm rách toạc những tấm mạng nhện, dày và nặng như những chiếc rèm. Và rồi bọn trẻ nghe thấy tiếng động nhốn nháo chạy trốn trong bóng tối, bị làm phiền bởi sự đột nhập không mong đợi này. Không biết hàng bao nhiêu năm trời mới có ai đó đặt chân vào trong này.

“Chúng ta đến nơi rồi!” Jason thành linh nói, khi cậu bé không tìm thấy bậc thang tiếp theo nữa. “Chúng ta đã đến cuối đường rồi!”

Cậu bé giơ cao chiếc đèn phủ đầy mạng nhện và cuối cùng, soi sáng Căn phòng không tồn tại.



Julia đứng sau cửa sổ nhìn ra. Và khi nhìn thấy Nestor ngã xuống đất, cô bé không kịp nghĩ ngợi gì nữa, lao vọt ra khỏi phòng khách và nhảy xuống cầu thang, chạy qua sân hiên lấp kính, hướng thẳng đến chiếc xe của Manfred. Julia phải tìm ra một cách nào đó để làm hấn phân tán và cô đã làm điều duy nhất xuất hiện trong đầu: leo lên xe hấn, vừa tắt đèn pha vừa tắt thứ nhạc chói tai đó đi, sau đó cô chuồn ra ngoài, trốn sau tấm chắn bùn.

“Á!” Manfred kêu lên dưới cơn mưa lạnh giá. “Ta nghĩ là con mèo nhỏ đã ra khỏi cũi rồi...”

“Julia, không!” Nestor hét lên từ dưới mặt đất. “Quay trở vào trong ngay! Đóng cửa lại! Đừng để hấn vào trong!”

Cách cô bé vài bước chân, cánh cửa Biệt thự Argo mở toang, nhưng Julia vẫn trốn sau tấm chắn bùn.

“ĐÓNG CỬA LẠI!” Nestor hét lên lần nữa.

Manfred bắt đầu chạy để thử xông vào trong ngôi nhà.

Julia ở yên cho đến phút cuối cùng, khi cô bé nhìn thấy bóng gã đàn ông mặc áo mưa lao gần đến cạnh tấm chắn bùn của chiếc xe.

Chính lúc đó, cô bé nhảy bật ra như một chiếc lò xo, ngáng chân hấn.

Manfred một lần nữa không hiểu vì sao mình lại ngã nhào. Vừa lúc trước hấn vẫn còn đang chạy. Lúc sau hấn đã nằm sấp trên đất, thờ hồn hển. Khi mở mắt ra, hấn thấy trước mặt là một vũng nước giữa đám sỏi. Và ở giữa vũng nước đấy, nhìn giống như xác một con tàu nhỏ, là chiếc chìa khóa mà hấn đã rút trộm từ bàn làm việc của người làm vườn bị văng ra từ túi áo mưa.

Đúng lúc đó Julia rời khỏi chỗ ẩn náu và cúi xuống nhặt lấy chiếc khóa. Sau đó cô bé quay lại để trở vào nhà. Nhưng giữa cô bé và lối vào duy nhất đang mở của Biệt thự Argo là tay tài xế của Oblivia Newton.

Ánh hải đăng quay quay.

“Julia!” Ông Nestor hét lên dưới mưa. “Hãy chạy ra đằng kia! Trốn đi!”

Julia không để ông lặp lại đến lần thứ hai. Cô bé quay người và bắt đầu chạy dưới cơn mưa. Cô bé nghe thấy Manfred đứng dậy, gầm gừ điều gì đó.

Julia chạy cho tới khi thấy mình mặt đối mặt với biển. Cô đã đến bờ vách đá Salton Cliff, nơi bắt đầu những lối thang đi xuống.

Là nơi mà hôm trước Jason đã rơi xuống.

Cô bé quay người, nheo mắt lại để nhìn rõ bóng dáng của Manfred dưới cơn mưa, sau đó giơ chiếc chìa khóa lên quá đầu.

“Hãy đến đây mà lấy nó này, nếu ông thực sự muốn nó!” Cô bé hét lên.
“Hãy đến đây mà lấy nó nếu ông có can đảm!”

Gió thổi tung tóc cô bé.

Trong vườn, gã đàn ông nhìn cánh cửa mở toang của Biệt thự Argo trước tiên, sau đó nhìn cô. Trông hắn như thể một con voi ma mút cuộn trong chiếc áo mưa vậy.

“Julia, không! Hãy chạy ra đằng kia!” Ông Nestor cũng đã đứng dậy được.

Manfred suy nghĩ một lúc, sau đó đưa ra quyết định. Hắn bắt đầu tiến lại gần.

“Đưa tao chiếc chìa khóa!”

Julia mỉm cười với hắn. Thực ra tim cô nhóc chỉ chực nổ tung vì sợ hãi, nhưng người làm chủ cuộc chơi là cô.

“Đưa tao chiếc chìa khóa... đồ oắt con! Manfred lặp lại trong khi một tiếng sấm nổ lớn trên đầu.”

Ánh hải đăng quay quay.

“Nếu ông tiến thêm một bước nữa, tôi sẽ ném nó xuống biển!”

Manfred dừng lại cách cô bé ba bước, với chiếc áo mưa lấp lóa trong cơn mưa.

“Cẩn thận với những gì mày đang làm đấy, nhóc con...” Hắn đe dọa.

“Người mới cần phải cẩn thận, Julia trả lời, đầu ngón tay lúc lắc chiếc chìa khoá để nó không bị rơi xuống...”

“Julia!” Phía sau Manfred, Nestor gào lên.

“Người ông yêu quý của người đang gọi kìa, nhóc,” Manfred cười nhản nhỏ. “Sao người không trả lời lão đi?”

“Bởi vì tôi đang bận nói chuyện với một con lợn to béo mặc áo mưa,” cô bé đáp trả.

Con lợn lao lên phía trước. Gã nhảy qua ba bước ngăn cách hẳn với Julia chỉ trong nháy mắt.

Nhưng cô bé đã lường trước được việc này, và cô bé đích thị là Julia Covenant, vô địch thể dục nghệ thuật dụng cụ, người chạy nước rút không thể đánh bại trong các cuộc đua tốc độ và là tay đập bóng số một trong đội bóng chuyên của trường.

Với một động tác uyển chuyển, cô bé dịch người qua một bên và ném chiếc chìa khóa qua vách đá. Một đồng ướn nhẹ lập tức sượt qua mặt cô bé.

Ánh hải đăng quay quay.

Và khi lao qua phía bên kia, Manfred biến mất vào khoảng không.

Chương 21. Căn phòng không tồn tại

Jason lia chiếc đèn dầu tạo một vòng cung ánh sáng trước mặt mình. Căn phòng không tồn tại hẹp và sâu. Đây là một nơi cũ kỹ và tối tăm, được đào trong đá và chằng đầy mạng nhện. Ánh đèn của Jason run rẩy mờ hồ trong môi trường thiếu ôxi, chiếu sáng một hàng quan tài bằng vàng, dựng đứng ở hai bên tường như lính canh. Giữa hai hàng quan tài là một

con đường nhỏ hẹp bằng đá, dẫn tới một nơi tựa như bệ thờ chất đầy những đồ vật phủ bụi.

“Họ là ai?” Jason thì thầm, chiếu ánh sáng nhợt nhạt lên gương mặt của các bộ quan tài được chạm khắc bằng vàng. Chúng có nét mặt nghiêm nghị và cũ kỹ khó tin, như thể của người ngoài hành tinh vậy.

“Họ là những Người Sáng Lập,” Maruk thì thầm. “Những người đến từ biển khơi và xây dựng Ngôi nhà Sự sống.”

Những Người Sáng Lập nhìn thẳng về phía trước, bất động và trông khắc khổ trong những bộ áo dài bằng đá. Cánh tay họ buông dọc theo cơ thể còn chân đặt trên một chiếc mai rùa.

Bọn trẻ im lặng tận hưởng sự yên tĩnh tôn nghiêm của nơi này.

“Các cậu nhìn xem... Ông già đã không nói dối chúng ta!” sau một lúc, Rick quỳ gối xuống đất và cất tiếng. “Chính xác tại cuối cầu thang có ba đồ vật nhỏ bị phủ bụi: ba con rùa nhỏ xíu bằng ngà.”

Ba con rùa: chính là thứ mà bọn trẻ đã tìm thấy trên thanh dầm của cánh cửa trong hang Salton Cliff.

Jason nuốt nước bọt một cách khó nhọc, sau đó cậu quay lại nhìn Căn phòng không tồn tại.

Cậu bé bước lên trước một bước và dường như cậu đang đi trên một lớp tuyết mỏng, bởi vì trước khi chạm xuống sàn nhà đá cứng, chân cậu lún sâu vài phân dưới cát.

“Tớ nghĩ là chúng ta cần đến chỗ bệ thờ,” Jason gợi ý.

Ánh đèn rung rinh trên gương mặt bất động của những quan tài.

Maruk tiến một bước sau cậu. Cô bé một lần nữa tháo chiếc vòng cổ ra và giữ chặt nó bằng cả hai bàn tay đang trắng bệch vì căng thẳng.

Rick đi cuối hàng, lo lắng nhìn xung quanh.

Cậu cảm thấy không thoải mái khi ở đây, trong vương quốc tĩnh lặng này... Cậu có cảm giác như đang quấy rối giấc ngủ của những Người Sáng Lập...

Căn phòng đầy những tiếng vọng kỳ lạ, như tiếng thành thị xa xăm hoặc tiếng giọt nước rơi xuống đâu đó. Rick có cảm giác như mình còn

nghe thấy những tiếng rin rít khe khẽ, nhưng cậu nghĩ chúng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng thôi.

Chậm chậm từng bước một, ba người bạn tiến về phía bệ thờ đầy những đồ vật, dưới ánh nhìn vô hồn của những Người Sáng Lập.

“Chúng ta sắp đến rồi,” Jason lẩm bẩm, gạt bỏ mạng nhện và bóng tối để tìm kiếm một thứ gì đó có thể đứng bản đồ.

Rồi bất thành linh, cậu bé đứng khựng lại.

“Maruk, có chuyện gì thế?” Cậu bé hỏi.

“Không có gì, sao vậy?” Cô bé trả lời từ phía sau cậu.

“Vậy thì cậu có thể bỏ cánh tay ra khỏi vai tớ được chứ? Tớ không thể đi tiếp được...”

“Tớ có đặt cánh tay lên vai cậu đâu...”

Ánh sáng của ngọn đèn khế lung lay.

“Nếu không phải là tay cậu,” Jason thì thầm vô cùng chậm rãi, “vậy thì... cái gì trên vai tớ thế...?”

“Jason, giờ cao đèn lên. Tớ chẳng nhìn thấy gì cả.”

Rick lập tức quay lại nhìn hai hàng quan tài, và trong giây lát dường như cậu đã thấy có thứ gì đó di chuyển gần một trong những chiếc quan tài.

Jason chậm chậm giờ chiếc đèn lên, cho đến khi nó chiếu sáng vai trái của cậu.

“Ôi không!” Maruk hét lên. “Ôi không, Jason!”

Cậu bé quay đầu chậm chậm từng li một.

Một cái gì đó kêu phì phì trên vai cậu bé và nhìn cậu với cặp mắt vàng, lớn như quả óc chó.

Một con rắn.

Jason cố kiềm chế để không hét lên, và đập con rắn bằng bàn tay đang cầm đèn. Con bò sát rơi xuống đất, cuộn mình trên cát và lẩn vào trong bóng tối.

“Phù... mọi việc ổn rồi!” Jason kêu lên nhẹ nhõm. Và cậu giờ chiếc đèn lên để soi rõ hơn.

Khi nhìn thấy những thứ đang bao quanh cả bọn, Maruk thét lên. Ở xa hơn, Rick đứng bất động, tê liệt.

Rắn ở khắp nơi: rơi xuống từ trần nhà, bò dưới lớp cát phủ trên sàn nhà và chui ra từ những chiếc quan tài, xoắn xít vào nhau. Bọn chúng quẩn lầy, và cắn nhau không vì cái gì, cố gắng trườn lại vào trong bóng tối. Đường như việc lũ trẻ đến đây đã đánh thức chúng.

“Rick?” Jason thì thầm. “Chúng ta làm gì đây?”

Những con rắn lột độp rơi từ trên cao xuống đất.

“Rick?”

“Suyt! Tớ... tớ đang nghĩ...”

“Cậu có thể nghĩ nhanh lên được không?”

Maruk lẩm bẩm điều gì đó.

“Loài rắn... bị... điếc,” Rick nhớ ra trong lúc cố gắng nhớ lại tất cả những gì cậu biết về loài bò sát này. “Thứ làm phiền chúng là... những rung động.”

“Vậy thì... chúng ta đừng động đậy, được chứ?”

“Và... tớ nghĩ là chúng sợ lửa... và có thể là ánh sáng.”

“Ồ tuyệt. Vô cùng tuyệt. Chúng ta có một cái đèn đang cháy.”

Jason dùng đèn vạch một vòng tròn ánh sáng xung quanh chân cả bọn, đuổi đi một đồng rắn nhầy nhụa và đang thở phì phì. Maruk hét lên.

“Tớ nghĩ tốt hơn là nên đi khỏi đây càng nhanh càng tốt,” Rick nói. “Giờ lũ quái vật này vẫn còn đang uế oải, nhưng...”

“Theo cậu chúng có độc không?”

“Tớ không biết. Có thể chúng...”

“Để tớ thử xem!” Jason thành linh tuyên bố. “Tớ đang ở gần đến nỗi sắp chạm được vào bệ thờ rồi.”

Rick sợ hãi mở to mắt.

“Không, Jason! Đừng làm chuyện điên rồ! Chúng ta phải lùi chậm chậm cho đến chỗ cầu thang. Và sau đó biến khỏi đây, cho đến khi chúng ta còn sống!”

“Rick, tớ chỉ cách bệ thờ có một mét...”

“Nhưng sàn nhà đầy lũ rắn độc!” Maruk kêu lên.

“Có thể chúng chỉ đáng kinh tởm thôi,” Jason nói. “Các cậu đứng yên đó!”

“Jason!”

Cậu bé giơ cao đèn và bước thêm hai bước về phía trước.

Bệ thờ ngổn ngang đủ loại đồ vật, tất cả đều phủ cát, bụi và mạng nhện: những chiếc chum chứa đầy trang sức, tượng đá nhỏ xíu, lược, giấy cói cuộn tròn, hộp gỗ...

“Suy luận đi nào Jason, suy luận đi nào...” Jason tự nhủ khi bước thêm bước thứ ba. Tấm bản đồ của Kilmore Cove có thể ở bất cứ đâu, ẩn trong đồng đồ kia.

Maruk cất tiếng rên rỉ và Jason quay lại, làm rung rinh cái đèn.

Sau đó cậu trở lại tập trung vào những gì đang ở phía trước.

“Suy luận đi nào Jason...” Một lần nữa cậu tự nhủ thầm, nghĩ lại tờ giấy cói mà cậu tìm thấy trong hốc tường. *Tái bút: Tôi thích cất giấu tấm bản đồ tại Căn phòng không tồn tại.*

Tấm bản đồ không thể ở đó quá lâu được. Có thể được một vài năm. Không hơn.

Jason xòe rộng lòng bàn tay và bắt đầu sờ vào bề mặt của bệ thờ mà theo cậu là có ít mạng nhện và bụi nhất.

Một chiếc hộp, một cái kẹp tóc, một bức tượng nhỏ mạ vàng... Chính xác là cậu đang tìm cái gì?

“Jason!” Rick gọi cậu từ phía sau. “Đi thôi! Tớ nghe thấy chúng đang bò xung quanh chân tớ rồi...”

Tay Jason trượt trên đám bụi, sờ vào những đồ vật và nhấc lên vài món.

Tấm bản đồ. Tấm bản đồ của Kilmore Cove... Nó ở đâu? Ở một chỗ an toàn...

Có thể là, Jason nghĩ, người mang nó đến đây đã cố tình giấu nó trong những đồ vật cổ nhất của căn phòng để đánh lừa ai muốn tìm thấy nó. Suy luận đi, Jason. Hoặc đừng suy luận gì hết. Và hãy để bản năng dẫn dắt.

Cậu bé hạ cái đèn xuống và đặt nó dưới đất, phía sau mình.

“Jason?”

Sau đó cậu bé nhắm mắt và tưởng tượng. Cậu tưởng tượng mình đi vào trong căn phòng này để cất giấu tấm bản đồ. Một tấm bản đồ quan trọng. Một tấm bản đồ mà Oblivia Newton không được tìm ra. Cậu tưởng tượng rằng mình đã khám phá ra căn phòng bí mật nhất của Ngôi nhà Sự sống. Một căn phòng được bảo vệ bằng răn độc sa mạc.

Cậu cảm thấy mạch máu đập dồn lên mang tai, sau đó đập vang vang trong đầu, át đi mọi âm thanh khác.

Jason hít vào.

Cậu ngửa bàn tay để lòng bàn tay hướng lên trên và luồn vào dưới bệ thờ. Cậu chạm vào đá, sau đó ấn nhẹ.

Tạch.

Cái gì đó vừa nhẹ rời ra từ phía dưới bệ thờ và rơi vào lòng bàn tay cậu.

Jason mở mắt, nhưng trong một chốc cậu chỉ nhìn thấy một đồng xám xịt, bởi cậu nhắm chặt đến nỗi đau cả mắt.

Khi thu tay lại, cậu bé nhận ra mình đang nắm chặt một khung gỗ dẹt.

Cậu bé quay người và quan sát nó dưới ánh đèn.

Đó là một bản in màu xưa của một tấm bản đồ. Ở phía dưới, trong một ô vuông được trang trí, nổi lên dòng chữ:

Tấm bản đồ chính xác đầu tiên và duy nhất
về ngôi làng ở Cornovaglia mang tên

KILMORE COVE

Của Thos Bowen. London

Jason há hốc miệng. Sau đó cậu đưa mắt lên nhìn những người khác và hét lớn:

“Tớ tìm thấy rồi! Tớ tìm thấy rồi! Chúng ta có tấm bản đồ của Kilmore Cove rồi!”

Vào đúng lúc đó, ánh sáng của cây đèn thau dầu phụt tắt.

Chương 22. Thời điểm quyết định

Trong bóng tối của căn phòng, Jason nắm chặt chiếc khung, Rick hét lên và Maruk bắt đầu lớn tiếng cầu nguyện nhưng cứ nhỏ dần cho đến khi cô bé chỉ còn thì thào.

Bọn chúng đang bị vây quanh bởi một màn đêm nhưng nhúc và đầy tiếng phì phì.

“Các cậu đứng yên!” Rick kêu lên, bắt đầu lục lọi trong cái bọc.

“Ai di chuyển chứ?” Maruk trả lời, cắt ngang bài cầu nguyện của mình một lúc.

Rick lục lọi thêm một chút, sau đó cuối cùng cũng bật được một que diêm lên.

Khuôn mặt hoảng sợ của cậu bé hiện lên dưới quầng ánh sáng run rẩy.

“Chúng ta phải tắt lại chiếc đèn! Jason, cậu chuyển nó cho Maruk mau!”

Jason cúi xuống trong bóng tối và dò dẫm túm lấy chân đèn. Khi que diêm tắt, Rick quẹt thêm chiếc thứ hai.

“Sao cậu không sớm đưa diêm cho tớ chứ?” Jason càu nhàu.

“Cố lên, chuyển nó cho Maruk!”

Jason bước một bước lên phía trước và đưa chiếc đèn cho cô bé.

“Lấy được rồi!” Cô bé vui mừng.

Que diêm trên tay Rick vụt tắt, và cậu bắt đầu lục lọi để quẹt thêm chiếc thứ ba.

“Maruk, bây giờ cậu hãy lùi một bước và chuyển cho tớ chiếc...”

Cậu bé không kịp nói hết. Một con rắn rơi đúng vào đầu Maruk, cô bé hét lên thất thanh và dùng chiếc đèn để hất con vật nhốt lạnh ra xa khỏi mình.

Chiếc đèn đập vào một trong những quan tài của Những Người Sáng Lập rồi vỡ tan, và Maruk bắt đầu vừa chạy vừa la hét về phía lối ra, lôi theo tất cả những gì mà cô bé gặp, bao gồm cả Rick.

“Chạy thôi!” Jason kêu lên, cả cậu cũng bắt đầu chạy.

Không ngừng la hét, ba đứa trẻ lao hối hả lên những bậc thang và thoát ra bình an vô sự trong khu vườn.

Nhưng khi vừa thoát ra ngoài, bọn trẻ không có cả thời gian để kịp vui mừng về việc vẫn còn sống, đối diện với bọn chúng là gã thanh niên người Ai Cập đang cầm trong tay con dao sáng bóng.

“Ta khuyên các người hãy khôn ngoan và đứng yên đó, lũ nhóc.” Gã thanh niên đe dọa Maruk và Rick, bắt chúng đứng thành hàng dựa lưng vào thành bể.

Rồi hẳn tóm lấy Jason đang cố luồn xuống dưới, và đẩy cậu đứng cạnh hai đứa trẻ kia.

“Tốt tốt!” Đằng sau gã thanh niên vang lên giọng của Oblivia Newton. “Những nhà thám hiểm anh hùng đã trở về từ sứ mệnh của mình rồi đây!”

Sau lưng cô ta, bầu trời đỏ như máu.

Oblivia hướng thẳng về phía Jason, cậu bé đang cố tìm mọi cách giấu sau lưng tấm bản đồ quý giá.

“Ta nhìn thấy gì đây? Cậu nhóc Jason Covenant!”

“Bà muốn gì?” Cậu bé nói, cố gắng lùi về mép bể một cách vô ích.

Oblivia cúi người về phía cậu.

“Thực sự là người vẫn chưa hiểu sao?”

Bằng một cử chỉ, cô ta ra lệnh cho gã thanh niên người Ai Cập lấy tấm bản đồ.

“Không!” Jason hét lên, cố gắng chống lại bằng tất cả sức lực của mình.

Sau đó cậu bị đập một cú rất mạnh vào đầu và ngã quy xuống đất.

“Ồ hèn nhất!” Tới lúc đó Rick bật lại, nhưng chính cậu cũng phải hứng trọn một cú đá khiến cậu quằn quại trên đất.

Maruk cúi xuống để giúp những người bạn của mình, rồi ngược lên quát Oblivia đầy khinh bỉ:

“Quân ăn cướp!”

Quý cô từ Kilmore Cove giật lại chiếc khung từ tay người thanh niên và ném cho Maruk một cái nhìn khinh khỉnh.

“Còn người là ai, với kiểu tóc nực cười đó? Julia trứ danh đó sao?”

“Ta là Maruk, con gái của Bậc thầy Thư lại.”

“Ồ, tệt thật, xin thứ lỗi!” Oblivia Newton kêu lên, trong khi vẫn tập trung vào những gì cô ta có trên tay.

Với một động tác quyết đoán, cô ta xé chiếc khung làm đôi, rút ra tấm bản đồ và thỏa mãn trải nó ra trước mặt.

“Đúng là người rồi... Ta đã tìm kiếm người bao lâu, tấm bản đồ của Kilmore Cove! Độc nhất, quý giá... và cuối cùng là của ta!”

“Quân ăn cướp!” Maruk hét to hơn.

“Dìm chết con bé đi,” Oblivia ra lệnh cho gã thanh niên, vẫn không rời mắt khỏi bản in mà cô ta có trong tay. “Và vứt hai đứa còn lại làm mồi cho lũ rắn.”

Oblivia Newton cuộn tấm bản đồ lại và giấu nó dưới bộ quần áo.

Gã thanh niên giơ cao con dao và tiến lại gần Maruk một cách đầy hăm dọa. Jason nằm dưới đất bất tỉnh, trong khi Rick, sau cú đá mà cậu vừa hứng, chật vật đứng dậy.

“Dừng tay!” Một giọng nói hống hách vang lên.

Và ông già chủ Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên loạng choạng bước ra từ trong bóng tối.

“Thỏa thuận đã rõ ràng, ha!” Ông già gầm gừ, tiến lại gần trên đôi chân đau nhức. “Tấm bản đồ là của người và lũ trẻ là của ta.”

“Hãy làm gì mà ông muốn, ông già,” Oblivia trả lời. “Đã đến lúc ta phải đi rồi.”

“Ha ha! Tuyệt! Thực sự tuyệt. Và nếu người muốn biết, thì Talos và ta thực sự hy vọng rằng không bao giờ gặp lại người nữa. Dìm chết cô bé, ha!”

Ông già quay về phía gã thanh niên và ném cho hắn một cái nhìn phẫn nộ.

“Sao người dám tuân theo một mệnh lệnh như thế? Chúng là trẻ con... Ha! Quy tắc 32: Phớt lờ trẻ con. Có lẽ ta chưa dạy người chẳng?”

Oblivia phá lên cười.

“Và người đừng có cười, nữ tu. Ha! Ta để cho người tắm bản đồ đó, chỉ là vì lời nói của ta vẫn còn có giá trị trong thành phố này.” Ông già duỗi một bàn chân sưng vù ra lay Lưỡi Sắc đang nằm sõng xoài trên đất. “Ha! Và bởi vì cậu nhóc này vẫn còn sống.”

Sau đó ông đối diện Oblivia với ánh nhìn nghiêm khắc nhất và nói với cô ta:

“Cút ra khỏi đây, trước khi ta thay đổi ý định và làm Talos hài lòng!”

“Hãy ra lệnh cho người của ông mang ta ra khỏi đây,” Oblivia trả lời, “và ông sẽ không bao giờ còn thấy ta nữa.”

Ông chủ Tiệm Những Tấm Bản Đồ Bị Lãng Quên phẩy tay ra hiệu, và gã thanh niên cuộn gói cùng với cô ả.

Ông già cúi xuống cạnh Rick.

“Này, Tim Đá, thế nào rồi?”

Rick ho một chút trước khi có thể trả lời ông già:

“Tại sao ông lại để cho cô ta đi?”

“Ta đã hứa với cô ta, ha! Và cô ta đã trả công ta để tìm thấy tấm bản đồ.”

Trong lúc đó Maruk lấy một chút nước từ chiếc bể rẫy lên mặt Jason.

“Cậu bạn của cậu đã hứng một cú đánh mạnh, Tim Đá à, nhưng...”

Khi vừa gặp nước, Jason ho và ngay lập tức tỉnh lại.

“Ha! Theo ta thì cậu ấy vẫn bình yên vô sự.”

“Bọn chúng đi đâu rồi?” Jason vừa hỏi vừa dụi mắt.

“Bọn chúng đã bỏ đi cùng tấm bản đồ rồi,” Maruk trả lời.

Ngay khi nhìn thấy ông già chủ cửa hàng, Jason giương mắt và công kích ông già:

“Còn ông làm gì ở đây? À, bây giờ cháu hiểu rồi... Là lỗi của ông nếu Oblivia Newton đã cướp tấm bản đồ của tụi cháu!”

Ông già giơ bàn tay lên trong tư thế phòng vệ.

“Ha, ta thấy là cú đánh không làm lưỡi cậu kém sắc đi chút nào... Ta không cướp tấm bản đồ của các cậu. Ta được trả công để tìm ra nó. Và như thường lệ ta đã làm được. Ha ha...”

Sau đó ông quay người về phía sau, nghiêng chặt răng vì đau.

“Ha! Khi mặt trời lặn, đôi chân này càng làm ta đau hơn, các cậu có thể tin điều này!”

Ông già đến gần tấm chắn song che giấu chiếc cầu thang vẫn còn đang nâng lên.

“Các cậu... các cậu... đã làm điều mà ta không bao giờ ngờ tới,” ông lắc đầu nói. “Dưới đài phun nước của thần Hathor! Thật không thể tin nổi. Ha ha!”

Rời khỏi bức tường thành, Oblivia Newton chào từ biệt người dẫn đường của mình và nhanh chóng rời đi. Cô ta dừng lại nhiều lần để nhìn về phía sau, nhưng có vẻ như cô ta không bị theo đuôi.

Để chắc chắn, cô ta đã thay đổi lộ trình ít nhất năm lần, cứ mỗi lần lại quay lại để nhìn ngó xung quanh.

Khi hoàn toàn chắc chắn rằng gã thanh niên của cửa hàng đã mất hút, cô ta quyết định đi lên phía khu phố thầy thuốc.

Như một sự cẩn trọng cuối cùng, cô ta dừng lại ở góc đối diện con đường đáng lẽ phải đi vào và chờ đợi, đếm giây trôi qua, trong tâm trạng bị thiêu đốt bởi sự điên cuồng được trở về nhà để nghiên cứu tấm bản đồ của Kilmore Cove mà cô ta đang nắm chặt trong tay.

Nhưng, dù mong muốn biến khỏi đây thật nhanh, Oblivia vẫn biết rõ rằng cô ta không thể mạo hiểm để bị phát hiện được.

Rồi cô ta quyết định là đã chờ đủ lâu: cô ta rời khỏi chỗ ẩn náu, băng qua đường hướng về tòa nhà hai tầng không tên, nó dường như đã trải qua thời kỳ huy hoàng nhất.

Cô ta liếc mắt lên cuối sang phải và sang trái, rồi bước vào.

Bên trong, sự im lặng đang ngự trị. Tòa nhà này trong quá khứ từng là một văn phòng thuê, nhưng đã bị bỏ hoang nhiều năm. Danh tiếng của nó

khiến chẳng ai muốn đến đây để dòm ngó: không gì tốt hơn một tòa nhà thuế vụ, để khiến mọi người tránh xa.

Trong hầm, đằng sau một đồng chum vỡ và những bó cói, có giấu một cánh cửa bằng gỗ. Ulysses Moore đã cố giấu và đóng kín cả cánh cửa này lại.

“Bây giờ mình sẽ tìm ra tất cả.” Oblivia lầm bầm, nắm chặt tấm bản đồ.

Cô ta đá vào một chiếc bàn chặn ngang và tiến lại gần cánh cửa, sau đó cầm trong tay chiếc chìa khóa với tay cầm hình con mèo và đưa nó gần lại ổ khóa.

Tuy nhiên cô ta không phải sử dụng đến nó, vì cánh cửa đã được mở.

“VẬY là chìa khóa chỉ dùng để mở từ phía bên kia...” Oblivia ghi nhớ trong đầu.

Điều này thực sự thú vị, nhưng cũng rất nguy hiểm.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ai đó tìm ra cánh cửa?

Oblivia thấy rằng mình đã nghĩ quá nhiều. Cô ta đẩy cánh cửa gỗ và bước qua ngưỡng cửa, đi vào ngôi nhà của bà Cleopatra Biggles.

Những con mèo bắt đầu chạy và kêu như điên trong khi Oblivia đi giữa bọn chúng mà không thèm liếc mắt đến.

“Manfred?”

Chiếc đồng hồ của cô ta đã chạy trở lại kêu vo vo.

Cleopatra Biggles vẫn đang ngủ trên đi-văng, miệng há ra và con mèo Cesare đang cuộn tròn ở khuỷu tay bà.

Oblivia nhìn ra ngoài cửa sổ. Mưa đã tạnh, nhưng bầu trời vẫn tối thui và u ám. Những chiếc máng đầy ứ nước.

“Manfred!” Cô ta gọi lần nữa, hướng về phía cửa ra vào ngôi nhà.

Ở bên ngoài không còn chiếc ô-tô nữa.

“Khỉ thật! Có thể biết được người đã đi chỗ quái quỷ nào không?”

Oblivia chuẩn bị nổi cơn giận dữ như thường lệ thì chợt nhớ ra tấm bản đồ cô ta đang có trong người.

Cô ta mở nó ra, vừa làm, vừa bắt đầu cười.

Cô ta cười lớn dần, càng lúc càng lớn dần...

Mặc dù người lái xe thân tín và chiếc ô-tô không còn ở đây nữa.

Rồi cô ta ngoảnh mặt lại lần cuối về phía phòng khách, quay gót và nhặt từ dưới đất lên chiếc áo lông thú, cởi đôi dép đi trong nhà dưới chân bà Biggles ra và xỏ nó vào chân.

Trong lúc đi ra ngoài, cô ta tắt đèn.

“Chúc ngủ ngon, bà Biggles...”

Cô ta xuống đường và đi bộ trên con đường ướt nhẹp.

Bất chấp cơn mưa và đôi dép trong nhà quá khổ, Oblivia Newton vẫn cảm thấy thật tuyệt vời.

Chương 23. Về nhà

Rick, Jason và Maruk đợi tới khi ông chủ cửa hàng đi khỏi, sau đó bọn chúng đến Nhà khách. Đoàn rước của Pharaon vẫn đang diễu hành trong vườn và không ai để ý đến chúng.

Rick và Jason nhìn bức tường thành của Ngôi nhà Sự sống nổi bật trên nền trời, lúc này đã tối hẳn, rồi đi xuống nhà kho dưới lòng đất.

Một khi đã ở dưới đó, bọn chúng sẽ đi theo những dấu hiệu mà Rick để lại và quay trở về căn phòng nơi mà chúng đã gặp Maruk.

Hai cậu bé dịch chuyển tấm ván và một lối đi hẹp giữa những viên gạch lại mở ra.

Bối rối vì sắp phải chia tay, chẳng ai nói câu nào cả.

“Tớ nghĩ là,” Maruk cất tiếng, khi lỗ thủng lần nữa mở ra, “chúng ta phải chia tay nhau tại đây rồi.”

Jason xoa đầu, cậu bé vẫn bị đau bởi cú đánh.

Rick nhìn xuống dưới đất, bối rối.

“Có vẻ là như thế...”

“Được rồi... Vậy thì...” Cô bé người Ai Cập tháo từ cổ ra chiếc vòng quý giá mang lại may mắn và chìa nó cho Rick và Jason, mỉm cười.

“Tớ không biết tặng ai trong hai cậu, nhưng... tớ muốn các cậu mang theo nó theo mình.”

Cuối cùng cô bé đặt nó vào trong tay Jason nhưng cậu bé phản đối nhận món quà bất ngờ đó.

“Không, Maruk... nó rất quan trọng với cậu.” Cậu bé nói, nhớ lại bao nhiêu lần cô bé đã sử dụng nó để cầu nguyện.

Maruk đặt một ngón tay lên môi cậu.

“Đó là món quà của tớ. Con mắt của thần Horus sẽ bảo vệ các cậu khỏi rủi ro và che chở cho các cậu trong cuộc sống, như nó đã bảo vệ chúng ta trong Căn phòng không tồn tại vậy.”

Jason vẫn khẳng khái phản đối.

“Hãy mang nó bên mình đến bất cứ nơi đâu các cậu tới,” Maruk nói, không để tâm đến sự phản đối của cậu bé.

Rick nghiêng chặt răng, sau đó cậu bé đặt cái bọc xuống đất.

“Quà đổi quà,” cậu bé nói, rút ra từ trong bọc những que diêm cuối cùng còn sót lại. “Những thứ này để cậu nhớ về bọn tớ... và để làm bạn bè cậu ngạc nhiên nữa. Chắc chắn là chúng không có giá trị bằng chiếc vòng cổ của cậu, nhưng... chúng tớ không còn gì khác, ngoài vài mét dây.”

Maruk nhận những que diêm như một món quà quý giá nhất trên đời.

Sau đó ba đứa trẻ im lặng một lúc, cùng nghĩ lại tất cả những gì đã xảy ra trong buổi chiều khó tin này.

“Chúng ta sẽ gặp lại nhau chứ?” Maruk hỏi.

“Chắc chắn rồi,” Jason trả lời cô bé.

Rick mỉm cười.

“Chúng tớ sẽ trở lại, chắc chắn đấy.”

Ba đứa trẻ ôm lấy nhau.

“Tớ rất tiếc vì tấm bản đồ của các cậu,” Maruk thì thầm.

“Cậu đừng nghĩ đến nó nữa.”

“Chúng tớ sẽ tìm lại nó.”

Bọn trẻ buông nhau ra và tìm những từ cuối cùng để từ biệt.

“Cậu đi đi! Chị cậu đang đợi đấy, Jason. Còn cậu, Rick, đừng nghe theo cậu ấy quá nhiều, được chứ?”

“Cậu yên tâm, Maruk. Hãy bảo trọng. Và bảo vệ nơi này nếu cậu có thể.”

“Các cậu đi đi,” Maruk động viên hai cậu bạn. “Trước khi tớ có ý định đi theo các cậu qua cánh cửa đó.”

Rick và Jason vượt qua bức tường và đóng lối đi lại phía sau lưng. Bọn chúng cảm thấy Maruk đang làm điều tương tự và gõ lên những viên gạch thêm một lần nữa để chào tạm biệt.

Bọn trẻ xuống cầu thang, đi dọc hành lang và đến chỗ cánh cửa, nơi mọi việc bắt đầu.

“Chúng ta đến nơi rồi,” Rick nói.

Jason nhìn cánh cửa:

“Cậu có biết điều gì làm tớ tức nhất không?”

“Điều gì?”

“Rằng sau tất cả nỗ lực bỏ ra, chúng ta vẫn không biết được vì sao tấm bản đồ lại quan trọng đến thế... Trên đó có viết Kilmore Cove, và đây những cái tên kỳ lạ... Nhưng tớ không hiểu lý do phải giấu nó ở đây. Và thêm nữa chúng ta chỉ cần thêm chút may mắn nữa là có thể khám phá ra điều đó rồi!”

“Thực tế là chúng ta đã có quá nhiều may mắn rồi, với đồng răn đấy...”

Jason gật đầu.

Cả hai đứa trẻ cảm thấy mình như những quân cờ trong một trò chơi mà bọn chúng vẫn chưa hiểu luật.

“Trò chơi vẫn tiếp tục,” Jason nói, đặt bàn tay lên Cánh cửa Thời gian. “Miễn là cánh cửa này đưa chúng ta tới Biệt thự Argo...”

“Hắn rồi,” Rick nói. “Trò chơi vẫn tiếp tục.”

Và, sau khi hít một hơi thật sâu, bọn trẻ vượt qua ngưỡng cửa.

Nestor đưa Julia tránh xa khỏi vách đá.

“Chúng ta vào nhà thôi.” ông nói.

“Hắn có làm ông đau không?”

Người làm vườn lắc đầu.

“Không đâu. Hắn chỉ làm ta bầm tím thôi. Còn cháu thế nào?”

“Cháu chỉ sợ chút thôi ạ.”

“Tốt.”

“Ông có nghĩ là hắn... chết chưa ạ?” Julia thì thầm, nhìn ra biển.

Ánh hải đăng quay quay, bao quanh hai người đứng đối diện nhau trong im lặng, dưới cơn mưa.

“Ông nghĩ là hắn chết chưa ạ?” Julia lặp lại. “Với cú bay người như thế, từ trên cao...”

Nestor mím môi.

“Ông nghĩ cháu đã sai sao?” Cô bé nài nỉ. “Ông nghĩ đó là lỗi của cháu sao?”

Nestor không trả lời, ông đi tới chiếc ô tô của Manfred và mở cửa xe.

“Ông Nestor?” Julia gọi, cô bé đứng yên trước ngưỡng cửa. Ướt sũng. Và run rẩy. “Ông nói với cháu điều gì đó đi!”

“Hắn chưa chết đâu, cháu bình tĩnh... Những người như hắn có bảy mạng cơ, như mèo vậy.”

Ông ngồi vào sau vô lăng của chiếc xe.

“Bây giờ ông muốn làm gì vậy ạ?” Julia hỏi.

“Ta sẽ mang nó ra khỏi đây.”

Julia quay trở vào trong nhà, tiếp tục run rẩy như một chiếc lá. Cô bé thả người lên chiếc ghế bành của phòng ăn, co chân lên ngồi thu lu trong lòng ghế.

Cô bé nghe thấy ông Nestor khởi động ô tô của Manfred, sau đó tiếng động cơ xa dần.

Khi cô bé mở mắt ra, người làm vườn đang đứng trước mặt và nhìn cô.

“Cháu khỏe chứ?” Ông hỏi.

Julia dụi mắt.

“Ông đã để chiếc xe ở đâu ạ?”

“Ở dưới vách đá.” Nestor trả lời, nghiêm nghị và bí ẩn như mọi khi.

Julia không tài nào giữ mắt mở được. Cô bé mệt vô cùng. Mệt và khô ráo một cách kỳ lạ, cho dù đã hứng biết bao nhiêu nước mưa.

“Chúng ta sẽ không nói điều này cho bất cứ ai, phải không ạ?” cô bé thì thầm.

“Không ai hết.”

Julia gật đầu.

“Vậy là được. Chúng ta chỉ phải đợi Rick và em cháu trở về thôi... Bởi vì họ sẽ trở về, đúng không ạ?”

“Chắc chắn rồi. Họ sẽ trở về.”

Julia còn nói thêm điều gì đó, sau đó cô bé chìm sâu vào giấc ngủ. Bất ngờ cô bé cảm thấy nhẹ bẫng, như thể ai đó đang bế mình lên. Sau đó cô bé cảm thấy luồng khí lạnh của cầu thang trên da, cuối cùng là vòng tay ấm áp của lớp chăn đệm nặng.

Chúng nặng, rất nặng, như sự mệt mỏi của cô bé vậy.

Cô bé bắt đầu mơ, và trong giấc mơ cô nghe thấy tiếng Cánh cửa Thời gian mở ra và giọng nói của em cô kêu lên:

“Chúng ta về nhà rồi!”

Sau đó cô mơ thấy cả giọng nói của Rick, và của ông Nestor. Và tiếng bước chân trên cầu thang. Và mặc dù không tài nào mở nổi mắt ra, Julia có cảm giác rằng cơn bão ngoài kia đã kết thúc.

Chương 24. Cơn bão kết thúc

Khi bình minh lên, cơn bão vừa trút giận lên Kilmore Cove đã dịu đi. Những đám mây tan ra, để những tia nắng yếu ớt đầu tiên rọi xuống. Đám chim mòng biển bay là là trên những con sóng để bắt cá. Biển vỗ sóng chậm chậm.

Dòng nước xoáy ngược đã gửi lại trên bãi biển những búi rong biển, vỏ sò, mảnh gỗ và lưới đánh cá, cả những mảnh vỡ to hơn mà những người đánh cá sẽ phải vứt đi trước khi hạ thuyền lần nữa. Có một thân cây dài vài mét và một cánh buồm đã rách, mà chẳng ai biết được chúng đến từ cơn bão nào, và từ vùng biển nào trên thế giới.

Và có một người đàn ông, nằm sững xoài úp mặt xuống cát, bất động. Người này mặc quần áo tối màu và một chiếc áo mưa. Nước biển nhẹ liếm vào quần của hắn, và chân hắn thiếu mất một chiếc giày.

Một vài con chim mòng biển tò mò bay lượn bên trên, hy vọng đó là một con cá lớn mắc cạn để cùng nhau đánh chén.

Bỗng nhiên người đàn ông cất tiếng ho.

Gã chỉ ho có một tiếng, sau đó tức giận tuôn ra một tràng những từ ngữ khó hiểu.

Gã bật ngồi dậy, làm lũ chim mòng biển hoảng sợ, rồi sau đó bắt đầu ho và phun nước phì phì.

Khi đã nguôi đi, gã thử cử động một chân trước rồi tới chân kia, cuối cùng là kiểm tra cánh tay và đếm số xương sườn. Gã cảm thấy toàn thân đau nhức, nhưng có vẻ như không bị gãy xương chỗ nào.

Gã nhắm mắt rồi mở ra.

Bàn tay bên phải của gã rất đau. Nó chảy máu đầm đìa và những ngón tay cứng lại quanh một thứ gì đó. Gã phải dùng bàn tay kia để mở nó ra.

Gã ho tiếng cuối cùng, rồi mỉm cười.

Manfred vẫn nắm chặt trong tay chiếc chìa khóa cũ kỹ. Với tay cầm hình sư tử.

“Còn tiếp -

Chú Thích

- [1.](#) Tước hiệu của các vị vua Ai Cập cổ đại.
- [2.](#) Trong tiếng Ý, pharaon được viết là faraone, đồng âm với một từ khác có nghĩa là “những con gà sao”.
- [3.](#) Một nhân hiệu đồ gốm sứ nổi tiếng của Anh.
- [4.](#) Một vùng dọc sông Nil, nằm giữa Bắc Sudan và Nam Ai Cập.
- [5.](#) Một nền văn minh cổ đại nằm ở miền bắc khu vực Canaan cổ đại, với trung tâm nằm dọc vùng eo biển Liban, Syria, và Bắc Israel ngày nay.
- [6.](#) Minoan là một nền văn minh từ thời kì đồ đồng trên đảo Crete, được hình thành trong giai đoạn 2.700 - 1.500 năm trước Công nguyên.
- [7.](#) Nhóm các chủng tộc gồm người Do Thái và Ả Rập.
- [8.](#) Viên chức trông coi việc giấy tờ, văn thư; cũng là nhà Luật học và Thần học.
- [9.](#) Bộ tộc người lùn sống ở châu Phi.
- [10.](#) Người Ai Cập cổ sùng bái và coi bọ hung là người dẫn đường của Thần Mặt Trời. Nó còn được dùng để bảo vệ người đeo khỏi quỷ dữ, và là biểu tượng của sức mạnh, sáng tạo và sự biến đổi.
- [11.](#) Còn gọi là người Xen-tơ, là một nhóm đa dạng các bộ lạc thời kì đồ sắt và thời kì La Mã ở châu Âu.
- [12.](#) Một công trình kiến trúc lớn bằng đá thời kỳ đồ đá mới và thời kỳ đồ đồng, được đặt tại vùng phía Nam nước Anh, bao gồm các tảng đá lớn được xếp thành một vòng tròn.
- [13.](#) Trò chơi ở Ai Cập cổ đại vào 3.500 năm trước Công nguyên, được vẽ trên một tấm bảng dài có 30 ô. Mỗi người chơi sẽ có một bộ các mảnh ghép được di chuyển dọc theo tấm bảng sau khi đã ném các bộ xúc xắc hoặc những cây gậy.
- [14.](#) Một câu thành ngữ ý nói người khôn ngoan, có lương tri.
- [15.](#) Một trong các trung tâm chính của nền văn minh Hy Lạp trong thiên niên kỷ thứ hai trước công nguyên, cách Athens khoảng 90 km về phía Tây Nam.
- [16.](#) Một nhạc cụ thời Ai Cập cổ đại, bao gồm một tay cầm và một khung kim loại hình chữ U, bằng đồng hoặc đồng thau.
- [17.](#) Một vị thần trong thần thoại cổ Ai Cập có gương mặt chim ưng, là vị thần của chiến tranh chính nghĩa, bầu trời, và sự bảo vệ. Mắt của thần Horus được coi như một biểu tượng của khả năng bất khả hủy diệt, giúp ích cho việc tái sinh, bảo vệ và xua đuổi quỷ thần.
- [18.](#) Là một khoá nhạc thông dụng nhất, nằm ở đầu của tất cả các khuông nhạc, được bắt đầu viết từ vị trí dòng số hai của khuông nhạc, cũng là vị trí của nốt sol.
- [19.](#) Thần Mặt Trời theo văn hóa Ai Cập cổ đại, là vị thần tối cao, thường được miêu tả với hình dạng có đầu của Đại bàng và đội vương miện với Đĩa mặt trời ở phía trên.

[20.](#) Thần Mặt Trăng theo văn hóa Ai Cập cổ đại, cai quản về văn bản và kiến thức và là “Vị thần của Thánh thư”, thường được mô tả dưới dạng một con cò lớn hoặc một con khi đầu chó.

[21.](#) Vị thần đất của người Ai Cập, là anh và là chồng của nữ thần Nut.

[22.](#) Nữ thần bầu trời của người Ai Cập, là em song sinh và cũng là vợ của thần đất Geb.

[23.](#) Nữ thần công lý và chính nghĩa của người Ai Cập cổ, có biểu tượng là chiếc lông vũ. Là con gái của thần mặt trời Ra, bà chủ trì việc xét xử người chết. Mỗi người, khi chết đi, đều phải xuất hiện trước 42 quan tòa và khai báo xem họ đã mắc bao nhiêu tội lỗi. Trái tim của người chết sẽ được đem ra cân để so với lông vũ của thần Matt trong Ngày phán xét cuối cùng. Nếu đó là trái tim của một người thật thà, thì nó sẽ có trọng lượng bằng với chiếc lông vũ và người đó sẽ được phép vào Vương quốc của Osiris. Còn nếu trái tim đó chất đầy với tội lỗi thì nó sẽ nặng hơn chiếc lông vũ và người đó sẽ bị đem đi làm mồi cho quái vật Ammut.

[24.](#) Nữ thần mẹ của người Ai Cập, là con của Geb và Nut, vừa là em gái vừa là vợ của thần Osiris, có biểu tượng là ngai vàng, đĩa mặt trời, sừng bò và cây sung dâu.

[25.](#) Con trai của các thần Ai Cập Geb và Nut, nguyên là một vị thần thiên nhiên trượng trượng cho chu kỳ thảo mộc. Tuy nhiên, dần dần ông trở thành vị thần của người chết.

[26.](#) Vị thần bạo tố và hỗn loạn của người Ai Cập, được xem là đại diện cho cái xấu, là em trai và là người đã từng hại chết Osiris.

[27.](#) Loại xe đẩy tay có một trục, dùng để vận chuyển ít đồ, hàng hóa.

Tôi đã tìm thấy tấm ảnh chụp lấy ngay rất kỳ lạ này ở trong chiếc rương. Tấm hình được chụp ở Ai Cập.

Tôi đã tìm kiếm trong mọi cuốn sách... Tòa nhà và bức tượng trong ảnh không còn nữa!!